Tìm ao chánh àng phuc thât / cua Jacques Lê Vn Đúc don

TÌM ĐẠO CHÁNH

ĐẶNG PHƯỚC THẬT

của JACQUES LÊ-VĂN-ĐỨC dọn

IN LẦN THỨ NHỨT

IMPRIMERIE DE LA MISSION
289, RUE PAUL-BLANCHY, 289
Saigon-Tandinh

1936

TÌM ĐẠO CHÁNH

LÀ

ĐÀNG PHƯỚC THẬT

IMPRIMATUR :
Saigon, die 2 Septembris 1936.
† ISIDORUS DUMORTIER,
év. vic. apost.

Tôi xin dâng cho cả và Đồng Bào rất yêu dấu tôi ; Lương và Giáo, cuốn sách mọn nầy, cũng như dâng lòng dạ hèn của tôi vậy.

Nay kính

Jacques LÊ-VĂN-ĐỨC

Rút trong bức thơ của Đức Cha Dreyer, Khâm Sứ Tòa Thánh chính mình cầm viết mà khen thầy Jacques Lê-văn-Đức, là Soạn giả sách nầy đang lúc in trong Báo *Nam-Kỳ Địa-Phận.*

Délégation Apostolique de l'Indochine
Huế (Annam), le 16 Octobre 1935
N° 298 — 35

Cher Monsieur,

. . . .

« *Quand vous éditerez en volume vos articles* « **Tìm Đạo Chánh** » *dont le sujet me paraît singulièrement opportun et important, je serai heureux d'en avoir un exemplaire.*

Avec tous mes encouragements et mes meilleurs souhaits, recevez aussi ma bénédiction pour vous et pour votre famille, ainsi que l'expression de mon religieux dévouement in X° et M. S.

† *Fr Colomban-M- DREYER ofm.*
Délégué Apostolique.

Dịch ra tiếng quốc âm :

Tòa Khâm Sứ Đông-Pháp

Huế (Annam), le 16 Octobre 1935

N° 298 — 35

Kính Thầy,

. . . .

Khi thầy ấn hành ra sách mấy bài « **Tìm Đạo Chánh,** » *thì ta sẽ lấy làm hân hạnh mà nhận một quyển, vì ta coi cái vấn đề đó rất hợp-thời và rất quan-trọng.*

Vậy trước ta xin khuyến-khích thầy và chúc cho thầy được toàn hảo, sau ta ban phép lành cho thầy và cho quí-quyến thầy.

Xin thầy hãy tin lòng thành thực ta trong Chúa Kirixitô và thánh Mẫu Người.

† Fr Colomban-M- DREYER,

Khâm Sứ Tòa Thánh.

Bức thơ của Đức Cha TÒNG gởi cho soạn giả :

Kính thăm Thầy đặng mọi sự lành.

Những bài **Tìm đạo chánh,** *trước đăng trên báo Nam Kỳ Địa Phận, nay thầy định xuất bản thành một quyển sách : đó là một đều hay lắm, tôi rất hoan nghinh. Hoan nghinh, chẳng phải nguyên vì tình thâm nghĩa trọng bấy lâu, song vì trông ích lợi cho đồng bào.*

Đồng bào !.. *hai chữ thống thiết hằng văng vẳng bên tai tôi, làm cho tâm tình chuyển động, làm cho thốn thức nương long. Tôi thường thầm nghĩ : Đồng bào là chỗ anh em, cùng tông tộc, cùng máu huyết, cùng xương thịt, cùng chung một vận may số rủi, cùng chia vinh đồng nhục trên một quê hương. Nhưng vậy... thảm thay!... trong hai mươi triệu đồng bào, gần mười chín triệu chưa nhìn* **đạo chánh,** *chưa rõ đâu là* **đàng phước thật.**

Lương Giáo cũng cùng nhau sanh sống, cũng cùng nhau bậu bạn trên dương thế ; mà số phận hai đàng biết bao xa cách ! Ở đời đôi bên cũng hao công tốn của vì phượng thờ, cũng lận đận lao đao vì tôn giáo ; song hỡi ôi ! một bên thì thờ Chúa chí tôn, là thờ chính Đấng Tạo thành nhơn loại, chính Đấng tác tạo và bảo tồn vạn vật cho nhơn loại hưởng dùng, là vào chánh đàng chơn đạo đưa loài người về Đấng Tạo thành mình, cho được thanh nhàn vô cùng trên cõi thọ. — Còn bên kia thì trễ ra đàng khác : hoặc bởi lầm, hoặc bởi sợ hay là nể, hoặc vì dửng dưng cứ lối cổ kim, chẳng truy tầm đàng ngay lẽ chính, cho nên thờ thần phật, thờ tiên nhơn, thờ cho tới loại dưới bậc loài người, là vật vô tâm vô trí, vô tri vô giác. Thương hại thay ! Đấng dựng nên loài người, Đấng sanh thành dưỡng dục cùng liều mình chết mà cứu chuộc loài người, mà loài người chẳng thờ phượng mến yêu, ắt sẽ phải khốn vô cùng vô tận mà chớ !

Tìm phương nào cho các bạn đồng ban bên Lương chóng gặp con **đàng phước**

thật, *liệu kế gì cho phồ kẻ ấy tìm được* **đạo chánh** ; *ấy là đều lòng tôi sở nguyện náo nức đêm ngày, ấy cũng là đều làm cho tôi đau đớn vô cùng, khi thấy anh em đồng bào chưa được nhờ công ơn Chúa sanh thành cứu chuộc !*

Lòng giáo hữu chơn thành ắt phải ngùi ngùi thương xót ! Kẻ nào không thương người ngoại đạo, thì sao đáng danh hiệu người công giáo ? Chẳng thiết **anh em** *mình, thì lẽ nào đáng kể là con* **Cha** *cả trên trời ? — Phàm người công giáo, bất luận sang hèn, chẳng kỳ lớn bé, kẻ thông người dốt, bất luận nam nữ, thảy đều phải chí công đem người ngoại giáo trở về cùng Chúa. Lấy lẽ rằng mình không phải tông đồ giảng đạo, thì còn việc cầu nguyện hãm mình ; nghĩa là còn thể dưng lời kêu van khẩn nguyện, dưng việc lành phước đức, dưng mọi nỗi gian nan khốn khó mình chịu, mà xin Chúa dẫn anh em về* **đạo chánh.** *Cầu nguyện hãm mình : đó là hai gươm thần hiệu, tay ai cũng cầm được mà mở mang* **Nước Cha trị đến**

Dầu vậy cũng chưa đủ : còn phải dưng lời khuyên nhủ, chép sách soạn bài, giúp hội Truyền Giáo, phụ lực Công Giáo Tiến Hành. Người con thảo **Cha** *trên trời, kẻ thành tâm mến* **anh em** *dưới thế, hễ liệu được phương nào, ắt phải đem ra hết, để dẫn đồng bào lên* **cõi phước.**

Thầy Jacques quí yêu! Tôi làm chứng thầy vào hạng giáo hữu nhiệt thành đó. Từ thuở thiếu niên, bởi yêu **đồng bào,** *bởi mến* **Cha chung,** *thầy đã biết hi sinh các cuộc an nhàn thong thả, đã dùng tài trí sức lực mà dưng cho việc cứu dân độ thế, mong làm ơn ích cho đồng bào đời bên Lương Giáo. Không kể nhiều nghĩa vụ khác, thầy đã góp công vào báo chí Nhà Đạo. Nay thầy lại chịu khó làm một quyển sách, để giúp đồng bào tìm ra đạo thật.*

Sách thầy có ba tư cách : — 1º Thầy không cốt ý khoe tài, chỉ lựa nguyên các lẽ vừa tâm trí người bình dân, cho nên ai đọc cũng trông hiểu được. — 2º Thầy đã thu nhiều ví dụ mà giải cho các lý luận càng thêm tỏ rõ, càng vừa sức kẻ chưa quen triết lý. — 3º Tuy thầy không nói ra, nhưng suy ngầm

trong chữ viết, có ẩn một tình thương mến đồng bào, mong ước dẫn những kẻ ấy vào đàng chơn chánh.

Nói tắt một lời, sách **Tìm đạo chánh** *là một sách đơn sơ, dễ hiểu, mến thương. Sách nầy trông bổ ích cho nhiều người nhiều hạng : — 1° Cho những kẻ ngay lành đang truy tầm đạo chánh, khắp nước Nam ta biết bao nhiêu kẻ ngay lành, chưa theo đạo chỉ vì* **vô tri bất mộ** *mà thôi. — 2° Cho các giáo hữu đạo dòng (gốc) : bổn đạo có tinh tường lẽ đạo thì mới giữ đạo ngoan ngùy, mới dễ nhiệt thành sốt sắng, mới nhơn đức vững vàng. Song thảm thay ! biết bao nhiêu người chỉ biết sơ lược qua loa, đức tin yếu đuối, lòng đạo bơ thờ. — 3° Cho các vị chuyên nghề dạy đạo : như thầy giảng cùng các nhà phước, giáo sư trường đạo, các viên quản giáo dạy đạo mới và trẻ con, và hết thảy mọi người có dự vào công việc truyền giáo.*

Tôi hết lòng trông mong cho hết thảy bên Lương được gặp đàng chính nẻo ngay. Tôi ước ao cho các giáo hữu được thông minh đạo thánh. Tôi khao khát cho bạn tông đồ,

cho hội Công Giáo Tiến Hành chăm lo phận sự, tìm phương liệu kế cho mình đủ tư cách đấng làm Thầy, nhứt là trau chuốt những lẽ nền tảng giáo lý cho minh bạch. Bỡi vậy cho nên tôi vui lòng giới thiệu quyển **Tìm đạo chánh** *của thầy, tôi giới thiệu cho các hạng người vừa kể trước đây. Tôi mong sách nầy mau phổ cập ra công chúng, để làm ích xứng đối công thầy. Xin Chúa dủ lòng thương giáng phúc cho thầy được kết quả như lòng sở nguyện !*

Lạy Đ C G là **Đàng,** *là sự* **Thật** *cùng là sự* **Sống,** *xin Chúa soi trí mở lòng cho cả nước Việt Nam chóng vào* **Đàng chơn thật,** *ấy là* **Tìm** *được* **Chánh Đạo,** *như Sách nầy chỉ dẫn, hầu ngày sau cả thảy đồng bào chúng tôi là con chung một Chúa, được* **Sống** *và được* **Phước Thật** *cùng nhau vô cùng trên Nước Chúa !*

Làm tại Phát-diệm, ngày 24 Septembre, Lễ Đức Bà chuộc kẻ phải làm tôi, năm 1936.

† **J B. TÒNG**

TÌM ĐẠO CHÁNH

LÀ

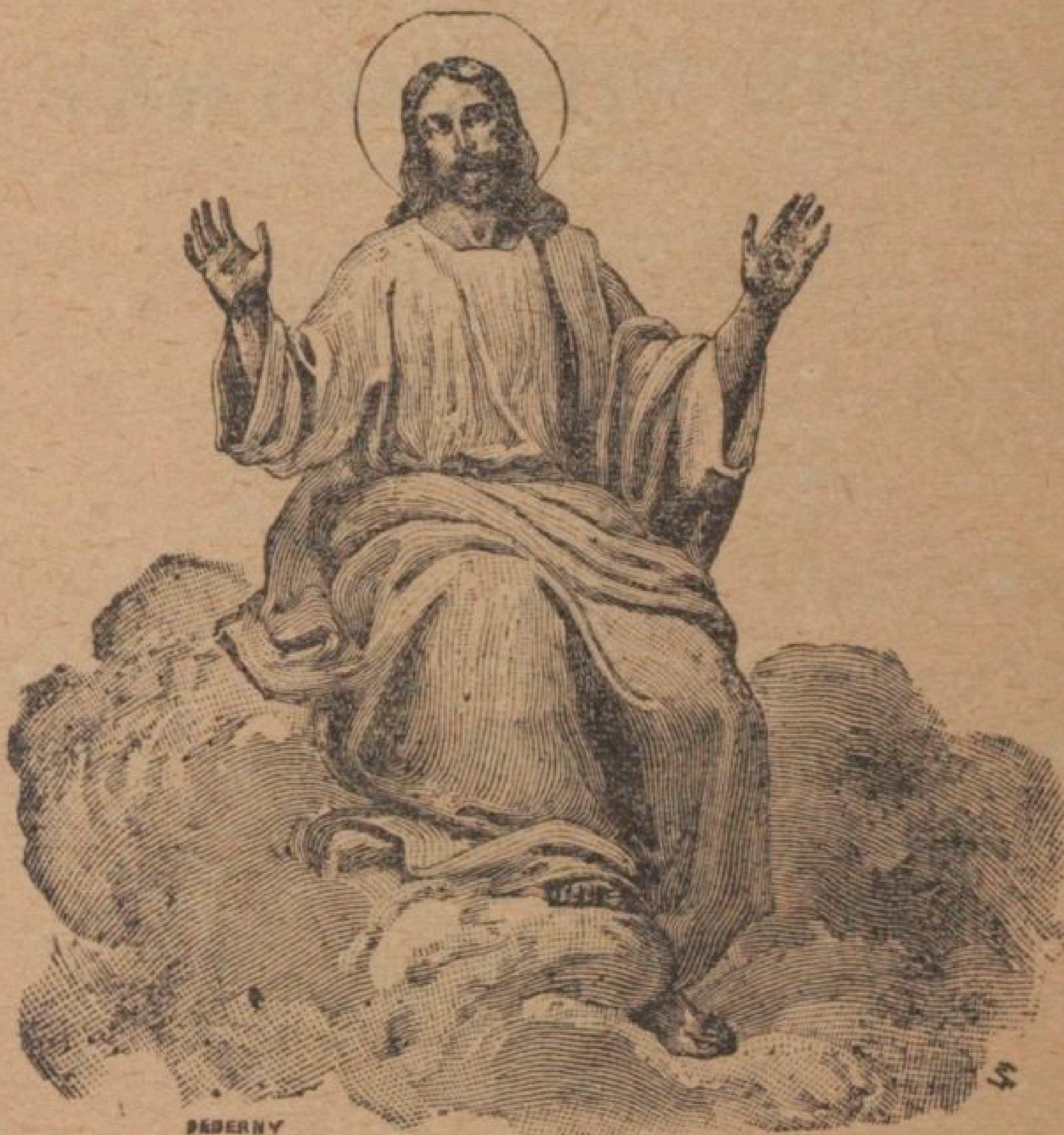
ĐÀNG PHƯỚC THẬT

của Jacques Lê-văn-Đức *dọn*

IN LẦN THỨ NHỨT

IMPRIMERIE DE LA MISSION
289, RUE PAUL-BLANCHY, 289
Saigon-Tandinh

1936


DEBERNY

Tiểu dẫn.

Trước hết tôi xin các hàng linh mục và các đấng tu trì, miễn chấp và tha thứ cho tôi, vì tôi dám liều mình cả gan mà dọn sách nầy.

Vốn thật việc lo giảng đạo Chúa thì là bổn phận của các đấng Bề trên Chúa đặt ra, song tôi xét người bổn đạo thường cũng nên giúp các đấng giảng đạo theo sức mình.

Ấy cũng là vưng theo lời Đức Giáo Tông Piô XI mà Đức Cha Isiđôrô Địa phận Saigon đã nhắc lại trong Thơ chung của Ngài năm 1928.

Trong thơ ấy, ta nên ghi trong lòng những lời của Đức cha sau nầy: « Ta xin anh em, khi cầu nguyện cho kẻ ngoại cả và thế gian, thì hãy nhớ cách riêng kẻ ngoại trong xứ nầy, là người bổn hương của anh em. Cầu nguyện mà thôi thì chưa đủ, vì Đức Giáo Tông nói rằng: « Trong việc lo cho kẻ ngoại trở lại, « thì hết mọi người đều phải tận tâm phụ lực, « chẳng có người giáo hữu nào đặng chuẩn « cho khỏi sự ấy đâu ».

Xét lại thì bổn đạo ai ai cũng phải làm việc chi chút đỉnh tùy theo sức bực mình

đặng đền tội và cho *sáng danh Chúa*, cho *Nước Cha trị đến*, vì hễ ta thờ phượng Chúa thật lòng, thì trước hết ta phải lo phò tá Chúa và làm sao cho ai nấy cũng thờ phượng Chúa như ta vậy. Vậy nếu mình kính mến Chúa thật thì phải vì Chúa hơn vì mình. Giữ đạo chính đính, lánh tội lập công, xem lễ đọc kinh, có ý cho khỏi xuống hỏa ngục mà thôi thì chẳng phải là mến Chúa thật, e Chúa dòm ý ta mà không ban ơn phần rỗi cho ta. Cũng như con cái nào hiếu thảo thật lòng với cha mẹ nó, thì lo cho cha mẹ nó, đặng thới thạnh, đặng sức khỏe, lo cho người ta kính vì cha mẹ nó, dầu nó phải cực khổ cách nào cũng bằng lòng. Chớ như nó được giàu có sung sướng, mà không ai ngó ngàn đến cha mẹ nó, thì sao nó đành cho được?

Ta giữ đạo làm con Chúa cũng đặng! Nếu ta lo phần riêng, phần chắc ta mà thôi, là phần rỗi của ta, còn ai thờ Chúa cùng không, thì mặc ai ta không kể đến, như vậy nào ta có phải là người biết giữ hai luật cần kíp Chúa dạy đâu, là « *Kính mến Đức Chúa Trời trên hết mọi sự và yêu người như mình ta vậy.* »

Vì những lẽ mới nói trên đây, nên tôi xin dâng mấy trang sau nầy cho đồng bang rất yêu dấu tôi, bên lương hay là bên giáo, nhỏ hay là lớn, giàu hay nghèo, có ăn học cùng

không. Tôi không lấy được ý chỉ thông thái chi mà trưng ra, song tôi lấy lòng thiệt thà và trí mọn tôi mà luận lý về một sự can hệ ai ai ở đời cũng phải nhớ đến, không trừ một người.

Sự can hệ nầy là trọng vọng hơn hết mọi sự cho con người. Nghĩ lại coi! Ta ở đời, ai nấy cũng biết lo kiếm đủ phương thế cho được mọi sự phước: mạnh giỏi, giàu có sang trọng, sung sướng mọi bề tùy theo bực mỗi người. — Vậy dầu ta được mọi đều theo ý sở nguyện ấy, thì ta được hưởng nó hết sức là tới trăm tuổi. Có người vừa được hưởng của cải thì là vừa chết.

Xét lại thì sự ta gọi là *Phước* ở đời nầy là chóng qua mỗng giòn lắm, là của phù vân, như hoa nở sớm mai, mà trưa tối thì là tàn rồi.

Còn sự khốn khổ ở đời nầy cũng chóng qua như luồng mây gió thổi bay mất tức tốc, như dông tố, dầu cho to cách nào, một lát cũng phải yên lại.

Vậy ta ở đời, dầu sướng dầu cực, thì cũng trong vòng một trăm tuổi trở lợi chớ không lâu nữa. Nếu dầu vậy mà ta còn lấy hết lòng, hết trí, hết sức ta đặng mà lo cho được sung sướng, khỏi cực khổ ở đời tạm nầy, thì đáng lý ta phải lo muôn muôn phần nhiều hơn nữa

về đời sau của ta, là đời đời kiếp kiếp, không khi nào cùng tận.

Vậy ta phải lo về *Đời sau* nhiều hơn *Đời nay* bội phần, hết lòng hết trí ta, vì *Đời sau*, ta sẽ ra làm sao thì không còn đổi dời nữa được.

Tôi hết lòng cúi đầu xin đồng bang chịu phiền thí một chút công dư ra mà đi theo tôi tới cùng mấy trương sau nầy. Chắc chúng ta sẽ gặp đặng một đàng quí báu vô cùng là « *Đàng phước thật* », ta nên theo trong nơi sủng khóc lóc là thế gian nầy. Nhờ đàng ấy thì sự lao lực khốn khổ ta ở đời nầy ra nhẹ nhàng, làm cho ta phấn chấn mà đi cho tới cùng, là tới nơi cõi thọ đời sau.

Jacques Lê-văn-Đức

TÌM ĐẠO CHÁNH
LÀ
ĐÀNG PHƯỚC THẬT

ĐOẠN THỨ NHỨT

Đấng Tạo Hóa

Con người, dầu đời nào, xứ nào, nước nào, cũng tin chắc chắn rằng hễ chết rồi, thì còn phải sống *Đời sau* nữa, là *đời đời kiếp kiếp*. Một lẽ chắc chắn có sự tin ấy, là đời nào, xứ nào, người ta cũng cầu khẩn cho kẻ chết rồi đặng tiêu rỗi. Nên ai ai cũng tin rằng đời sau mỗi người sẽ được *thưởng* đời đời, hay là chịu *phạt* đời đời, tùy theo việc đã làm khi còn ở dưới trần gian nầy.

Vì vậy, nên ai nấy cũng hiểu là phải rán mà *làm lành, lánh dữ*, rán mà lập công cho *đời sau* được *thưởng* và khỏi *phạt*.

Mà ai sẽ *thưởng*, ai sẽ *phạt*, loài người *đời sau* ?

Tự nhiên ai nấy cũng phải hiểu rằng, phải có một Đấng nào cao cả, phép tắc vô cùng, hằng sống đời đời, vô thỉ vô chung, nghĩa là không trước không sau, vô lượng vô biên, là *Đấng* dựng nên và là Thầy, là Chủ trời đất muôn loài, muôn vật, nên một mình *Đấng* ấy là chí tôn vô đối, có phép *thưởng* và *phạt* loài người mà thôi.

Đấng ấy, ai ai, đời nào, nước nào, cũng tin thật rằng : là có và gọi tiếng chung là **Đấng Tạo Hóa,** nghĩa là Đấng hằng có đời đời, vô thỉ vô chung, phép tắc vô cùng, nên mới bởi không không mà dựng nên cả và trời đất muôn loài muôn vật được.

Và trời đất, ngôi sao trên trời, là minh mông thiên địa, và chứa chan nhiều của quí báu, vàng ngọc, mà *Đấng Tạo Hóa* đó dựng nên được, thì chắc Người là Đấng cao cả phép tắc

và tốt lành vô cùng vô tận, trí loài người hiểu chẳng thấu.

Đời nào xứ nào người ta cũng đều lo cất nhà, lập bàn thờ mà thờ lạy *Đấng Tạo Hóa*, dầu người ta có ăn học cùng không, đức hạnh hay là tội lỗi, nhơn từ hay là hung dữ, cũng đều tin rằng có một *Đấng Tạo Hóa* phép tắc hơn các đấng chi chi hết.

Nhiều kẻ thông thái viết sử ký, nói rằng : « Dầu cho có dân nào mọi rợ dốt nát dường nào, không biết cất một cái chòi mà ở đi nữa, thì nó cũng lo thờ *Đấng Tạo Hóa*, vì nó tin sao sao cũng có *Đấng Tạo Hóa* dựng nên trời đất muôn loài muôn vật và sanh nó ra ! »

Bởi đó nên đời nào, xứ nào con người trong lúc khốn khổ, cũng kêu rêu rằng : *« Trời ôi »* nghĩa là kêu xin *Đấng Tạo Hóa* cứu giúp.

*
* *

Lại cũng phải tin nữa rằng: có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, chớ không có nhiều Đấng nào khác được. Đời nào, xứ nào, hồi ban sơ, cũng tin có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, đến sau, lần lần trí ra mê muội mới bày vẽ việc thờ bụt thần. Bởi vậy nên có sử ký chắc rằng: nhiều xứ, lúc ban sơ kính thờ một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, dầu không biết Đấng ấy là làm sao. Như bên nước Tàu, trước khi có Đức Khổng-Tử, nghĩa là hơn hai mươi sáu thế kỷ nay, thì là không có thờ phật nào hết.

Xét lại cho tường tận, thì phải chịu rằng: có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi.

Vì có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, nên có một mình Người khiến trong lòng cả và loài người ta những sự tin tưởng giống nhau hết; ta đã có luận rồi, như là hết thảy đều tin rằng:

1. Ở đời tạm nầy phải thờ phượng một *Đấng Tạo Hóa*. — 2. Phải làm

lành lánh dữ, vì đời sau, sẽ còn kiếp khác, thì *Đấng Tạo Hóa* sẽ thưởng hay là phạt theo việc mình đã làm ở đời tạm nầy.

Cũng vì có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, nên có một mình Người khiến trong lòng cả và loài người ta nhiều đều giống nhau hết ; như là cha mẹ nào cũng đều thương con như ruột gan của mình ; như là ai ai, dầu độc dữ dường nào, thì trong lòng cũng có một chỗ nhỏ mọn kia chứa sự biết thương người, song nếu ra độc ác là tại tội lỗi lấp phủ, làm cho lương tâm ra như nghẹt, không còn biết phải quấy, tội phước nữa.

Vậy ta tin chắc chắn rằng : có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi ; chớ nếu có nhiều Đấng, thì lẽ nào mà mọi người đều giống nhau trong cách tin tưởng, cũng như hình tượng, đều giống nhau hết vậy ?

Đó cũng như cây cối ! Một cây nào thì nhánh nấy cũng đều giống nhau, một thứ lá, một hình vóc, một thứ mủ, một thứ vỏ, vì là hết thảy đều bởi một gốc mà ra thôi.

Lại như trong một nhà thì phải có một chủ mà thôi, chớ có nhiều chủ không được ; kẻ sắm đồ nầy, người sắm món kia, thì làm sao cho vừa ý nhau, cho thuận lòng nhau, và cho bàn ghế theo kiểu thủ thiếp với nhau được ?

Cũng một lẽ ấy, phải có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, tự quyền Người sanh trời đất, ngôi sao, sắp đặt đâu đó đàng hoàn, nên đâu đó không lộn xộn, mặt trời sáng ban ngày, ngôi sao sáng ban đêm, thì tiết, nước lớn nước ròng, cây trái trổ, người ta, loài vật sanh sản, từ tạo thiên lập địa tới bây giờ thì cũng một cách giống y nhau luôn, không nghịch theo cách ý *Đấng Tạo Hóa* đã định ra khi hồi ban sơ.

Chớ nếu có nhiều *Đấng Tạo Hóa*, thì ai muốn dựng nên cái gì thì dựng, chắc có lẽ nào trời đất đặng bình yên được ? sao cho khỏi ngôi sao trên trời đụng chạm nhau, vì ngôi sao ấy xây vần chuyền động luôn lnôn và nhặm lẹ quá trí loài người khôn lường.

Vì có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, nên đời nào, xứ nào. loài vật thứ nào theo thứ nấy, cũng đều giống nhau luôn. Sanh sản một cách, làm hang làm ổ một cách, ăn ở một cách, lông lá giống nhau, một tiếng kêu giống nhau.

Vì có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, nên đời nào, xứ nào, cây trái, bông hoa. cũng sanh trổ một cách, theo thì tiết.

Vì có một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi, nên xứ nào, đời nào, người ta sinh ra đều giống nhau hết, về hồn về xác. Xác nào, thân thể nào, cũng tương tợ nhau, một cách ăn vô, một cách tiêu ra, một cách sanh sản. Còn phần hồn

thì cũng vậy ! Dầu lớn nhỏ, dầu man-di mọi-rợ, hay là có ăn học, thì cũng vì có một *Đấng Tạo Hóa*, nên khiến con người, ai ai cũng đều có *một Đạo tự nhiên*, nghĩa là cũng có một lương tâm giống nhau, tin tưởng giống nhau. Lương tâm đó biểu phải *làm lành, lánh dữ*, đừng ăn trộm ăn cướp của ai, đừng lấy vợ lấy chồng ai, đừng làm hại ai, phải thương xót nhau, vân vân.

Chớ nếu có nhiều *Đấng Tạo Hóa*, thì chắc là người ta phải *khác nhau* hết, về hồn về xác.

*
* *

Mấy lẽ nhắc đơn sơ trên đây, cũng đủ làm chứng chắc chắn có *Đấng Tạo Hóa*, không ai chối cải được, và *Đấng Tạo Hóa* ấy có *một mình* mà thôi, là Đấng dựng nên trời đất muôn loài muôn vật, là Thầy, là Chủ trời đất muôn vật, là Đấng ngày sau sẽ *thưởng* kẻ lành sẽ *phạt* kẻ dữ đời đời kiếp kiếp.

Ai ai có lòng ngay thật mà xét, thì chịu và tin sự ấy tự nhiên, vì vật gì cũng phải có kẻ làm nó ra, nó mới có đặng; chớ không lẽ khi không mà hóa ra một mình được.

Hễ mình thấy ngoài đồng một viên đạn đất, thì mình cũng hiểu rằng: chắc có một đứa nhỏ vò viên đạn đó. — Hễ mình thấy một cái chòi, hay là vật gì khác, thì mình cũng chắc rằng: có ai làm vật ấy. — Hễ mình thấy dưới đất cát có dấu chơn người ta hay là loài vật, thì mình chắc chắn rằng: có người ta hay là loài vật mới đi qua đó.

Ấy vậy, hễ ta thấy trời đất, ngôi sao, sông biển, cây cối, loài vật và người ta, thì ta chịu chắc chắn rằng: Hồi ban sơ đầu hết cũng phải có một Đấng nào dựng nên, và Đấng ấy cũng phải là một Đấng cao trọng phép tắc vô cùng, vô thỉ vô chung, hằng có đời đời, nghĩa là không trước không sau, và không vị nào sinh ra Đấng ấy được.

ĐOẠN THỨ HAI

Đức Chúa Trời và sự mầu nhiệm.

Vậy *Đấng Tạo Hóa* là Đấng vô thỉ vô chung, chí tôn vô đối, phép tắc vô cùng đã tạo thiên lập địa ra, thì có tên là **Đức Chúa Trời,** nghĩa là Đấng dựng nên trời đất muôn vật, là Thầy, là Chủ, là Vua cả và trời đất muôn vật.

Trí loài người thấp hèn muôn phần, đến đỗi ra như không vậy, cũng như một giọt nước sánh cùng biển cả, cho nên không thế nào mà hiểu cho thấu bổn tánh *Đức Chúa Trời* là làm sao, vì là một sự cao sâu vô cùng, không lưỡi nào nói được, nên mới dùng một tiếng chọn lựa đích xác, gọi là *Mầu nhiệm* mà thôi, nghĩa là trí loài người hiểu không thấu nổi.

Xét lại, nhiều sự thuộc về *Đức Chúa Trời* và Đạo Đức Chúa Trời, *mầu nhiệm* thì thậm phải lắm, vì nếu sự ấy tầm thường, thấp hèn, cho loài người hiểu

được, như hiểu mọi đều thông thái chi trong đời hèn mọn nầy, thì *Đức Chúa Trời* có phải là một *Đấng* chí tôn vô đối đâu, cao cả vô cùng đâu, vì ra như các người các vật khác rồi, loài người đụng rờ đến được, hiểu rõ đến được. Như vậy thì *Đức Chúa Trời* ra như một sự thường kia.

Xét đó thì mới hiểu sao việc chi thuộc về bổn tánh *Đức Chúa Trời* và *Đạo Đức Chúa Trời*, thì là trọng vọng vô cùng, cao cả vô cùng, trí loài người hiểu không thấu, nên phải khâm phục, cúi xuống mà kính gọi rằng là *Sự mầu nhiệm*.

Nhiều sự thường ở thế nầy, của người thông thái, mà cũng là người ta như mình, tìm ra, bày ra mà ta còn hiểu không thấu, song ta cũng tin chắc chắn vậy, có từ chối, có cải cọ chi đâu ?

Có ai hiểu sao một hột lúa gieo xuống đất, nó bị ướt ẩm, đáng lý phải hư thúi, mà sao lại trổ cộng trổ trái ? — Có ai hiểu sao con người ăn uống, rồi vật

thực tiêu tan ra phẩn, ra nước tiểu, ra mồ hôi hết mà lần lần con người lớn lên, xương cốt lớn lên bao nhiêu thì da thịt nở ra bấy nhiêu đều đặn, cho tới một tuổi kia, rồi không cao lớn nữa, lại trí khôn càng ngày càng ra minh mẫn, đến già cả trí lại lẫn mất ?

Có ai hiểu sao người khi ốm khi mập, mà da thịt đi đâu mất hay là bởi đâu mà đến ?

Một vua kia danh tiếng đời xưa, mà bây giờ hãy còn danh tiếng nữa, là khôn ngoan hơn hết trong loài người ta, tên là Salomon ; sự gì cũng hiểu thấu được hết, mà còn chịu rằng : cũng chưa đủ khôn ngoan ; vì không biết đâu mà chỉ đường chim mới bay trên trời, rắn bò dưới đất, tàu chạy ngoài biển, và không biết lòng người tư tưởng làm sao. Vậy ví dụ vua đó, vì không biết được mấy đều ấy, thì không chịu tin rằng : chim mới bay qua, rắn mới bò đi, tàu mới qua khỏi, và người ta

không có trí, thì ai cho vua đó là làm sao ? Là điên hay là kiêu ngạo quá đỗi mà thôi !

Trái đất thì tròn và xây tròn như xây bồ bồ, và chạy vòng chung quanh mặt trời. Vì ta sánh ta với trái đất, thì nhỏ nhít quá đỗi hết trí khôn lường, hình như con mạt bò trên một trái chi tròn lớn cả thể, nên ta không thấy được trái đất là tròn và chuyển động. Ấy nếu ta không thấy, không hiểu được vậy, mà không chịu tin, thì có cãi được sự thật, có đổi được cho ra như ý hẹp hòi ta tư tưởng vụng về chăng ?

Ví dụ ta đi tới một cái rừng lớn, mà ta xáp lại khít một gốc cây, cứ chỉ mũi chăm bẳm, ngó trong cây đó mà thôi, thì thấy trước mặt có một cây đó chớ có thấy cây nào khác, và cũng không thấy rừng, rồi cứ đó mà hô rằng không có rừng nào hết.

Cũng như mặt trời soi sáng cả và thế gian, ai ai cũng thấy ; nếu ta lấy

một miếng giấy nhỏ mà che con mắt, thì chắc ta cũng không thấy mặt trời được. Hay là ta nhắm con mắt lại, thì làm sao mà thấy được mặt trời ? Rồi cứ đó mà chối rằng không có mặt trời, thì sao phải lẽ ?

Cũng như con mắt ta thấy xa trăm ngàn dặm không được, mà ta không chịu tin đàng xa có sự gì đó, vì ta không thấy nó được, thì có phải lẽ chăng ? — Vì nếu ta chịu lấy ống dòm mà coi, thì ắt là ta sẽ thấy mọi sự rõ ràng.

Xét một sự thường hơn nữa, là ai hiểu sao lỗ tai con lừa cựa quậy được, còn lỗ tai người ta thì cứng đơ ?

Mấy ví dụ trên đây chỉ sơ những kẻ không chịu tin *Sự thật,* thì hoặc tại bởi lòng cứng cỏi, tưởng mình là thông thái hơn *Đức Chúa Trời ;* hoặc rõ lại là bởi lòng còn mê chìu về đàng thong thả ăn chơi, nên ra nể không tin, nên không giữ đạo, cho khỏi buộc mình phải hối cải về đàng lành.

Vậy nếu ta đợi cho hiểu được sự cao sâu mầu nhiệm, mới chịu tin, thì e sợ bê trễ, sẽ có hại cho ta, không khỏi được.

Ta hãy nhớ ta là tro bụi, là trùn bọ, trí hóa của ta như là bóng của trí hóa *Đức Chúa Trời*, cũng như hình ảnh lửa vẽ sánh với lửa thiệt. Mà dầu cho sánh như vậy, cũng chưa đủ mà hiểu ta với *Đức Chúa Trời* khác xa nhau là dường nào, trí loài người không lẽ hiểu thấu, vì sự *vô cùng* của *Đức Chúa Trời* thì không ai hiểu nổi, muốn đi tới chừng nào, thì đường còn thẳm thẳm chừng ấy.

Cũng như ta ở giữa biển minh mông, sánh ta với biển, thì ta nhỏ nhít là dường nào ! Một chiếc tàu, to lớn bao nhiêu, cũng coi ra như hột vịt. Ta ở một chỗ biển đó, mà muốn biết cho được nơi biển khác có gì không, rồi mới chịu đi tới đó, thì có lẽ nào được ? Huống chi ta muốn hiểu thấu bổn tánh

Đức Chúa Trời, rồi mới tin *Đức Chúa Trời*, thì ta là điên quá ?

Con voi là một vật lớn cả thể, mà vô rừng rú thì coi nó là ra gì? Ví dụ ta ngồi trên lưng voi, mà muốn biết phía bên kia rừng có cái gì, rồi mới đi qua bển, thì làm sao và chừng nào mới biết được ?

Chính mình một Phật kia cũng có lấy ví dụ con voi mà nói lời nầy rằng : « Đem con voi lại gần một người đui mù từ trong lòng mẹ. Người ấy không thấy chi ở dưới thế nầy, nên không biết hình tượng giống chi ở đời nầy hết. Vậy nếu cho người ấy rờ đến ống chơn con voi, nếu hỏi người ấy con voi ra làm sao, thì chắc trả lời rằng con voi như là một cây cột tròn! Nếu cho rờ cái đuôi con voi, thì người ấy sẽ tưởng con voi như là một sợi dây luột! Nếu cho rờ cái đầu ngà voi, thì người ấy chắc rằng con voi như là một cây nhọn kia!

« Cũng còn ví dụ người đui mù từ trong lòng mẹ nó nữa. Người đó không thấy chi trong thế nầy hết, như không thấy bảy màu mống trời, xanh, đỏ, vân vân. Vậy bởi người đó không thấy có nhiều màu được, nếu không chịu tin rằng có nhiều màu khác nhau, thì coi người đó quấy là bao nhiêu ?

Ấy là hình kẻ dốt nát mà tưởng mình là thông thái. Nó biết có một chút chuyện, mà tưởng là hiểu rõ hết các chuyện, nên cứ cải cọ luôn và cho mình là phải luôn. »

Vậy ta là hèn mọn hơn tro bụi rác rến, đui mù dốt nát hơn người đui kia, mà ta muốn lấy trí thấp hèn tối tăm vắn vỏi của ta đặng tìm tỏi và hiểu cho thấu mọi sự thẳm sâu mầu mhiệm khôn ngoan phép tắc *vô cùng* của *Đức Chúa Trời* sao nổi ?

Ta hiểu không được sự của người phàm như ta làm ra, hiểu không được sự ta thấy nhãn tiền trước mắt và là

thường hơn hết, mà ta cũng tin có chắc chắn. Còn sự của *Đức Chúa Trời* làm, thì ta lại không chịu tin! Coi ta phải là phạm thượng không?

Một ví dụ khác: Ta không hiểu sao cây cối mọc lên trổ bông sinh trái; sao con người và thú vật sanh ra, rồi sống và chết lại; lại khi thì mập, khi thì ốm, khi thì đau, khi thì mạnh.

Ta hiểu trí khôn, trí nhớ ta là sao không?

Ta hiểu sao mà nước lớn ròng; sao trời đất đang êm lặng, bỗng lại vụt nổi dông, nổi bão; sao có mùa mưa mùa nắng, mùa lạnh mùa nực?

Ta hiểu trời đất cùng các ngôi sao minh mông rộng lớn là dường nào không?

Ta hiểu sao trời đất và các ngôi sao ấy, đâu đó đều sắp đặt yên ổn, dầu phải chuyển động, chạy cùng tứ phía nhặm lẹ đến đỗi trí ta suy không kịp mà không đụng chạm nhau chăng?

Ta hiểu sao ngày đêm tiếp theo với nhau luôn không khi nào sái một lần ; sao mùa tiết nóng nực lạnh lẽo xây vần nhau thứ tự luôn chăng ?

Ta hiểu sao người ta, dầu cho dùng một thứ đồ ăn, mà hễ khác xứ thì cũng khác tiếng, và nước da cũng khác ; lại sao con cái thì mặt mày giống cha mẹ ông bà chăng ?

Ta không hiểu mấy đều đó là của *Đức Chúa Trời* làm ra, mà ta muốn hiểu về *Đức Chúa Trời*, là Đấng dựng nên cả và trời đất thì sao cho được ?

Đều nói mà nghe cho đủ lẽ vậy, chớ *Sự thật*, làm sao cũng còn là *Sự thật*. Không phải là ai bày vẽ *Sự thật* ra được. Cũng không cần gì cho ta tin nó, thì nó mới là ra *Sự thật*. *Sự thật* cũng như dầu trộn với nước; ai làm cách nào, dầu cũng nổi trên mặt nước luôn, *Sự thật* cũng vậy; ai muốn giấu nó, muốn cãi nó, muốn nhận xuống cho nó chìm mất, thì lần hồi nó cũng trồi lên rực rỡ trên cao luôn.

Dầu ta không chịu tin nó, thì *Sự thật* cũng là *Sự thật* luôn, và dầu cho cả và thế gian không tin nó đi nữa, thì *Sự thật* cũng là *Sự thật* luôn. Trí loài người không đổi *Sự thật* ra sự giả được, vì *Sự thật* là *Sự thật* hằng có đời đời, không dời không đổi, là của *Đức Chúa Trời,* trí loài người là hèn mọn không ăn thua chi vô được.

Ta hãy hồi tâm tỷ lại và hạ mình xuống, hầu rõ ta là hèn mọn dường nào. Dầu ta thông thái cho mấy, cũng nhờ *Đấng Tạo Hóa* ban ơn trọng ấy cho ta ; song ta không lẽ nào mà dám cả gan sánh ta với *Đức Chúa Trời,* mà muốn hiểu thấu cho được sự gì thuộc về *Đức Chúa Trời.* Bổn tánh ta sánh với bổn tánh *Đức Chúa Trời,* thì là không bằng một giọt nước sánh với biển cả. Vậy lẽ nào ta dám cả gan phạm thượng rằng : chừng nào hiểu *Mầu nhiệm* được rồi mới tin ? Ta kiêu ngạo như vậy, quên ta ở trong tay *Đức Chúa Trời,*

ngày nào *Đức Chúa Trời* cất ơn, hay là phạt tội cứng cỏi ta, thì ta sẽ ra làm sao ?

Ta phải tin *Sự thật*, phải sống trong *Sự thật*, cũng như cá phải ở trong nước, như con người phải có khí trời mới sống được. Cá không nước, con người không có khí trời, thì phải chết chẳng sai.

Mà *Mầu nhiệm* là làm sao ? Ta lấy hết lòng hết trí cho đặng hoặc may thấy được một đốm nhỏ mọn *Mầu nhiệm* mà thôi, hầu cúi đầu xuống, hạ mình xuống mà kính lạy *Đức Chúa Trời* phép tắc *vô cùng, vô lượng vô biên*.

Vậy *Đức Chúa Trời* là *Đấng Tạo Hóa* sinh người ta ra, thì tức nhiên người ta phải lo kiếm cho biết *Đức Chúa Trời* là ai, đặng mà thờ phượng Người, không lẽ điềm nhiên được.

Cũng như con cái phải biết cha mẹ là ai mà thảo kính ; cũng như người

mắc ơn, phải biết người làm ơn cho mình mà báo đáp. Nếu con cái không lo nhìn biết cha mẹ, nếu người mắc ơn không lo tìm kiếm kẻ làm ơn, thì sao cho phải *phận làm người* ?

Còn loài vật dầu khôn bao nhiêu thì nào có biết thờ phượng ai đâu ? Người ta tức nhiên là khác loài vật lắm, vì ta có linh hồn là tính thiêng liêng xinh tốt giống hình ảnh Đấng Tạo Hóa.

Một ít ví dụ chỉ loài người khác và trọng hơn loài vật bội phần :

Con chó dầu khôn dường nào, cũng không biết hổ ngươi, không có thể diện.

Đồ ăn để trong một cái dĩa bằng vàng ngọc hay là đổ dưới đất, thì nó cũng ăn hết. Người ta dầu nghèo khổ dường nào, có lượm đồ ăn trong nơi dơ dáy không ? Con chó ăn đồ của nó mửa ra. Người ta nào có tệ quá vậy ?— Con chó trần truồng, còn người ta không quần áo được không ?

Ấy loài người ăn ở với Đấng Tạo Hóa một cách vô tâm vô trí, vô tình như loài vật sao phải ?

Vậy *Đức Chúa Trời* sanh ra loài người ta, và sanh ra loài vật cây trái cho người ta dùng, và làm thầy, làm chủ nó, mà nếu loài người không lo học cho biết *Đức Chúa Trời* là ai đặng mà thờ phượng kính mến, thì không lẽ mà *Đức Chúa Trời* không phạt một cách nặng nề đời nầy và đời sau vô cùng vì tội bất hiếu đó.

Ấy vậy việc thờ phượng *Đức Chúa Trời*, nghĩa là việc giữ đạo *Đức Chúa Trời*, là việc cần kíp trọng vọng can hệ hơn hết của con người, vì nếu con người giữ việc ấy không trọn niềm ở đời nầy là đời tạm vắn vỏi năm bảy chục năm mà thôi, thì ngày sau khi chết rồi phải bị phạt chẳng những là trăm ngàn muôn năm mà thôi, mà lại đời đời kiếp kiếp chẳng cùng.

Ta đừng làm như một người kia ở trong một cái phòng kín mít tối thui, không thấy đường mà đi, kiếm một vật quí báu kia, phải đứng một chỗ, rán mở mắt ra cho lớn mà mò đường, tay thì quơ tứ phía, còn chơn thì vấp luôn. Ở ngoài có bà con anh em muốn mở cữa ra, muốn đưa đèn vô cho người đó thấy đường, ấy là sự tự nhiên lắm, vì có sáng mới có thấy đường. Song người đó cứ từ chối, không cho mở cữa phòng, không cho đem đèn vô, cứ nói : « Không sao ! Để lần lần tôi sẽ thấy đường, sẽ mò ra được ! »

Coi người đó có phải điên khùng, cứng đầu cứng cổ không? Nếu cứ ở trong tối hoài, mà không chịu mở cữa phòng, không chịu dùng đèn, thì trọn đời cũng không thấy đường mà đi, mà kiếm được vật quí báu trong phòng.

Cũng như một người khác lờ con mắt, đọc chữ không được, mà không chịu dùng kiến mà coi, cứ nhướng

mắt lên mà đọc. Ai đưa kiến cho cũng không chịu, cứ cãi rằng: « Tôi không cần kiến gì hết, là đồ bày đặt, hễ con người có mắt, thì sao lần lần cũng thấy rõ được ! »

Người kì khôi cứng cỏi không chịu ngó sự sáng, là lời giải nghĩa đạo Chúa cũng vậy ! Ai nói gì cũng khoát, cũng bỏ, cũng chê, cũng cứ cãi hoài, không chịu hồi tâm tủy lại, lấy trí hèn mà xét, và không chịu tùng phục lời Đức Chúa Trời là lời chơn thật, cứ tưởng mình thông thái đủ mà xét sự mầu nhiệm cho ra lẽ được mới chịu tin. Như vậy thì cả đời cũng còn ở trong sự tối tăm luôn, không khi nào tìm đặng *sự thật*, là đạo *Đức Chúa Trời.*

Ấy là làm như người kia lùn bân, đứng trên bàn cao, ngó xuống đất, thì tưởng mình là cao lắm. — Đó là hình người dốt việc đạo, mà bởi có chức phận thế gian, nên tưởng mình là thông thái mọi việc hết.

Ví dụ một người khác. Vì trời sa mù nhiều, không thấy xa được nên không chịu bước đi tới đâu.

Nghe ai nói đàng xa có đường sá tử tế rộng lớn nên phải rán đi mò tới một đỗi, rồi sẽ gặp đường chánh, mà cũng không chịu tin, cứ đứng một chỗ hoài, để thiên hạ đi tuốt hết.

Ta cũng đừng làm như con chim lạc đà điểu (autruche), trong rừng cát. Hễ nó thấy người cầm súng nhắm nó, thì nó vùi đầu nó trong cát hay là trong bụi cây mà thôi, chớ không lo chạy trốn hay là bay đi đâu: vì nó chắc rằng, giấu cái đầu nó rồi, thì không ai còn thấy nó được nữa! Thật là chim dại khờ quá!

Vậy ta chớ nên nhắm mắt làm ngơ trong một sự can hệ trọng yếu hơn hết trong đời con người, là phần rỗi ngày sau. Ta hãy kiếm tìm cho được *Đàng thật* mà đi hầu cho tới Nước *Đức Chúa Trời.*

Mà làm sao cho đặng biết đạo nào là đạo *chánh thật*, là đạo của *Đức Chúa Trời* ?

ĐOẠN THỨ BA

Tội tổ tông — Chúa chuộc tội.

Khi *Đức Chúa Trời* dựng nên trời đất muôn vật rồi, thì Người sinh ra ông Adong và bà Evà là hai vợ chồng, mà cho ở trong một nơi xinh tốt kia gồm đủ mọi đều, không thiếu món chi, gọi là vườn *Địa-đàng*.

Đức Chúa Trời hứa cho ông Adong bà Evà ở trong vườn ấy được sung sướng mọi bề lâu năm lâu tháng, sanh con đẻ cháu, rồi một ngày kia *Đức Chúa Trời* sẽ đem về Thiên đàng ở với *Đức Chúa Trời*, mà hưởng phước đời đời. Song *Đức Chúa Trời* buộc đều nầy, là nếu ông Adong bà Evà muốn được phần thưởng ấy, thì phải giữ lời Chúa dạy, là đừng ăn một thứ

trái cây kia trong vườn gọi là « cây biết lành dữ ».

Song ông Adong bà Evà không vưng lịnh *Đức Chúa Trời*, nghe lời quỉ hiện hình con rắn cám dỗ, mà ăn trái cấm ấy ; nên *Đức Chúa Trời* đuổi ra khỏi vườn Địa-đàng.

Quỉ nầy, vốn là *Đức Chúa Trời* đã dựng nên nó làm Thiên thần, là tính thiêng liêng, không có xác như loài người, để mà chầu chực *Đức Chúa Trời* trên Thiên đàng. Có nhiều Thiên thần thấy mình được vinh hiển sáng láng, nên sanh lòng kiêu ngạo, không còn muốn tùng phục thờ lạy *Đức Chúa Trời* nữa. Tức thì *Đức Chúa Trời* phạt nố thiên thần ấy một cách nặng nề, là cho nó trở ra một loài ghê gớm xấu xa, gọi là quỉ, bị các Thiên thần khác còn trung tín với *Đức Chúa Trời*, đạp chúng nó xuống hỏa ngục, hầu chịu hình khổ đời đời.

Bởi đó quỉ hềm cừu oán hận *Đức Chúa Trời* lắm ; mà làm gì nghịch mạn cùng *Đức Chúa Trời* không được, nên đến sau, khi nó thấy ông Adong, bà Evà được phước lớn hơn nó, vì *Đức Chúa Trời* hứa ngày nọ sẽ cho được sự sống đời đời trên Thiên đàng, là nơi nó không còn được ở nữa, thì nó kiếm chước mà phá hại tổ tông ta.

Lúc ấy thì loài vật ở với tổ tông ta như tôi tớ ở trong nhà, mà phò tá chủ nhà. Chắc *Đức Chúa Trời* cũng khiến cho loài vật với tổ tông ta hiểu ý với nhau. Nên quỉ mới mượn hình con rắn mà cám dỗ tổ tông ta được.

Quỉ gạt tổ tông ta rằng, nếu ăn trái cấm thì sẽ được thông minh sáng láng bằng *Đức Chúa Trời*. Bà Evà nghe nó sanh lòng kiêu ngạo, ước cho được vậy, lại còn rủ ông Adong ăn trái cấm như mình nữa.

Tội kiêu ngạo nầy nặng nề lắm, vì nhiều lẽ, kể ra đây một ít lẽ đại cái :

Là ông Adong và bà Evà là vật Chúa sanh ra, mà dám cả gan nghịch mạn, cãi lịnh *Đức Chúa Trời*, là Đấng sanh thành, cao cả vô cùng, thì là tội nặng nề lắm. Cũng như hàng thứ dân mà hỗn hào với vua, muốn đoạt ngôi vua, thì là đáng xử tử. Lại không tội nào nặng bằng tội kiêu ngạo, vì là muốn cướp quyền *Đức Chúa Trời*, muốn trở nên bằng *Đức Chúa Trời*. Trí người ta hiểu không được tội đó là khốn nạn dường nào, vì muốn bằng *Đức Chúa Trời*, là quyết tiếm quờn Người, là hủy bổn tánh *Đức Chúa Trời*.

Bởi vậy cho nên *Đức Chúa Trời* đã phạt tổ tông ta một cách nặng nề, như Người đã phạt Thiên thần ngỗ nghịch kiêu ngạo : là chẳng còn để cho tổ tông ta được hằng sống mà ra khỏi đời nầy cho đặng lên thẳng Thiên đàng: lại phạt hai ông bà phải chết và con cháu từ ấy về sau cũng phải khốn nạn đủ cách, là bịnh hoạn khốn khổ, thứ

nhứt là chết rồi phải xuống hỏa ngục đời đời. Bởi Tổ tông ta được *Đức Chúa Trời* ban của quí trọng là sự sống đời đời và sự hưởng Nước Thiên đàng, mà tổ tông ta mất của quí trọng ấy đi, nên di truyền của quí ấy lại cho ta không được, làm cho ta là con cháu phải mất sự sống đời đời, phải hụt phần phước Thiên đàng. Ấy là sự thiệt hại vô cùng bởi *Tội tổ tông* mà ra.

*
* *

Song *Đức Chúa Trời* lòng lành và nhơn từ vô cùng. Vì Người công bình vô cùng, nên phải phạt tội tổ tông ta, mà bởi Người còn thương xót loài người ta, vì lòng lành vô cùng, nên Người định chính mình Người sẽ xuống thế chịu gian nan khốn khổ và chịu tử hình trên cây Thập giá mà chuộc tội tổ tông lại, hầu cứu loài người ta.

Bởi tội tổ tông là nặng nề lắm, vì phạm đến cùng *Đức Chúa Trời*, nên

không ai đền bồi tội ấy cho cân xứng. Tội phạm đến *Đức Chúa Trời* là Đấng vô cùng, thì tội là nặng vô cùng, phải có công nghiệp vô cùng mới đền bồi cho đúng mà thôi. Mà người ta là vật thọ sanh, có cùng, hèn mọn làm thể nào có công vô cùng được ?

Vậy *Đức Chúa Trời,* dầu phạt ông Adong và bà Evà, song cũng còn lân mẫn mà hứa với hai ông bà sẽ có Chúa Cứu Thế xuống thế gian, lấy xác và linh hồn như người ta, mà chuộc loài người ta cho khỏi chết đời đời. Chúa ra đời làm người mới chịu cực chịu khó được mà lập công, và công Chúa là công vô cùng mới đền tội cho cân xứng theo lẽ công bình.

Đức Chúa Trời lấy xác và linh hồn làm người ; cho đặng chuộc tội loài người ta, thì tỏ ra cho ta thấy rõ ràng. Người thương loài người ta là dường nào, thấy Người hạ mình xuống thấp hèn tới đâu, thấy Người chịu những

sự xấu hổ sỉ nhục bao nhiêu, thấy Người phải đau đớn khốn khổ ngần nào.

Vậy *Đức Chúa Trời* xuống thế chuộc tội người ta, thì cũng dạy loài Người ta phải thờ phượng một *Đức Chúa Trời* mà thôi, là Đấng dựng nên trời đất muôn vật, nghĩa là phải giữ đạo *Đức Chúa Trời*, gọi là *Đạo Thiên Chúa*, hầu ngày sau ta chết rồi được hưởng phước đời đời trên Thiên Đàng.

Vậy Đạo của *Đức Chúa Trời* chính mình Người chỉ và dạy trong nhiều dịp trong vòng hơn bốn ngàn năm, từ hồi tạo thiên lập địa cho tới khi Người giáng sinh dưới thế nầy, và trong lúc sau là hơn 1900 năm nay nữa, thì mới thật là đạo của *Đấng Tạo Hóa*. Còn đạo nào khác thì là đạo của người phàm thế bày đặt ra mà thôi, không phải là *Đạo chánh*. Nếu ai giữ theo đạo sái ấy thì là lạc đàng chánh, chắc ngày sau không được vào Thiên đàng

là chốn *Đức Chúa Trời* ngự, là chốn vui vẻ đời đời, là chốn ai ai cũng phải ước ao cho được tới.

ĐOẠN THỨ BỐN

Gốc tích Đạo Thánh

Ta đã hiểu rồi, ai ai cũng là bởi *Đấng Tạo Hóa* sanh ra, cũng bởi một Tổ tông, là ông Adong, bà Evà mà ra, nên ai ai cũng phải thờ một *Đấng Tạo Hóa* ấy mà thôi. Vậy giữ Đạo Người thì mới là giữ trúng Đạo Chánh, còn mấy đạo khác thì không phải là đạo, dầu là lấy tên đạo, vì có một Đạo Chánh mà thôi, là đạo của *Đấng Tạo Hóa* chỉ và truyền.

Ta hãy xét coi *Đạo Chánh* ở đâu, và ai dạy, ai chỉ, ai truyền, có sự gì làm chứng chắc chắn Đạo Chánh ấy là *Sự Thật*.

Ta đã biết tích *Đức Chúa Trời* dựng nên trời đất muôn vật và tích Tổ tông

loài người ta, là ông Adong bà Evà, đã phạm tội không vâng lời vì kiêu ngạo, nên bị *Đức Chúa Trời* cất sự sống đời đời và bị đuổi ra khỏi vườn Địa Đàng.

Đến sau, hai ông bà sanh sản con cái ra đông vô số, di truyền ra cho tới đời nay và cho tới tận thế, gọi là loài người ta, đi tản lạc cả và trái đất.

Số là con cháu ông Adong bà Evà, cũng vì mang « tội Tổ tông », nên đắm sa tội lỗi nhiều phen lắm, đến đỗi *Đức Chúa Trời* phải phạt một cách nặng nề, là cho lụt đại hồng thủy làm cho cả và loài người ta chết hết, trừ ra một nhà ông kia nhơn đức giữ nghĩa cùng *Đức Chúa Trời*, tên là ông Noe. *Đức Chúa Trời* đã cho ông Noe hay trước sẽ có hình phạt đó, và có dạy người đóng một chiếc tàu lớn cả thể, đặng cho gia thất người trú và chở các thứ loài vật, mỗi thứ một cặp, hầu đến sau hết lụt thì thả nó ra, cho nó

sinh sản, cũng như con cháu ông Noe cũng sinh sản ra đông vô ngằn vô số vậy.

Có Sử ký và nhiều sách thông thái làm chứng chắc chắn thật có lụt đại hồng thủy nầy trọn một trăm rưỡi ngày. Nếu Đức Chúa Trời không có dạy ông Noe đóng tàu mà chở gia thất vợ con ông và loài vật từ cặp, thì ắt là tuyệt loài người và loài thú vật hết cả. Nên đây cũng như là loài người và loài thú mới thọ sanh lại lần thứ hai vậy.

Con cháu ông Noe lần lần sanh sản ra đông vô ngằn vô số, không lẽ ở một nơi được. Họ mới tính đi tản lạc ra cả và thế gian, kẻ Đông, người Bắc, kẻ Nam, người Tây. Mà trước khi lìa nhau, thì họ muốn xây một cái tháp cao tận trời đặng làm kỷ niệm rằng, hết thảy là bởi một dòng giống mà ra, cũng có ý nhờ tháp đó mà trú nữa, nếu còn xẩy ra lụt đại hồng thủy như khi trước.

Đó là hai tội làm cho *Đức Chúa Trời* giận lắm. Một là kiêu ngạo, tưởng chống cượng với *Đức Chúa Trời* được. Hai là không tin lời *Đức Chúa Trời* đã hứa, là cho mọc mống trời đặng giao kết với loài người, không khi nào sẽ có lụt đại hồng thủy nữa.

Vì hai tội ấy, nên *Đức Chúa Trời* phạt con cháu ông Noe một cách khác nữa, là đang khi xúm nhau mà xây tháp, thì bỗng chúc phát ra nói nhiều thứ tiếng lạ với nhau, nên tốp nầy không biểu tiếng tốp kia, sanh ra rầy rà lộn xộn lắm, không còn chung cùng nhau nữa được mà xây tháp cho rồi. Túng quá phải mau mau tản ra mà đi cùng tứ xứ, bỏ cái tháp còn lỡ cở đó, nên gọi là tháp Babêlê, nghĩa là rầy rà lộn xộn. Trong xứ Babylon ngày nay hãy còn gốc tích chỗ tháp nầy.

Hình phạt nầy làm cho con cháu ông Noe phải phân lìa nhau và nói tiếng khác nhau, ra như không phải một cội

rễ mà ra, và làm cho nó phải kiêng sợ tôn kính *Đức Chúa Trời* là đấng phép tắc vô cùng, nên hễ làm việc chi, thì cũng thất kinh mà cầu khẩn kêu tên *Đức Chúa Trời*.

Song loài người, vì vướng « tội Tổ tông», nên cũng còn yếu đuối chìu theo đàng hư hốt luôn, đến đỗi quên *Đức Chúa Trời* nữa, mà bày ra những tượng bụt thần bằng cây, bằng đá, bằng đất mà thờ quấy : nào là thờ cây cối, loài vật, món kia món nọ, nào là thờ người phàm, hay là trời, đất, ngôi sao, mặt trời, mặt trăng, là giống vô tâm vô trí, là những vật *Đức Chúa Trời* phép tắc vô cùng, bởi phán một lời mà dựng nên cho có.

Còn một dòng dõi kia được ơn *Đức Chúa Trời* chọn riêng, nên còn giữ nghĩa với *Đức Chúa Trời*. Dòng đó, là dòng *Đức Chúa Trời* chọn để ngày sau sanh ra *Chúa Cứu Thế*, như Đức Chúa Trời đã hứa cho ông Adong khi trước vậy.

Vậy trong dòng nầy có sanh ra một ông tên là *Abraham*, *Đức Chúa Trời* định ngày sau bởi ông nầy mà *Chúa Cứu Thế* sẽ ra đời.

Khi ông Abraham được bảy mươi tuổi thì *Đức Chúa Trời* hiện ra cùng ông mà dạy phải đi với vợ và cháu và tôi tớ đến xứ kia mà ở. nay gọi là *Thánh địa*. *Đức Chúa Trời* chọn xứ ấy cho dòng dõi ông Abraham, nên khi ông nầy đi tới chốn rồi, thì *Đức Chúa Trời* hiện ra một lần thứ hai mà nói cùng ông rằng : « Tao sẽ cho con cháu mầy ở đất nầy. »

Song đến sau thì đất nầy bị thất mùa nên phải đói khát lắm. Ông Abraham mới trẩy qua nước khác ở gần đó, sung túc mùa màng no đủ gọi là nước *Egyptô*, trú ngụ đó cho đến khi đất nhà dứt cơn hạn hán mới trở về.

Một đêm kia *Đức Chúa Trời* cũng cho ông Abraham nghe tiếng Người rằng : « Mầy phải biết trước đều nầy,

là sau đây, trọn bốn trăm năm nữa, con cháu mầy cũng còn sẽ phải ở nước lạ và làm tôi kẻ lạ, bị nó hà hiếp. Song mầy sẽ được chết bình an vô sự, còn con cháu mấy xuống tới đời thứ tư mới được trở về đất nầy, mà nó sẽ được giàu có vinh vang »

Quả thật y theo lời *Đức Chúa Trời*, ông Abraham đến trăm tuổi già thì sinh được con, đặt tên là Isaac. Đến một trăm bảy mươi lăm tuổi ông Abraham mới mãn phần.

Con cháu đã sinh sản ra vô số. Mấy tên có danh vọng hơn hết thì kể như sau nầy: *Esau, Giacóp, Giuse.*

Vì ý *Đức Chúa Trời* định, nên khiến xảy ra một sự làm cho anh em ông Giuse nầy sanh hềm ghét người. Người phải bị bán sống, mà sau người lại làm quan đại thần của vua nước Egýptô, đặng thần thế quyền phép rất cả thể. Nhờ đó mà dân của *Đức Chúa Trời* chọn riêng, (đã lấy tên là *Isarae*)

được nhờ cậy mà ở bên nước Egýptô làm ăn, trở nên giàu có lắm, và ra đông đảo vô ngằn vô số, theo lời *Đức Chúa Trời* đã phán hứa cho ông Abraham.

Vì dân nầy được thới thạnh sung túc như vậy, nên dân Egýptô ghen ghét kiếm chước mà phá hại hầu trừ đi cho tuyệt nòi giống.

Trong nước Egýptô có dấy loạn; tôn vua mới lên ngôi: vua và dân đều đồng lòng mà hủy diệt con cháu Isarae. Vua truyền nghiêm nhặt phải kiếm các con trai dân Isarae mới sanh ra mà giết hết.

Trong số con trẻ ấy có tên *Môisen*, may nhờ công chúa đi dạo nơi mé sông, gặp nằm trong cái nôi, thả dọc theo bờ sông, công chúa bèn dạy vớt lên, đem về nuôi làm con. Ấy là ý mầu nhiệm *Đức Chúa Trời* khiến cho chính mình con gái vua nước Egýptô đang bắt bớ dân Isarae, trở nên mẹ nuôi

ông Môisen, là người Đức Chúa Trời chọn cách riêng, để ngày sau cứu dân Người cho khỏi tay kẻ thù.

Vốn là con cháu Isarae những bị dân Egýptô ghét và kiếm chước làm hại luôn, nên chúng nó rên siếc than van cùng Chúa, mà Chúa nhớ lời đã hứa cùng thánh tổ Abraham, không bỏ dân mình đã chọn phải hành hà tất tưởi.

Khi ông Môisen thành nhơn rồi, thì Đức Chúa Trời hiện ra nhiều lần mà dạy bảo và làm nhiều phép lạ cả thể, kể ra không xiết, hầu cho dân Isarae nhớ mà trông cậy và bền lòng thờ phượng Người.

Người khiến ông Môisen đem dân Isarae ra khỏi nước Egýptô mà về Đất Người đã hứa cho Tổ tông chúng nó. Dân đi được ba tháng rồi, luôn luôn có Đức Chúa Trời phù hộ cho khỏi nhiều nỗi cam go hiểm trở lắm, thì tới đồng cát gần núi Sinaï, bây giờ hãy còn thấy được.

Khi đó Đức Chúa Trời kêu ông Môisen lên đảnh núi Sinaï mà phán *Mười điều răn*, chính mình Đức Chúa Trời biên vào trong hai bia đá mà trao cho ông Môisen đưa cho dân sự Người coi đó mà vâng theo.

Lúc Đức Chúa Trời phán truyền điều luật Người trên đảnh núi, thì sấm sét chói sáng một cách hãi hùng lắm, làm cho dân đang ở dưới chơn núi phải kinh khiếp.

Mười điều răn Đức Chúa Trời, nầy là luật Đức Chúa Trời đã in vào lòng mỗi người, song Người phán truyền ra ngoài cách oai nghi cả thể làm vậy, hầu cho ai nấy tỏ ra mà vưng giữ.

Vậy ta cũng nên chép vào đây, mà nhắc lại cho ai nấy nhớ cho kỷ cang, và phải biết rằng: Luật nầy là Luật của *Đấng Tạo Hóa* dạy rao truyền mà buộc cách nghiêm nhặc tỏ tường lắm: Ai ai cũng là của *Đấng Tạo Hóa* sanh ra, nên ai ai cũng đều phải tùng phục

và vưng giữ cho trọn, bằng không giữ thì đời sau phải khốn nạn vô cùng.

Mười điều răn Đức Chúa Trời.

Thứ nhứt, thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự.

Thứ hai, chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.

Thứ ba, giữ ngày Chúa nhựt.

Thứ bốn, thảo kính cha mẹ.

Thứ năm, chớ giết người.

Thứ sáu, chớ làm sự dâm dục.

Thứ bảy, chớ lấy của người.

Thứ tám, chớ làm chứng dối,

Thứ chín, chớ muốn vợ chồng người.

Thứ mười, chớ tham của người.

Mười điều răn ấy tóm về hai nầy mà chớ: trước kính mến một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình ta vậy.

Song dầu Đức Chúa Trời tỏ lòng thương dân Người cách nào, thì nhiều phen nó cũng mê muội, theo đàng tội lỗi hư từ, đến đỗi cũng bắt chước các dân đã tản lạc các nước khác, mà thờ bụt thần ma quỉ, dám cả gan quên Đức Chúa Trời là Chúa trời đất muôn loài muôn vật, mà không thờ phượng Người nữa, như Người đã dạy trong *mười điều răn*.

Đức Chúa Trời phạt dân Isarae nhiều cách nặng nề, cho nó hồi tâm tủy lại. Có một lần, Người cho rắn độc sanh ra vô số mà cắn dân sự phải chết cách đau đớn khốn nạn lắm. Lâu lâu sau Đức Chúa Trời mới chịu cứu nó khỏi tai nạn ấy. Người dạy ông Môisen đúc một con rắn bằng đồng, mà nêu lên giữa dân sự. Đứa nào bị cắn mà ngó rắn nầy thì khỏi bị chết.

Đó là một hình ảnh tiên tri ngày sau cũng sẽ có *Chúa Cứu Thế* xuống mà chuộc loài người ta khỏi chết đời

đời. Vì vậy, nên đến sau, khi *Chúa Cứu Thế* giảng dạy dân, thì Người cũng nói lời nầy: « Khi xưa Môisen nêu Rắn bằng đồng đặng cứu dân, vậy *Đấng Cứu Thế* cũng sẽ phải treo trên cây Thập giá cho loài người đặng sống.»

Đức Chúa Trời khiến cho dân Isarae phải lưu lạc trong biển cát (sa mạc) và rừng rú trọn bốn mươi năm mới tới *Đất Chúa hứa*. Trong vòng bốn mươi năm đó, Đức Chúa Trời khiến cho ông Môisen phán tiên tri rõ ràng nhiều khi về sự *Đấng Cứu Thế* sẽ ra đời mà chuộc tội loài người ta.

Khi ông Môisen được một trăm hai mươi tuổi, thì Đức Chúa Trời cho người chết cách êm ái, có Thiên thần chôn xác ông một nơi không ai tìm kiếm được,

Ông Môisen nầy sanh ra tại nước Egýptô đúng 1.571 năm trước *Đấng Cứu Thế* và một ngàn năm trước ông Khổng Tử bên Tàu, và ông Zoroastre bên xứ Persa là hai vị danh tiếng cả thể.

Hết đời ông Môisen rồi, thì sau lần hồi đến đời các đấng khác thế quyền nhau mà dìu dắc dân Isarae, là dân của Đức Chúa Trời. Những đấng ấy đều có tên danh vọng, lưu truyền đến đời nay, như ông Josué, ông Samson, ông David.ông Salomon, và nhiều ông khác nữa, cho đến lúc *Đấng Cứu Thế* giáng sinh y theo lời tiên tri các thánh Tổ tông.

Trong đoạn nầy, ta có ý dẫn gốc tích loài người di truyền sinh sẵn ra làm sao, rồi đi tản lạc cùng xứ trong cả và thế gian, song khác phong tục nhau, khác tiếng nhau, cùng khác nước da nữa : là vì ý Đức Chúa Trời định vậy, và là tại khác phong thổ, khác món ăn uống; song ai nấy cũng đều bỡi một gốc mà ra, bỡi một Tổ tông mà ra, là ông Adong và bà Evà. Lại những kẻ đi tản lạc xứ xa, thì lần hồi, bỡi chìu theo đàng tội lỗi, bỡi chịu theo ý riêng mình, bỡi chìu theo trí hiểu sái, nên

quên gốc tích *Đấng Tạo Hóa*, mà thờ quấy quá bụt thần ma quỉ theo dị đoan.

Có một mình dân Isarae nhờ còn ở lại trong xứ Đức Chúa Trời chọn lựa cho nó, và nhờ Đức Chúa Trời cho nó có thầy, có chủ, cầm quyền dìu dắc nó, nên nó mới được nối dòng nhau cho đến *Đấng Cứu Thế* bởi dòng nó mà sinh ra, nghĩa là chính Ngôi Hai, Con Đức Chúa Trời lấy hình người ta mà giáng sinh, đặt tên là *Giêsu Kirixitô*, nghĩa là *Cứu Thế*.

Xét lại gốc tích loài người ta vậy rồi, mới thấy rõ ràng, gốc tích Đạo Thiên Chúa, là Đạo của Đức Chúa Giêsu lập ra, thì thật là *Đạo Của Đấng Tạo Hóa* lập ra, vì trước khi Đức Chúa Trời xuống thế, mà dạy Đạo Người cho rõ ràng hơn, thì chính mình Người đã sai nhiều đấng thay mặt Người đến dạy dỗ dân Người phải thờ phượng *Đấng Tạo Hóa* cách nào, và phán tiên tri sẽ có *Đấng Cứu Thế* xuống mà chuộc tội

cho loài người ta, và truyền dạy Đạo ấy nữa.

Tóm lại : Các dân các nước khắp cả và thế gian, dầu cũng bởi một tổ tông chung với nhau, là ông Adong bà Evà, song không còn nhớ gốc tích mình, những lầm lạc thờ quấy, không còn nhìn Đấng Tạo Hóa. Có một mình dân Isarae Chúa chọn và gìn giữ cho đặng phượng thờ Người, hầu ngày sau sinh ra Đấng Cứu Thế : cho nên đạo dân ấy là thật chính Đạo Đấng Tạo Hóa lập và truyền ra, là chính đạo thật, là đạo ai nấy đâu đó đều phải biết và phải giữ.

*
* *

Loài người ta ở khắp cả và trái đất giữ đạo khác nhau thể ấy, thì cũng như con cái một dòng, vì lưu lạc tứ xứ, lâu năm lâu đời rồi thì hết biết nhau nữa, không nhìn nhau là con cháu một dòng, không còn biết ông bà cha mẹ mình là ai mà đền ơn trả hiếu.

Sẵn gặp kẻ nào vừa bụng mình, liền cầm kẻ ấy như là ông bà cha mẹ ruột mình mà hiếu kính. Đang khi ấy con cháu nào may còn ở lại trong xứ, nơi gốc gác quê hương ông bà, thì mới biết rõ trúng thật ông bà là ai, mà giữ đạo hiếu thảo kính nhường. Bằng mấy người con cháu khác lưu lạc xa ra, có giữ nghĩa hiếu thảo với kẻ làm ơn, thì là thậm phải, song cầm kẻ ấy như cha mẹ ruột thì là sai lầm Té ra làm việc *phải* mà ra *quấy !*

Vậy kẻ giữ *Đạo chánh* của *Đấng Tạo Hóa* gọi là *Đạo Thiên Chúa* và kẻ giữ đạo chi khác, thì cũng một thể ấy.

Một bên thì cứ giữ cội rễ gốc tích *Đạo Thiên Chúa* mà giữ nghiêm nhặt, theo lời dạy các Đấng thay mặt Chúa, không dám theo ý riêng mình chút nào ; còn bên kia thì theo ý riêng mình, đụng đâu thờ đó, mạnh ai nấy thờ, không chịu suy xét mà tìm cho tận gốc cho nhằm *Đàng chánh*.

Con cái nào lo tìm kiếm cho gặp được cha mẹ ruột mà thảo kính, thì mới thật là con thảo ; con cái nào lo ở phải với kẻ khác, mà không kể tới cha mẹ ruột, ấy là con thất hiếu nặng nề. Chắc chắn ăn ở như vậy thì không ai khen, mà lại mắc tội rất nặng nề.

Vậy con người ở thể ấy với *Đấng Tạo Hóa*, thì lại nặng tội hơn nữa vô ngằn.

Nói tắt một lời, có một mình *Đạo Thiên Chúa*, thật là Đạo của Đấng Tạo Hóa mà thôi, chính mình Đấng Tạo Hóa dùng kẻ người ban quyền mà dạy, và truyền lao ra đời nầy tới đời kia, từ tạo thiên lập địa cho tới khi Đấng Tạo Hóa lấy xác lấy linh hồn như loài người mà xuống thế gian nầy, và lấy tên là Giêsu Kirixitô, hầu dạy Đạo Người lại cho kỷ cang, đặt tên của Người, là *Đạo Kirixitô*.

Đó rồi, môn đệ Người, từ các Tông đồ Người cho tới mấy đời sau, là

gần hai mươi thế kỷ nay, cứ truyền lại cho nhau, cứ vâng lời các Đấng làm đầu, gọi là *Đức Giáo Tông* hay là *Đức Thánh Phapha* làm đầu *Hội Thánh* Chúa Kirixitô.

Bổn đạo cả và thế gian, dầu khác nước, khác tiếng, cũng đều kính phục Đức Giáo Tông mà vưng lời *Hội Thánh* dạy cách giữ Đạo, không ai dám cãi theo ý riêng mình, vì Đức Giáo Tông thay mặt Đức Chúa Giêsu Kirixitô, nghĩa là Đấng Tạo Hóa.

Vậy ai giữ *Đạo Kirixitô* thì mới là giữ thật Đạo chánh của Đấng Tạo Hóa dạy truyền. Còn kẻ khác thì là lầm lạc mà thôi.

ĐOẠN THỨ NĂM

Đức Chúa Giêsu thật có xuống thế chăng.

Nay ta đã biết rồi *Đấng Tạo Hóa* là *Đức Chúa Trời*, chính mình lấy xác lấy linh hồn như người ta, mà xuống thế ra đời chuộc tội loài người ta, và lấy tên là *Giêsu Kirixitô* nghĩa là *Cứu Thế.*

Ta có đủ lẽ, đủ bằng cớ làm chứng chắc chắn rằng Đức Chúa Giêsu Kirixitô thật có xuống thế ra đời, chớ không phải là chuyện mị mộng trong trí của ai bày đặt ra đâu.

Sử ký làm chứng chắc chắn rằng Đức Chúa Giêsu Kirixitô có ở dưới thế gian nầy. Lúc ấy thiên hạ gọi người là Tiên tri, vì Người hiền từ, nhơn đức, làm nhiều phép lạ như các Tiên tri đời trước.

Ông Giêsu nầy sanh ra lối năm 749 sau khi lập nước Rôma, đời Hoàng đế Augustô.

Ông Giêsu sanh ra tại xứ Giuđêa bên phương Đông. Người ở đó và chết cũng tại đó.

Dân trong nước, là dân Giudêu, cùng người nước khác, như người Rôma, người Grêcô đời ấy, cũng đều có thấy rõ ràng mặt mày ông Giêsu, thấy Người ăn ở, đi đứng, cũng như mọi người phàm thế.

Dân Giudêu những cứ giữ theo đạo và thói tục ông bà xưa một cách nghiêm nhặt, nên không dễ gì cho ai gạt gẫm nó được.

Còn dân Grêcô thì là kiêu căng, thị đời và nhàm lờn mọi sự, không để cho ai đánh lừa mình được.

Còn dân Rôma là dân ăn học, sang trọng, đã chiếm nước dân Giudêu mà cai trị, và cầm quyền thẳng tay, nên cũng không dễ cho ai dỗ dành chuốt ngót cho nó tin vơ được.

Vậy ba thứ dân đó cứng cỏi, không phải đụng đâu tin đó, nghe gì tin

nấy, mà chúng nó cũng phải chịu cho rằng có ông Giêsu ở giữa chúng nó, nó chối không được sự ấy, vì nó thấy tợ mặt, nên nó cũng làm chứng trong Sử ký nó mà rằng quả thật có ông Giêsu trong đời chúng nó.

Khi ông Giêsu chết rồi được hai mươi bảy năm, thì là có Sử ký dân Rôma chép rằng quả thật có ông Giêsu và môn đệ Người giảng dạy nhơn dân trong xứ Palestina, ở bên Phương Đông, và có nhận rằng ông Giêsu đó có bị quan trấn thủ Rôma, tên là Phongxiô Philatồ xử phải chịu chết treo trên cây Thập Giá. — Sử ký ấy cũng có chép rằng, trong ba trăm năm sau khi ông Giêsu chết rồi, thì môn đệ của Người cũng còn bị nhà nước Rôma bắt bớ hành hà xử tử nhiều lắm, thứ nhứt là đời Hoàng đế Nêro.

Sử ký và dân sự truyền ngôn thì cũng hiệp nhau mà quả quyết rằng có thấy ông Giêsu và môn đệ đi giảng dạy và bị bắt bớ.

Vậy có người đành liều mình chịu chết mà xưng mình là môn đệ của ông Giêsu, thì đó là chứng chắc chắn, phải có ông Giêsu đã sống trong thế gian nầy, không ai mị mộng mà bày đặt chuyện ấy ra. Lại nếu chuyện bày đặt, thì có lẽ nào mà lâu dài chắc chắn vững bền được ?

Và thường hễ ai muốn làm chứng việc gì, thì hết sức là thề thốt, là tốn của tốn công, chớ đâu đến đỗi có người đành lòng thí mạng đổ máu chịu chết, mà làm chứng *sự thật* ? Mà trong sử ký chép rằng có cả muôn cả vẹo người, nam nhơn phụ nữ, lão ấu, sang hèn, đã đành lòng, vui lòng, và cả gan mà chịu khảo lược, chịu chết nhiều cách khốn nạn đặng xưng mình là môn đệ của Đức Chúa Giêsu, là Đức Chúa Trời dựng nên trời đất muôn loài muôn vật : ai còn đòi được hay là tìm ra được chứng cớ nào chắc chắn vững vàng hơn nữa sao ?

Sau nữa nội dân Giudêu cũng đủ mà làm chứng rằng đã có ông Giêsu ở dưới thế nầy, vì ông Giêsu cũng là người Giudêu như nó, mà nó giết đi, vì không chịu nhìn Người là Chúa nó, như lời Người quả quyết : nên nó và con cháu nó đều bị một hình phạt rất nặng nề, là trở ra một thứ dân như là dân chết rồi vậy, là dân không có mẫu quốc, không có nước nhà, không có giá trị chi hết, là dân bình bồng, là dân phải lạc cùng thế gian, và tới xứ nào, làm được tới chức gì, giàu có chừng nào, thì cũng phải bị người ta khinh khi chê bai nhờm góm, đến đỗi không dám xưng danh xưng tánh, và hễ ai gọi người nào là Giudêu, thì cũng như nhiếc mắng người ấy vậy. Nó bị Đức Chúa Trời chúc dữ cho nó, mà hai mươi thế kỷ nay nó những mang án chúc dữ ấy luôn, và sự chúc dữ ấy là một chứng đích xác rõ ràng : thật

đã có ông Giêsu khi xưa, mà dân Giu-đêu đã giết, nên nó phải mang cho tới tận thế.

Vậy chẳng những là lời truyền ngôn làm chứng có ông Giêsu xuống thế, mà lại còn có nhiều sử ký, nhiều lập ký cũng làm chứng thể ấy nữa.

Khi ông Giêsu xuống thế, thì đã có người biết viết Sử ký rồi, biết dùng chữ rồi mà biên chép mọi sự xảy ra trong các nước, nên lời truyền ngôn và Sử ký cũng nói giống nhau về ông Giêsu.

Có một sự lạ, là sách gọi là Evang của bốn môn đệ ông Giêsu, đã viết ra mà thuật lại hạnh ông Giêsu từ ngày mới sinh ra cho tới ngày chết. Trong bốn ông đó thì có hai môn đệ đã theo ở cùng ông Giêsu, đặng tai nghe mắt thấy Thầy mình rõ ràng, còn hai ông kia là trò của người môn đệ. Bốn ông ấy không có bàn soạn tính toán với nhau trước. Mỗi người lo viết riêng

hạnh ông Giêsu theo tiếng riêng là tiếng Hêbrêu hay là Grêcô ; đặng để dấu tích kỷ niệm cho kẻ đã thấy ông Giêsu và cho kẻ hậu lai, cứ sự thiệt, thấy sao, nghe sao, tưởng sao, thì thuật ngay ra vậy, chẳng thêu thùa gì. Nhưng vậy, mà bốn sách Evang đó, dầu cách nói và cách sắp đặt khác, song ý nghĩa giống nhau hết, không chọi nhau, bốn Evang nầy nhập lại, thì gồm ra như một bổn, nên gọi chung là *Sách Evang*, nghĩa là *Tin lành* việc Chúa Cứu thế.

Bỡi sách đó viết cách ngay thẳng thiệt thà chơn chất, nên không ai trong đời ấy cãi cọ chi được mà rằng là sái, là trật.

Một sự lạ lùng nữa, là nhờ có phép tắc Đức Chúa Trời gìn giữ, nên từ đời các môn đệ ấy tới đời nay, thì sách Evang đã in ra, đã dịch ra biết là bao nhiêu bổn cho cả và thế gian, đủ thứ nước, đủ thứ tiếng, mà không khi nào Evang đó đổi dời ý nghĩa trong sự trọng.

Sách Evang đó viết ra nội trong vòng hai ba chục năm sau khi ông Giêsu chết rồi, cho nên cũng là sách mới, chuyện còn mới. Mà từ lối năm 90 cho đến sau, thì biết có là bao nhiêu sách khác nói về Đức Chúa Giêsu để dạy đạo Người, đến đỗi dân Gíudêu, kẻ ngoại, và kẻ nghịch đạo Giêsu cũng có viết nhiều sách mà nói về Giêsu nữa.

Ấy là không kể tới muôn vàn sách khác đã viết, đã in ra trong mấy thế kỷ sau, cùng là đời nay.

Lịch đời nay xứ nào cũng dùng, gọi năm nay là năm 1935, cũng là làm chứng rằng có ông Giêsu xuống thế được 1935 năm nay.

Người có đạo Giêsu Kirixitô ở xứ nào cũng có đông đảo vô số, thì cũng là một chứng ông Giêsu có xuống thế dạy dỗ nhơn dân; nên mới duy truyền ra tới đời nay số người giữ đạo Kirixitô thể ấy.

Các lễ bây giờ nhà nước xứ nào cũng giữ, như là Chúa Nhựt, nghĩa là ngày của Chúa, như là Lễ Sinh Nhựt, Phục sinh, vân vân, cũng là nhắc đến hạnh của ông Giêsu khi trước.

Nhiều nhà thờ, nhiều hình vẽ, nhiều bức tượng, nhiều nơi cũng làm chứng có ông Giêsu đã xuống thế, như bên Thánh Địa, nghĩa là xứ Palestina, là nơi ông Giêsu ở khi xưa, bây giờ hãy còn nhiều dấu tích kỷ niệm ; như mấy hang ở dưới đất, bên thành Rôma, nước Italia là nơi các bổn đạo xưa ẩn mình mà thờ lén Đức Chúa Giêsu.

Các dấu tích hình phạt ông Giêsu đã phải chịu mà chuộc tội cho thiên hạ, như Mũ gai đội trên đầu, như kềm búa, đinh và Thập giá dã treo Người trên núi Calavariô bên thành Giêrusalem, thì cũng hãy còn hiện thời bây giờ.

Ấy là góp ít chứng đại khái mà thôi, đặng cho ta tin thật vững vàng rằng, có ông Giêsu Kirixitô dã xuống thế ra đời.

Tiên sanh tên là Jean-Jacques Rousseau, dầu không giữ đạo Kirixitô, song cũng có nói rằng : « Người ta tin có ông Socrate xưa cũng còn chưa vững vàng cho bằng tin có ông Giêsu Kirixitô. » Mà ông Giêsu nầy đây là Đức Chúa Trời thật, tự mình mình đã xuống thế ra đời, đặng dạy ta phải *thờ* một mình Người mà thôi, vì có một mình Người là Chúa cả và trời đất muôn loài muôn vật, cầm quyền trên trời dưới đất và địa ngục. Vì vậy không ai nên thờ trời thờ đất, thờ người ta, hay là thờ ma quỉ, một phải thờ Người mà thôi, là Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Đấng chí Tôn vô đối.



ĐOẠN THỨ SÁU

Trước khi Đức Chúa Giêsu sanh ra.

Ông Giêsu thật là lạ lùng hơn mọi người dưới thế nầy !

Có người nào trước khi sanh ra mà đã có kẻ biết trước người đó sẽ ra làm sao không, sẽ làm gì không? Chớ còn ông Giêsu, lâu đời trước khi sinh ra thì đã có truyện nhắc tới rồi.

Khi tổ tông ta là ông Adong và bà Evà đã phạm tội ngỗ nghịch cùng Đức Chúa Trời, mà ăn trái cấm rồi, thì Đức Chúa Trời đuổi ra khỏi vườn địa đàng, và phạt tổ tông ta cùng con cháu phải đổ mồ hôi xót con mắt, mới có cơm gạo, cây trái, mà ăn, Đức Chúa Trời để cho loài người ta cực khổ, đói khát, đau đớn bịnh hoạn như vậy, cho loài người biết tội tổ tông phạm thượng đến Đức Chúa Trời nặng nề là dường nào, và thấy tỏ loài mình hư hèn yếu đuối, không sức nào vùng

vẫy mà gỡ mình ra cho khỏi hình phạt được.

Đến lúc sau, dầu cho có sang trọng giàu có cách nào, loài người cũng còn hèn hạ đê tiện. Dân trí cao hơn hết là dân Roma, thì còn kể sự làm tôi mọi là sự phải. Cha mẹ coi con cái như súc vật, cầm mạng sống nó trong tay, muốn giết mặc thửa. Đờn bà thì như đồ bỏ. Kẻ nghèo không trông gì ai thương xót, người làm thuê thì như rơm rác. Lương tâm người ta tối tăm u ám. Lòng dạ không được sự bằng an. Linh hồn thì dường như không biết sự gì phải quấy. Sự ngay thật và nhơn đức là sự cần kíp cho loài người được an nhàn phước lộc, thì là như không có. Đức Chúa Trời để cho loài người phải mang sự u ám tối tăm, đọa lạc, cho nó thấy mình cần kíp phải có Đấng nào đến mà kéo mình dậy, mà cứu mình, thì Đức Chúa Trời mới xuống thế mà cứu nó, theo lời Người

đã hứa với tổ tông nó. Mà Đức Chúa Trời cũng đợi lúc các nước thuận hòa với nhau, làm thinh lẳng lặng mà ngóng trông Đấng Cứu Thế hết lòng hết sức, thì Đức Chúa Trời mới xuống thế, hầu cho quả thật rằng, *Đấng Cứu Thế* là Đấng ai nấy cũng ước ao trông đợi.

Phương Đông, Phương Tây cũng kêu xin Đấng Cứu Thế xuống. Người bên Tàu ở phương Đông thì dòm ngó qua phía phương Tây, coi có Thánh Thần thật của Đức Chúa Trời qua không, đặng cầm quyền cai trị cả và trời đất. — Người Chà và trông coi có Phật cả ra đời không. — Người ở bên nước Egýptô, bên Phương Nam cũng trông Đấng Cứu Thế, là con một người nữ sẽ sinh ra! Người nước Persia, cũng đợi Đấng Cứu Thế bởi một người nữ đồng trinh sạch sẽ mà sinh ra. Người Mexica, thì khắc trong đá và nhà cửa, hình Đấng Cứu Thế đang đạp đầu một

con rắn lớn! Nước Grêcô cũng trông Cứu Thế ở trên trời xuống mà rằng: «Ta hãy đợi Người đến dạy ta phải ăn ở với các thần và người ta làm sao... Biết chừng nào Người ấy đến, trông hết sức trông cho đặng biết Người ấy!» — Tại xứ Giuđêa, miệt Palestina, thì dân sự náo nức trông đợi Đấng Cứu Thế một cách nóng nảy hết sức.

Theo một đoạn trước, ta đã có thấy rồi, là vốn thật thì hai ngàn năm trước Đấng Cứu Thế giáng sinh, Đức Chúa Trời đã chọn một dòng dân riêng của Người để dọn đường cho Con Người sẽ cho xuống thế, hầu cho ai nấy nhìn biết và thờ phượng, là Đấng Cứu Thế. Dân ấy gọi là dân Giudêu, là dân Isarae, Chúa Giêsu sẽ bởi dòng dân ấy mà sinh ra. Bởi vậy nên Đức Chúa Trời lo săn sóc gìn giữ tâng tiêu nó một cách riêng.

Cũng vì lẽ ấy, nên khi Đấng Cứu Thế chịu chết mà chuộc tội loài người ta rồi, thì dân Giudêu đó cũng như chết

lần chết hồi theo vậy, vì phận sự nó đã mãn rồi, như việc cứu thế đã hoàn tất rồi vậy. Đấng Cứu Thế là Đức Chúa Giêsu vừa khuất mặt trong thế nầy, thì dân Giudêu cũng lần hồi tản lạc, mất nước mất quê, đền thánh chẳng còn, gốc tích chi cũng tuyệt đi nữa.

Nghĩ vậy thì mới thấy ông Giêsu là một đấng bực lạ lùng cả thể, nên mới phải cho có trọn một dòng .dân riêng kia lo dọn đường trong vòng hai ngàn năm cho Người đến.

Còn sự lạ lùng nữa, là nhiều thế kỷ trước khi ông Giêsu sinh ra, thì có những tiên tri nhắc đến Người rồi.

Có nhiều đấng tu trì được Chúa ban ơn nói tiên tri về đời sau, sống trong những thế kỷ khác nhau ; mấy đấng ấy có nói trước về Đấng Cứu Thế, mà vẽ hình vẽ dạng Người, nói rõ ràng cách Người sinh ra và chết làm sao, mọi việc Người sẽ làm, cách ăn ở đi đứng, và việc giảng đạo sẽ lớn lao là dường nào.

Kể hết thảy là bốn ông Tiên tri lớn có danh vọng và mười hai ông tiên tri khác. Từ 750 năm trước Chúa Giáng sinh, đã có tiên tri kế tiếp nhau mà ký chép về Đấng Cứu thế. Bởi ơn trên soi sáng, nên phô đấng ấy nói rõ về cách, về chỗ, về hồi Người sẽ ra đời; nói rõ về những việc Người sẽ làm, những lời Người sẽ dạy dỗ, những sự khốn khó Người sẽ chịu. Nên cả và dân Giudêu đều biết Đấng Cứu Thế sẽ sinh ra bởi dòng dõi Giuđa, theo lời Đức Chúa Trời đã phán hứa với thánh tổ tông nó là ông Abraham, Isaac và Giacob, vân vân; như ta đã thấy trong một đoạn trước rồi.

Có Tiên tri thì nói rõ ràng Đấng Cứu Thế sẽ sinh ra *bởi dòng Đavid*. — Có Tiên tri lại chỉ *lúc nào* trong sử ký thành Giêrusalem thì Đấng Cứu Thế sẽ *sinh ra và sẽ chết*. — Có Tiên tri lại rằng Đấng Cứu Thế sẽ *sinh ra tại thành Bêlem*. — Có Tiên tri cắt nghĩa

trước Đấng Cứu Thế sẽ *sinh ra cách nào* mà rằng: «Một Đức Nữ Đồng Trinh vẹn sạch sẽ sinh ra một người con trai, đặt tên là *Man Noe*, nghĩa là «*Chúa ở với chúng ta*». — Có Tiên tri nói chừng Đấng Cứu Thế sinh ra thì sẽ có một *ngôi sao* lạ mọc trên trời. — Tổ tông ông Giêsu là Vua Davíd có nói tiên tri chừng Đấng Cứu Thế sinh ra sẽ có *Ba vua* kia ở xứ lạ đến mà chầu chực Người và dâng của lễ cho Người. — Có Tiên tri nói Người vừa sinh ra thì vừa sẽ bị kẻ nghịch tìm mà giết, nên cha mẹ Người sẽ đem Người mà *đi trốn bên nước Egýptô !*

Nhiều lời Tiên tri chỉ trước từ chút về hình tích và hạnh Đấng Cứu Thế một cách rõ ràng như là đã có xảy ra rồi vậy, như kể ra sau nầy :

1. — Làm sao mà biết ai là Đấng Cứu Thế. — Sẽ có một người giảng trên rừng mà dọn đường cho dân sự biết Đấng Cứu Thế sẽ đến. — Đấng Cứu

Thế đó sẽ làm nhiều phép lạ, cho kẻ mù đặng thấy, kẻ điếc đặng nghe, kẻ què đặng đi, kẻ câm đặng nói, kẻ chết đặng sống lại. — Đấng Cứu Thế đó sẽ thương loài người lắm, không hà hiếp ai, một lo giảng dạy nhơn dân mà thôi. — Đấng Cứu Thế đó là một vua nghèo nàn và hiền từ, Người sẽ ngồi trên lưng một con lừa mẹ mà vào thành Giêrusalem cho dân sự biết.

2. — *Đấng Cứu Thế sẽ chết làm sao.* Người sẽ bị một môn đệ bán lén Người cho quân dữ, giá là ba mươi đồng bạc. — Người sẽ chịu giổ chịu vả, chịu đánh đòn, chịu khảo lược đang khi bị xử tử. Người sẽ chịu đem đi giết như con chiên hiền lành, không than thở một lời. Người sẽ chịu đóng đinh trên cây Thập giá, sẽ chịu khổ hình mà chuộc tội loài người ta. — Vua Đavíd là tổ tông Đấng Cứu Thế có than lời nầy thay về Người : « Quân dữ đâm phủng chơn tay Tao, nó đếm xương Tao, nó chia áo Tao. »

Còn có lời tiên tri nói nữa như vầy:

Đấng Cứu Thế sẽ làm cho các nước trở lại cùng Người, sẽ phá bụt thần. — Vì dân Giudêu sẽ giết Đấng Cứu Thế, nên khi Người chết rồi, thì dân ấy sẽ ra tàn mạt, nó sẽ bị một thứ dân khác đến mà phá tan nát thành lũy và đền thờ của nó. Dân Isarae vì tội giết Đấng Cứu Thế, nên sẽ bị các dân các nước khác chê bai. — Dân sự sẽ ngợi khen kính trọng Đấng Cứu Thế mà gọi là: *« Con Đức Chúa Trời, Mặt trời, Chúa ở cùng ta, Cha đời đời »*, v. v.

Những lời tiên tri đại khái mới góp tắt trên đây thì đều ứng nghiệm, không sai một nét. Nên coi phải lạ lùng chăng? đó là làm chứng tỏ tường mạnh mẽ chắc chắn, ông Giêsu phải thật là Đấng Cứu Thế, là Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng, nên mới khiến đặng các lời tiên tri lạ lùng như vậy, chớ đời nào, xứ nào, có người phàm nào mà được có tiên tri nói về mình trước

khi sinh ra, như Đức Chúa Giêsu vậy đâu.

Ta hãy xét coi : Nếu có một người viết một cuốn sách mà nói tiên tri về ông Giêsu, mà đến sau ông Giêsu cũng sinh ra, rồi sống và chết cũng y theo lời tiên tri đó, thì là một sự lạ lùng quá trí rồi. Song đây lạ lùng cả thể hơn nữa, là trong vòng mấy trăm năm trước khi ông Giêsu sinh ra, thì có biết là bao nhiêu người, khác nhau, lạ nhau, đời khác, xứ khác, không quen biết nhau, không bàn tính chi với nhau được, mà mấy người đó, đều rập một tiếng, cứ nói tiên tri cũng về một sự cả thể, là sự Đấng Cứu thế chuộc tội loài người ta. Cái đó không phải là lạ lùng, lắm sao ? Có một mình Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng mới khiến được vậy mà chớ.

Ví dụ một cái hình quí báu mà nhiều người thợ nắn riêng từ khúc từ miếng. Những thợ ấy không quen không biết

nhau, ở xứ khác, đời khác. Người thì nắn cái đầu hồi mới tạo thiên lập địa; người thì nắn cái mình một ngàn năm sau, người thì nắn cánh tay đời sau, người thì nắn bắp chơn đời sau nữa. Mấy thợ đó khi không, tự ý mình mà nắn riêng từ món như vậy, không lo tới ai, không ngờ ai làm gì khác. Song khi ráp các món ấy lại thì ra một hình quí báu tốt lành, trọn vẹn. Ấy là hình ông Giêsu, in hệt hồi ông ở dưới thế, giữa dân sự.

Sự lạ lùng đó, không phải là phép lạ có một mình Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng làm được mà thôi sao ?

Quả thật ông Giêsu là Đức Chúa Trời, nên mới có quyền cả thể dường ấy. Lẽ thường ở đời nầy, ai có giỏi hết sức, thì làm cho người ta khen ngợi mình lúc mình còn sống, và lúc mình chết rồi, song cũng không mấy chục, mấy trăm năm. Lâu rồi, thì thiên hạ cũng quên, và cũng không ai mà được

cả và và thế gian, đời nầy qua đời kia, đều biết đặng mà khen ngợi.

Chớ còn Đức Chúa Giêsu thì chẳng những là thiên hạ khen ngợi kính trọng trong lúc sống và khi chết rồi, mà lại có người khen ngợi nhắc nhở trước khi sinh ra nữa.

Hai ngàn năm trước Đức Chúa Giêsu sinh ra, thì cả và thế gian đều đầy dẫy sự trông ước Người, những bàn, những nói về Người. Khi Người ở đời dưới thế nầy, thì đâu đó cũng có nghe đồn tên Người cùng hết, xứ nầy qua xứ kia, phương nầy qua tới phương kia. Nay người đà chết rồi hơn một ngàn chín trăm lẻ mấy chục năm, mà đâu đó, ở chỗ nào xa xuôi, quạnh hiu vắng vẻ cách nào, nhà sang nhà hèn gì, lớn nhỏ, cũng đều nghe danh Đức Chúa Giêsu đã lập đạo Đức Chúa Trời bền vững gọi là *Hội Thánh Đức Chúa Giêsu*, cả và thế gian đều có người theo, người giữ, người kính phục, dầu

vua chúa quan quyền, cùng là dân sự, dầu thông thái cùng là dốt nát, dầu giàu có cùng là nghèo khổ, dầu già cả cùng là bé mọn.

Ấy Đức Chúa Giêsu không phải Đức Chúa Trời sao? Nào có ai là người phàm ở dưới thế nầy dám ví với Người đâu? Không lẽ nào mà ai dám sánh với Người, vì loài người là như tro bụi, mà Người là cao cả bội phần hơn trời đất sông biển, vì Người là Đức Chúa Trời, là Đấng hằng có đời đời, phép tắc vô lượng vô biên, vô thỉ vô chung.



ĐOẠN THỨ BẢY

Khi Đức Chúa Giêsu sanh ra rồi.

Trong đoạn đầu, ta có thấy rằng, khi tổ tông loài người ta, là ông Adong bà Evà, phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời rồi, bởi nghe lời ma quỉ lấy hình con rắn mà cám dỗ bà Evà trước, thì Đức Chúa Trời đuổi hai ông bà ra khỏi vườn địa đàng và quở con rắn lời nầy : « Tao sẽ để sự hềm thù ở giữa mầy và người đờn bà, giữa dòng giống mầy với dòng giống người đờn bà, và một ngày kia sẽ có một người nữ đạp trên đầu mầy. »

Thánh kinh, sử ký và lịch sử các nước, nước Grêcô, nước Egýptô, nước Chàvà, nước Persan, nước Tàu, nói tắt một lời, các nước Phương Tây hay là Phương Đông, thì cũng đều tin chắc chắn loài người ta có bị vướng tội tổ tông, nên Đấng Tạo Hóa có hứa sẽ cho Đấng Cứu Thế xuống mà chuộc tội tổ tông ấy,

cho loài người được thắng sự tội lỗi tối tăm u ám.

Ông *Khổng Tử* có nói rằng sẽ có một đấng « *Thánh Thật* » sinh ra.

Đấng *Thánh Thật* đó rõ ràng là Đấng Cứu thế của Đức Chúa Trời đã hứa cho xuống thế, mới xứng đáng mà chuộc tội loài người đã phạm nghịch cùng Đức Chúa Trời.

Mà bởi tội tổ tông là của một người đờn bà và một người đờn ông phạm, nên Đức Chúa Trời cũng muốn dùng một người đờn bà và một người đờn ông mà lãnh việc chuộc tội loài người. Đấng Cứu Thế cũng muốn lấy xác lấy linh hồn như loài người ta mà xuống thế, cũng sinh ra và cũng chết như loài người ta, có ý tỏ Người thương loài người là dường nào.

Song vì Đấng Cứu Thế cũng là Đức Chúa Trời, là trong sạch vô cùng, nên không lẽ sinh ra bợn nhơ như loài người ta được, và cũng vì một cớ ấy,

nên không lẽ *Đức Nữ Maria*, là Người Đấng Cứu Thế đã chọn làm mẹ, mà phải sanh thai ra đau đớn như mọi đờn bà khác.

Vậy Đức Chúa Trời cho phép riêng mầu nhiệm cao sâu, gọi là « *Phép Đức Chúa Thánh Thần* », nên Đức Nữ Maria sanh Đức Chúa Giêsu ra là Đấng Cứu Thế, mà hẫy còn đồng trinh sạch sẽ.

Đức Chúa Trời khiến cho Đức Nữ Maria kết bạn với một người đờn ông tên là *Giuse*, là có ý che đậy miệng thế gian mà thôi, cho đặng khi Đức Nữ Maria sanh Đức Chúa Giêsu ra, thì khỏi bị mang tiếng nữ không chồng mà có con. Chớ thật thì Đức Nữ Maria và ông Giuse hằng giữ sự đồng trinh với nhau, vì hai đàng có nhờ ơn thiêng liêng Đức Chúa Trời cho biết hai ông bà là kẻ Chúa dùng mà làm việc chuộc tội loài người cho đúng đắn.

Vậy Đấng Cứu Thế, là Đức Chúa Giêsu, bởi phép mầu nhiệm Đức Chúa

Thánh Thần mà đầu thai cách lạ lùng trong lòng Đức Nữ Maria, rồi sanh ra ở trần thế cũng cách lạ lùng, nên Đức Chúa Giêsu có hai tính nhập nhau, là « *tính Đức Chúa Trời* » và *tính loài người ta* ». Đó cũng là một sự mầu nhiệm thuộc về Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng, muốn sao được vậy, trí loài người hiểu không thấu.

Y theo lời tiên tri đã bảo trước, thì Đức Chúa Giêsu sinh ra tại thành Bêlem, gần thành Giêrusalem, bên xứ Palestina, thuộc về phương Đông, lối năm 749 theo lịch Roma; nghĩa là được 1935 năm nay.

Đức Chúa Giêsu muốn chuộc tội loài người, nên cũng mặc lấy sự khốn khổ nghèo nàn, mà sinh ra trong một hang đá kia, nằm trong máng cỏ lạnh lẽo tất tưởi.

Cũng y theo lời tiên tri, khi Đức Chúa Giêsu sinh ra thì có ngôi sao lạ mọc trên trời. Ba Vua khi vừa thấy

ngôi sao ấy, thì nhớ lời tiên tri, liền lên đường đi kiếm Chúa Cứu Thế mà thờ lạy.

Đức Bà Maria và ông thánh Giuse cứ giữ theo luật đạo thuở ấy, là luật của tổ tông truyền lại, nên cũng cho Đức Chúa Giêsu chịu phép cắt bì như mọi người dân Giudêu ; cũng đem Đức Chúa Giêsu vào Đền Thờ thành Giêrusalem mà dưng cho Đức Chúa Trời và chịu các lễ phép cũng như nhơn dân vậy. Thầy cả trong Đền thờ mới nói tiên tri cho bà Maria rằng, ngày sau Giêsu sẽ chịu khốn khó tử hình, thì thật đến sau có quả như vậy.

Vua Herode cai trị xứ Giuđêa hồ nghi con trẻ mới sinh ra tại Bêlem một lượt với điềm sao lạ, là Đấng Cứu Thế, có lẽ sẽ lấy nước của mình chăng, nên cho quân lính đi tìm mà giết. Song Đức Chúa Trời cho thiên thần mách bảo, nên ông thánh Giuse đem Đức Bà Maria và Đức Chúa Giêsu đi trốn bên

nước Egýptô, ấy cũng là y theo lời tiên tri phán trước.

Khi vua Herode chết rồi, thì Thánh Gia Thất mới đem nhau về xứ, ở quê hương mình là thành Nadareth. — Khi Đức Chúa Giêsu được mười hai tuồi, thì Đức Bà và ông thánh Giuse dắc Người đi lên đền thờ thành Giêrusalem. Ấy cũng là y theo lời Tiên tri đã phán trước về Đấng Cứu Thế! Ấy cũng là một sự mầu nhiệm. Khi lễ rồi, hai ông bà trở ra về, song Đức Chúa Giêsu ở lại trong đền thờ mà cắt nghĩa sách thánh cho các thầy cả nghe. Sự lạ lùng là dường nào! Một con trẻ mà thông thạo Thánh kinh, đến đỗi Thầy cả là thầy dạy đạo, mà phải kính phục. Ấy là Đức Chúa Giêsu mới ra mặt lần thứ nhứt giữa thiên hạ.

Đức Bà Maria và ông thánh Giuse trở lại rước Đức Chúa Giêsu về Nadareth, ở đó cứ kinh sách, nguyện gẫm, và làm nghề thợ mộc, lo lắng

trong nhà, giúp đỡ Đức Bà Maria và ông thánh Giuse, gọi là mẹ và cha. Thánh Gia Thất ở như vậy, khuất tịch, nghèo nàn, cực khổ, như mọi người thứ dân vậy, cho tới khi Đức Chúa Giêsu được ba mươi tuổi.

Trong mấy năm ở Nadareth, thì Đức Chúa Giêsu khiêm nhượng hiền từ, vâng lời chịu lụy Đức Bà Maria và ông thánh Giuse mọi bề.

Nghĩ lại, lúc ấy, ở thành Nadareth, ai mà dè, thợ mộc Giêsu đó là Đấng Cứu Thế ai nấy đều đang ngóng trông? Vì tính theo lời các tiên tri thì lúc đó dân Giudêu cũng chắc rằng là gần đến ngày Đấng Cứu Thế ra mặt, nên nó hỏi Tiên tri Gioan Baotixita rằng: « Ông phải là Đấng Cứu Thế chăng, hay là chúng tôi còn phải chờ đợi ông khác ? » — Ông Gioan Baotixita mới trả lời : « Ta là người dọn đàng cho Đấng Cứu Thế đến mà thôi ! »

Đó cũng là y theo lời tiên tri đã nói rằng, sẽ có người ra mặt trước nhơn dân mà giảng dạy nó phải dọn minh mà rước Đấng Cứu Thế !

Ấy ta mới thấy rõ ràng mọi sự gì Đức Chúa Giêsu làm thì là đều y theo các lời Tiên tri về Đấng Cứu Thế. Đó, chẳng phải là sự lạ lùng sao ? Ta còn sẽ thấy nhiều sự mầu nhiệm nữa !

ĐOẠN THỨ TÁM

Đức Chúa Giêsu ra giảng đạo

Đến giờ Đức Chúa Trời định từ thuở đời đời, thì Đức Chúa Giêsu mới ra mặt giữa dân sự mà giảng đạo.

Trước hết Đức Chúa Giêsu cũng chịu phép rửa, bởi tay ông tiên tri Gioan Baotixita. Sau Đức Chúa Giêsu lên rừng mà ăn chay bốn mươi ngày, hầu dọn mình ra giảng đạo. Lúc đó quỉ Satan muốn cám dỗ Người, mà thử cho biết Người phải là Con Đức Chúa Trời và

là Đấng Cứu Thế chăng. Người liền đuổi nó đi tức thì. Sau hết Người mới chọn các môn đệ theo Người, đặng đi khắp nơi trong xứ Galilêa và nước Giuđêa mà giảng đạo trọn ba năm, cho tới khi Người chịu chết trên cây Thập Giá.

Vậy Đức Chúa Giêsu đi giảng mà dạy sự gì ? Sự cần kíp hơn hết, là « *Đức Chúa Giêsu là Con một Đức Chúa Trời, và cũng là Đức Chúa Trời như Đức Chúa Cha vậy.* »

Dạy sự ấy là cả thể lắm, và cũng là cả gan lắm, vì ai là người phàm mà dám xưng mình là Đức Chúa Trời ? Từ tạo thiên lập địa đến đời nay, có ai dạy sự gì thì dạy, mà nào có dám xưng mình là Đức Chúa Trời, là Đấng Tạo Hóa dựng nên trời đất muôn vật không?

Vậy xét lại, Đức Chúa Giêsu là khiêm nhượng và ăn nói chơn chất, mà dạy rằng mình là Đức Chúa Trời, thì cũng là một sự đáng tin. Trong nhiều dịp,

Người hằng lặp đi lặp lại nhiều cách mà tỏ ra cho ai nấy phải tin chắc chắn vững vàng rằng : Người là Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng, vô thỉ vô chung, hằng có đời đời.

Người dạy đều ấy cho các môn đệ Người.

Người dạy đều ấy cho dân sự, đến đỗi nó vác đá mà ném Người, nó làm hồn hào với Người, nó đòi giết Người, vì nó nói Người phạm thượng mà xưng mình là Đức Chúa Trời. Dầu Người phải bị nhiều sự nguy hiểm cách nào, thì Người cũng cứ bảo nó phải nhìn Người là Đức Chúa Trời.

Người dạy đều ấy cho các Thầy Cả và cho Công Đồng, là các đấng làm đầu dân sự trong xứ, đến đỗi Người phải chịu quan trấn thủ Philatô nghe theo tiếng dân mà xử tử Người, thì Người cũng cứ một lời mà thôi là « *Ta là Đức Chúa Trời* ».

Mà Người chẳng những là xưng mình là Đức Chúa Trời mà thôi, Người còn làm nhiều đều mà làm chứng rõ ràng Người là Đức Chúa Trời.

Ai mà thờ lạy Người, mà gọi Người là Đức Chúa Trời, thì Người ban phép lành như Đức Chúa Trời ban phép lành vậy. — Người tự quyền nhơn danh mình, là nhơn danh Đức Chúa Trời, mà khiến dạy dân sự phải thờ phượng Người hầu ngày sau được hưởng phước đời đời. Người nhơn danh mình, dùng quờn phép mình mà làm phép lạ cho kẻ bịnh đặng lành, cho kẻ chết đặng sống lại.

Ta xét lại coi : các thánh có làm phép lạ chi, thì cũng bởi lấy danh Đức Chúa Trời, nhờ phép tắc Đức Chúa Trời mà thôi, chớ không khi nào dám nói như Đức Chúa Giêsu mà rằng : « Tao *khiến mầy hãy chổi dậy !* ».

Cũng không khi nào ai dám tự quyền mà nói như Đức Chúa Giêsu : Tao *tha tội cho mầy !* »

Vậy Đức Chúa Giêsu cả tiếng cao rao mình là Đức Chúa Trời thể ấy thì nghĩa là gì ?

Nghĩa là, nếu Người không phải là Đức Chúa Trời thật, thì một là Người đã lầm cho Người, hai là Người đã gạt lường thiên hạ.

Một là, nếu Người lầm cho Người được, thì Người là điên cuồng lắm, nên mới nói bá láp. Mà xét lại không lẽ Người điên cuồng được, vì đạo của Người để lại và lời của Người dạy thì là xứng đáng và khôn ngoan quí báu.

Hai là, nếu Người gạt lường thiên hạ được, thì Người là giả trá phỉnh phờ hạng nhứt trong đời. Mà xét lại lời nói việc làm của Người thì nào có phải là lời nói việc làm của kẻ láu xược đâu ?

Hai lẽ ấy là chắc chắn, không thế cãi được. Vậy nếu Đức Chúa Giêsu không lầm cho Người được, mà cũng không gạt lường ai, thì quả thật Người là Đức Chúa Trời !

Cũng bởi Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời thật, nên trong ba năm mà thôi, thì Người biết dạy dân sự đủ đều và bội phần hơn hết các thánh hiền cả và thế gian và các đời đã dạy thiên hạ thuở nay.

Đức Chúa Giêsu dạy cho ai nấy biết loài người ta là ai, sanh ra làm gì, lánh tội lập công thể nào, thờ phượng Đức Chúa Trời cách nào.

Nói tắt một lời, Đức Chúa Giêsu chỉ rõ ràng Đức Chúa Trời thương loài người ta làm sao, và dạy loài người ta phải *kính Chúa và yêu nhau* làm sao.

Những lời Người dạy, nay là hơn mười chín trăm năm, một mảy không sai chậy. Ai theo lời ấy thì không lầm lạc, không hư mất bao giờ.

Ai ai, ở xứ nào, thế kỷ nào, dầu có giữ đạo Người cùng không, thì cũng tùng phục lời răn dạy của Người, và cho là lời rất thánh, là *«Lời Chúa»*, không chỗ nào bắt lỗi được, không chỗ nào chê được.

Đó cũng chẳng phải là dấu Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời sao ?

Còn Đức Chúa Giêsu ăn ở thể nào ?

Trọn ba năm Người ở chán chường giữa thiên hạ, giữa dân sự, giữa các môn đệ Người. Kẻ thì theo Người, kẻ thì rình rập Người, kẻ thì thương Người, kẻ thì ghét Người, kẻ thì khen ngợi Người, kẻ thì hềm thù gièm siểm Người, đến đỗi bắt Người đem ra mà xử tử.

Tiên tri Gioan Baotixita chỉ Người cho dân sự mà rằng, Người là Đấng vô tội và là Đấng tha tội. — Môn đệ Phêrô Người. và ông Phaolồ là kẻ bắt đạo, sau trở lại, cũng gọi Người là «*Đấng thanh sạch*». — Khi Giudà là môn đệ ngụy phản, đã lén bán Người, rồi thì ăn năn mà rằng : «Tôi đã bán máu Người vô tội». — Quan trấn thủ Philatồ, trước khi chìu theo lòng dân mà xử tử Người, thì cũng xưng rằng :

«Người nầy có tội gì đâu?» — Đến đỗi tên trộm cướp bị đóng đinh gần Người, khi gần chết, cũng còn gượng mà rằng, Đức Chúa Giêsu là nhơn từ vô tội. — Một quan dẫn Đức Chúa Giêsu đi chịu tử hình, cũng chịu rằng Người là Đức Chúa Trời. — Dân sự, khi Đức Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem, và khi chết rồi, cũng tung hô Người là Đức Chúa Trời.

Một dấu lạ nữa chỉ Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời, là không có ai là người phàm mà được như Người, là từ khi Người xuống thế cho tới ngày Người lìa thế nầy, thì Người chẳng hề đổi dời trong sự ăn ở: Người oai nghi mà đơn sơ, Người hẳn hòi mà hiền từ. Người ăn ở cách đáng kính đáng phục mà bởi cách tự nhiên, không chút rán sức hay là sửa hình sửa dạng.

Đến đỗi khi Người chịu quân dữ đánh đòn, chưởi bới và vác thánh giá, cùng hoi hóp trên thánh giá, thì Người

cũng cứ bình tịnh mà ban phép lành, mà an ủi nhơn dân, mà tha tội cho nó, mà thương mến nó luôn.

Bởi đó nên J.-J. Rousseau, tiên sanh, là một người nghịch đạo lắm, mà còn nói rằng: « Nếu ông Socrate sống và chết như một thánh hiền, thì phải hiểu rằng ông Giêsu sống và chết như một Đức Chúa Trời. » Đó là một cách nói ví, đặng chỉ rằng Đức Chúa Giêsu thật là Đức Chúa Trời.

Một sự lạ lùng nữa, là cách ăn ở hiền từ của Đức Chúa Giêsu trổi xa mọi người sinh ra ở dưới thế nầy, cho nên không có ai được dạy khôn cho Đức Chúa Giêsu, hầu cho Người bắt chước ai đâu. Ấy là bởi tánh riêng Người, là tánh Đức Chúa Trời mà thôi.

Chẳng những là không có ai dạy được cho Đức Chúa Giêsu ở trọn lành như vậy, mà Người giảng truyền cho loài người ta hơn mười chín trăm năm nay, cách ăn ở trọn lành luôn luôn không dời đổi chút nào.

Xét đó thì rõ thêm, không lẽ mà một Đấng rất thánh như vậy, đã lưu truyền sự thánh cho loài người tới ngày nay, mà là Người gian giảo dám phạm thượng cả gan mà xưng mình là Đức Chúa Trời.

Vậy nếu Đức Chúa Giêsu là rất thánh dường ấy, thì nghĩa là Người là Đức Chúa Trời thật, vì Người hằng dạy rằng, Người là *Đức Chúa Trời*.

ĐOẠN THỨ CHÍN

Phép lạ Đức Chúa Giêsu làm.

Trước hết ta phải biết phép lạ là đi gì?

Phép lạ, là một việc phi thường ta thấy biết được, Thiên Chúa dùng phép tắc mình mà làm, quá khỏi sức lực các loài thọ sanh. Trong phép lạ thì luật tự nhiên ngưng lại, không cứ theo lệ ta thường thấy, làm cho trí loài người hiểu không thấu: Như đau mà được

mạnh liền, đui mà được thấy liền, phung cùi lỡ lói mà được lành đã liền, điếc mà được nghe liền, què mà được đi liền, chết mà được sống liền.

Phép lạ cả thể ấy là bởi phép một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Như các thánh cũng làm phép lạ được, song là nhờ ơn Đức Chúa Trời ban mà thôi, nên mỗi lần cứu ai thì đều nói « Nhơn danh Đức Chúa Trời » mà thôi, chớ không lấy sức riêng được.

Còn phép gì khác, dầu lạ lùng thể nào, đều là mị mộng giả trá, của ma quỉ làm, bởi Đức Chúa Trời để cho nó thong dong, nên nó dùng tay kẻ phò tá nó để phỉnh phờ mà thôi. Phép ấy chẳng đáng tin, chẳng nên kể đến.

Vậy Đức Chúa Giêsu làm phép lạ cách tỏ tường, tự nhiên và đơn sơ trước mặt nhơn dân. Người nhơn danh Người, mà phán một lời, tức thì có phép lạ liền.

Khi Người đi cùng xứ Galilêa và Giuđêa mà giảng đạo, thì Người làm phép lạ vô ngần vô số, đặng làm chứng rằng Người là Đức Chúa Trời.

Người lại làm phép lạ đủ thứ cách : Người chữa đủ thứ bịnh, phung cùi lỡ lói, điếc, câm, đui mù, què bại. quỉ ám, điên cuồng. Người làm cho bánh và cá ít trở ra nhiều, cho đủ nuôi năm bảy ngàn người, làm cho nước lã trở nên rượu, làm cho cây tươi ra khô héo, cho cá vô đầy dẫy trong lưới. Người phán cho dông tố lẵng lặng. Người đi trên mặt nước như trên đất liền. Đến đỗi có người chết rồi liệm rồi, mà Đức Chúa Giêsu cho sống lại tức thì. Ông Ladarô chết rồi, chôn rồi được bốn ngày, xác đã hư hốt hôi thúi rồi, mà Đức Chúa Giêsu phán có một lời : « Ladarô, hãy đi ra ngoài », tức thì Ladarô ở trong mồ đi ra, lành mạnh như thường.

Đức Chúa Giêsu làm phép lạ như vậy mà dùng một lời nói một dấu tay mà thôi, chớ không lăng xăng lít xít rộn ràng, múa bộ múa tịch ; gặp đâu, ai xin Người, thì Người cứu mà thôi, chớ Người không đi tìm kiếm dịp nào làm phép lạ.

Có khi Người ở xa mà Người cũng làm phép lạ nữa. và thường Người làm phép mà cứu nhơn dân là bởi thương nó, là muốn an ủi nó, chớ chẳng khi nào mà Người có ý đặng làm sỉ nhục hay là làm hại cho kẻ hềm thù Người. Bởi vậy cho nên kẻ nghịch mới dám hỗn hào chưởi bới Người, vì nó biết Người không có oán hận nó, mà phạt nó cách nào.

Sau hết, như ta đã biết rồi, Đức Chúa Giêsu làm phép lạ cho đặng làm chứng Người là đấng phép tắc vô cùng, bởi một sự muốn, thì cũng đủ rồi, nên Người thật là Đức Chúa Trời, khiến gì cũng được, làm gì cũng được. Bởi

đó nên Người mới nói như vầy với nhơn dân :

« Nến bay không tin lời Tao, thì ít nữa là bay hãy tin việc Tao làm, và bay hãy biết đó là Cha Tao ở trong Tao và Tao ở trong Cha Tao. »

Ấy vậy thì có một lẽ mà thôi. Hoặc là ta phải quì gối sấp mình xuống mà thờ lạy Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời ! Hoặc là ta phải nghịch mạn cùng Đức Chúa Trời, nếu Người để cho một người phàm dám cả gan dùng phép lạ, là phép riêng của một mình Đức Chúa Trời, mà buộc thiên hạ thờ nó.

Ta hãy xét đó mà coi, ta nên chịu tin vững vàng rằng Đức Chúa Giêsu thật là Đức Chúa Trời chăng ?

ĐOẠN THỨ MƯỜI

Phép lạ trọng hơn hết của Đức Chúa Giêsu.

Khi Đức Chúa Giêsu giảng dạy, thì Người có phán trước cùng môn đệ Người nhiều lần rằng : « Quân dữ sẽ giết Con Người và qua ngày thứ ba Người sẽ sống lại. »

Khi những kẻ ghét Người, đòi Người cho nó xem một điềm lạ làm chứng Người là Đức Chúa Trời, cho nó tin, thì Người phán rằng : «Dòng dõi xấu xa và ngoại tình nầy tìm điềm lạ, song không cho nó một điềm nào, trừ ra điềm tiên tri Jona mà thôi. Vì chưng như thể Jona đã ở trong bụng đại ngư ba ngày và ba đêm ; thì cũng vậy Con người sẽ ở trong lòng đất ba ngày và ba đêm. » Nghĩa là Người chết rồi sẽ chịu chôn trong huyệt ba ngày ba đêm, rồi sống lại ra khỏi huyệt, cũng như ông Jona ra khỏi bụng cá vậy.

Vậy sự đã xảy ra làm sao ? Quả thật như lời Đức Chúa Giêsu đã phán trước : Người đã chết tỏ tường trên cây thánh giá trước mặt dân sự.và kẻ nghịch cùng Người, nhằm ngày thứ sáu, đúng ba giờ chiều. Khi Người trút linh hồn rồi, thì có lính đâm cạnh nương long Người, có máu và nước chảy ra. Nó làm như vậy cho đặng chắc rằng Người đã chết rồi thiệt.

Sử ký xứ Rôma cũng có chép rằng, khi Đức Chúa Giêsu tắt hơi rồi trời đất ưu sầu u ám động địa.

Người chết rồi, thì Mẹ Người và môn đệ Người hạ xác Người xuống và rửa ráy các vít tích, đoạn chôn xác Người trong huyệt đá. Xác Người có ướp thuốc thơm và có quấn vải kỷ lưỡng, nhiều lớp theo tục nước ấy.

Quân Giudêu nhớ lời tiên tri Người phán Người sẽ sống lại, nên nó xin quan niêm cữa huyệt lại, và xin cho lính canh gác nghiêm nhặt, sợ e môn

đệ Người đến trộm xác Người, đem đi giấu, rồi hô lên rằng, Người đã sống lại...

Những sự âu lo canh giữ thể ấy đều ra vô ích. Chẳng đủ ba ngày sau, sáng Chúa nhựt kế đó, thì Đức Chúa Giêsu lấy phép riêng mình mà sống lại, ra khỏi huyệt.

Tức thì đất động nữa. Có một thiên thần trên trời xuống mà xô hoàn đá trám cửa huyệt, mà ngồi trên đá ấy. Đức Chúa Giêsu sống lại rồi, không còn trong huyệt đá nữa ; còn thiên thần thì ngồi trước cửa huyệt đó, mặt sáng láng như trời chớp, áo trắng như tuyết. Quân lính thấy vậy thì hoảng hồn như chết, và chạy về thành mà rao tin lạ ấy, dân sự đều hay hết.

Đức Chúa Giêsu sống lại rồi thì tỏ mình ra cho nhiều người. Người chuyện vãn và ăn ở như hồi còn sống khi trước. Người tỏ mình ra cách riêng cho vài môn đệ, và cho các thánh nữ đã theo Người hồi giảng dạy khi trước.

Người hiện ra và tỏ mình chung ở giữa các môn đệ đang tụ hiệp trong nhà, và đưa dấu thương tích trong mình cho môn đệ rờ coi cho tợ mặt, và ngồi ăn uống, cho môn đệ rõ là thật Người đã sống lại, chớ không phải là hình bóng, hay là ma. Người còn hiện ra nhiều khi nữa nơi khác, như nơi mé biển, cùng trên núi Olivêtê, gần thành Giêrusalem, trước mặt gần một trăm hai chục người. Người tỏ mình ra như vậy, và cũng giảng dạy nữa, đặng chỉ cách lập đạo Người ở dưới thế nầy.

Ấy vậy, Đức Chúa Giêsu có chết thật và có sống lại rõ ràng, rồi đi nhiều chỗ, mà ăn ở nói chuyện và làm mọi việc giảng dạy, như trước khi Người chịu nạn chịu chết. Chẳng biết là bao nhiêu người đã đặng thấy tỏ tường sự ấy : dầu môn đệ Người, kẻ thương hay là ghét Người cũng đều tin sự thật ấy. Đến đỗi có nhiều môn đệ lúc đó liều

mình chịu cho quan giết đặng làm chứng cách mạnh mẽ rằng: Thầy mình đã sống lại. Bởi vậy nên một tiên sanh kia, là ông Pascal, nói như vầy : « Tôi tin những kẻ nào chịu đổ máu mà làm chứng sự thật »

Ấy cũng là một sự lạ lùng, như là một phép lạ khác nữa, là mộn đệ Đức Chúa Giêsu, thấy Người chết rồi, thì ngã lòng rủn chí ; mà khi Người sống lại rồi, thì thêm sức cho môn đệ ra mạnh mẽ gan đởm hẳn hòi, không còn sợ ai nữa, mà rảo ruông khắp xứ, mà cao rao danh Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời thật.

Đức Chúa Giêsu sống lại rồi, thì Người ở thế gian bốn mươi ngày nữa, mà dạy dỗ thiên hạ và khuyên lơn môn đệ Người và trối nhiều lời thiết yếu : « Bay hãy đi khắp xứ mà giảng dạy và rửa tội cho người ta nhơn danh Cha, và Con và Thánh Thần. — Hễ bay tha tội cho ai, thì nấy đặng sạch tội. — Ai

tin mà vưng giữ, thì sẽ đặng rỗi ; bằng ai chẳng tin và chẳng vưng giữ, thì phải phạt vô cùng... Bay hãy lo chăn giữ đoàn chiên của Tao. — Bay sẽ được ơn Đức Chúa Thánh Thần xuống trong lòng bay, » vân vân...

Sau hết, Đức Chúa Giêsu đã lấy phép riêng Người mà thăng thiên về trời, trước mặt môn đệ Người tựu nhau trên núi Olivêtê.

Và theo lời Người đã hứa, thì mười ngày sau, có Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống trên các Tông đồ, mà thêm sức sốt sắng mạnh mẽ bạo dạn, mà giảng đạo một cách lạ lùng nữa, là nói một thứ tiếng mà nhơn dân khác xứ khác tiếng cũng đều hiểu được hết. Nên ngày thứ nhứt thì được chừng ba ngàn người trở lại đạo Đức Chúa Giêsu.

Đó ! Coi có người nào ở dưới thế nầy, dầu sang trọng, dầu quyền phép, dầu hiền nhơn, dầu thông thái, dầu cho dân sự theo và tùng phục đi bao

nhiêu nữa, dầu cho lập phe đảng hay là đạo chi đi nữa, thì có ai mà nói tiên tri được trước chừng nào mình sẽ chết, và chết cách nào, và có ai dám nói rằng mình có đủ sức, đủ phép riêng, mà sống lại tự nhiên một mình theo như lời đã phán trước chăng ?

Ai nấy rán kiếm thử coi từ tạo thiên lập địa tới bây giờ, có người nào mà được quờn phép cả thể lạ lùng như Đức Chúa Giêsu vậy chăng.

Quả thật Đức Chúa Giêsu phải là Đức Chúa Trời nên mới có phép tắc vô cùng dường ấy.



ĐOẠN THỨ MƯỜI MỘT

Đức Chúa Giêsu có sống lại thật chăng?

Ta phải xét đi xét lại cho kỷ, coi thật Đức Chúa Giêsu có quả lấy phép riêng mình, nghĩa là phép Đức Chúa Trời, mà sống lại chăng. Nếu có quả như vậy, thì ta mới nên tin Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời thật, vì từ thuở tạo thiên lập địa cho tới ngày nay, không có người phàm nào chết rồi mà lấy phép riêng mình mà sống lại được. Không đời nào, mà nghe nói có người nào được lấy phép riêng mình chết rồi mà sống lại được. Ấy là một sự không ai dám chối cãi. Đức Chúa Giêsu dùng có một phép lạ nầy là nhứt, là cả thể hơn hết, đặng mà làm chứng rằng: Người là Đức Chúa Trời, mà thôi; chớ còn các phép lạ khác, đã kể trong mấy đoạn trước, như cho kẻ chết đặng sống lại, thì Người cũng cầm đó là như sự thường của Người làm mà thôi, đặng

cứu giúp thiên hạ. Bởi đó nên nhiều khi Người làm phép lạ cứu nhơn dân rồi, thì Người dạy nó đừng tung hô, đừng cao rao, một đợi chừng ngày sau Người chết rồi và sống lại rồi, mới được nhắc đến.

Trước khi Chúa xuống thế, thì Chúa cũng có cho nhiều thánh tổ tông được lấy danh Đức Chúa Trời mà làm cho người ta chết rồi sống lại. Sau khi Đức Chúa Giêsu thăng thiên về trời, thì cũng còn cho môn đệ Người và các thánh cũng đã lấy danh Đức Chúa Trời làm cho người chết được sống lại nữa. Song ta phải nhớ đều nầy, là những đấng thánh đó, một nhờ nhơn danh Đức Chúa Trời mà thôi, mới làm phép lạ được, chớ không lấy phép riêng mình mà làm được đều gì lạ lùng như Đức Chúa Giêsu vậy, như Người phán một lời, làm một dấu, bởi phép riêng Người mà thôi, tức thì có phép lạ. Và ta phải nhớ đều cần kíp nầy nữa, là có người

nhờ ơn Đức Chúa Trời ban phép làm cho kẻ chết được sống lại, song không có một ai được tự nhiên sống lại một mình như Đức Chúa Giêsu.

Đức Chúa Giêsu dùng có một phép lạ nầy mà thôi, đặng làm chứng rõ ràng chắc chắn, Người là Đức Chúa Trời, nên mới có phép tắc cả thể, là bởi trong sự chết mà sống lại vinh hiển, như lời Tiên tri đã chép mấy ngàn năm trước và như lời chính mình Người đã phán trước khi Người chịu nạn.

Mà có sự gì làm chứng chắc chắn rằng: Đức Chúa Giêsu đã *chết thật* rồi, và *sống lại thật* nữa chăng?

Xin hãy nhớ lại mấy đều ta đã biết rồi trong mấy đoạn trước, và nhắc lại hai đều nầy nữa :

Một là các quan và dân nghịch trong xứ, hềm thù Đức Chúa Giêsu lắm, nên kiếm đủ thế đủ cách mà phá những lời Người dạy, vì không chịu tin Người là Đức Chúa Trời.

Hai là môn đệ của Đức Chúa Giêsu lúc ấy cũng hãy còn yếu đức tin, không chắc thật Người là Đức Chúa Trời, thứ nhứt là khi thấy Người chết rồi, thì ra ngẩn ngơ sợ sệt quá đỗi. vì Thầy chết rồi thì môn đệ sẽ ra làm sao ?

Hai đều đáng lý là đều hại to trong sự làm chứng Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời. Song Đức Chúa Giêsu, là phép tắc vô cùng, nên mới dùng hai đều ấy đặng làm cho sự thật ra chán chường cả thể hơn nữa.

Kẻ nghịch của Đức Chúa Giêsu hồ nghi môn đệ Người sẽ ăn cắp xác Người ban đêm, mà đem nơi khác, rồi hô lên rằng. Người đã sống lại rồi. Nó cho niêm mồ Đức Chúa Giêsu lại và cho nhiều tên lính giữ cửa huyệt đá nghiêm nhặt lắm, nên không lẽ gì ai lại chùng lén, phá niêm, khiêng cửa huyệt đá nặng nề ra, và ăn cắp xác Đức Chúa Giêsu, mà lính không hay chút nào, vì là sờ sờ trước mặt nó. Còn môn đệ Đức

Chúa Giêsu, phần thì tánh quê mùa dốt nát nhúc nhát, phần thì ngã lòng rầu rĩ, vì Thầy mình đã chết rồi, bỏ mình lại mồ côi yếu đuối, đáng lý thì lo trốn đi xa, chớ nào dám léo lại gần lính mà làm gì?

Mà dầu cho môn đệ dám cả gan trộm xác Đức Chúa Giêsu đi nữa, thì lại càng ra một sự khó tin hơn nữa. Là nếu có như vậy, thì tự nhiên chính mình các môn đệ đều phải rõ rằng: Thầy Giêsu của mình không phải là Đức Chúa Trời, vì Người không có sống lại theo lời đã phán trước, ấy Người đã gạt gẫm thiên hạ, Người là người phàm khốn nạn kia mà thôi. Như vậy thì có lẽ nào các môn đệ còn dại mà đi hô láo rằng, Người đã sống lại? Đáng lý thì môn đệ giận dữ lắm, đi ra bán rao sự dối trá tên Giêsu. Môn đệ làm như vậy thì lại được các quan Công Đồng trong thành yêu vì, và thưởng nữa, vì là trúng ý nghịch thù của kẻ ghét Giêsu.

Vậy các môn đệ chẳng những không bán rao được tiếng dữ ấy, mà lại còn đành lòng chịu bắt bớ khảo lược, chịu đòn bọng, tù rạc, chịu đổ máu ra, chịu chết, mà cao rao Thầy mình thật là Đức Chúa Trời, nên mới có phép chết rồi mà sống lại được tự nhiên một mình. Đó cũng là một đều nữa làm chứng rằng, mấy môn đệ vì quả thật Đức Chúa Giêsu có sống lại chán chường, nên mới chịu ra mà cao rao sự ấy. Vốn mấy môn đệ, tuy là gần gũi lân cận với Đức Chúa Giêsu, mà nghe Đức Chúa Giêsu phán tiên tri rằng: khi Người chết rồi, chẳng đủ ba ngày Người sẽ sống lại, thì môn đệ cũng chẳng hiểu gì bao nhiêu, và chẳng đem lòng tin lời tiên tri ấy bao nhiêu. Bởi vậy, nên môn đệ Tôma khi chưa thấy Đức Chúa Giêsu lúc đã sống lại rồi, thì nói với các môn đệ khác rằng: « Nếu tôi không thấy lỗ đinh nơi tay Người, và không xỏ ngón tay tôi vào

lỗ đinh, và không đút bàn tay tôi vào hông Người, thì tôi không tin Người đã sống lại. » Thì Đức Chúa Giêsu lại hiện ra cho Tôma giữa mặt các môn đệ khác mà phán rằng : « Tôma, hãy xỏ ngón tay mầy vô đây, mà coi bàn tay tao, và đem bàn tay mầy lại mà đút vô hông tao, rồi đừng cứng tin nữa, một tin cho chắc » Chừng đó Tôma mới tin, mà thưa Đức Chúa Giêsu rằng: « Lạy Chúa tôi và Chúa trời tôi ! » Chừng đó Tôma, là người cứng cỏi, mới chịu tin rằng Thầy mình là *Chúa*, là *Đức Chúa Trời*.

Ta hãy xét một lẽ nữa trọng hơn hết: Là Giêsu lặp đi lặp lại với dân sự rằng: Mình là *Đức Chúa Trời*, nên khi chết rồi chẳng đủ ba ngày sẽ lấy phép riêng mà sống lại. Vậy nếu Giêsu không phải là *Đức Chúa Trời*, thì không có phép có sức gì mà sống lại tự nhiên một mình được. Mà không lẽ *Đức Chúa Trời* cho tên Giêsu đó được sống lại bởi

lấy phép riêng của Giêsu. Vì nếu *Đức Chúa Trời* lam như vậy, thì ra như *Đức Chúa Trời* liên can trong sự dối trá của Giêsu. Không có lẽ nào mà *Đức Chúa Trời* làm quấy cách đó chút nào được. Vậy nếu Giêsu sống lại được một mình, thì ắt là vì Người là *Đức Chúa Trời* thật.

Vậy Đức Chúa Giêsu mà sống lại được một mình bởi phép riêng Người, thì ấy là làm một phép lạ khác Người đã làm, ấy là cho đặng làm chứng Người là *Đức Chúa Trời* phép tắc vô cùng.

Vậy nếu ta xét cho cẩn thận mấy lẽ kể trên đây, mà ta chưa chịu ngã lẽ, chưa chịu tin rằng, có một mình Đức Chúa Giêsu là *Đức Chúa Trời thật*, đã xuống thế làm người mà chuộc tội cho ta, và dạy ta phải giữ đạo Người là *Đạo chánh* của *Đức Chúa Trời*, thì ắt là tại ta còn mê theo đàng xác thịt tội lỗi, còn muốn ăn chơi sung

sướng theo đời mà thôi, không muốn vô đạo Đức Chúa Giêsu, vì phải bỏ đàng thong thả tội lỗi.

Bỡi đó nên có người gọi mình là nhà văn sĩ, là nhà khôn ngoan, vì muốn tránh sự bó buộc xác thịt của đạo Giêsu dạy, nên mới bày đặt ra đạo lý nầy, lý lẽ kia mà che tánh hư từ mình, té ra một ngày kia cũng trỗ tài hư hốt ra, làm cho ai nấy rõ, họ muốn ra vĩ dạy sự khôn ngoan, mà lọt lại là họ là dại dột; rõ lại họ ra tuồng đúng đắn thánh hiền, mà té ra là hết phận làm con người nữa !

Ai biết sử ký, thì hãy xét coi mấy người theo ý riêng mà cải *Đàng chánh sự thật*, theo sự hư từ theo lòng kiêu ngạo, theo sự giả trá, mà bày ra phe nầy phe kia mà gọi là đạo, rốt chuyện thì có ra gì không.

Đó cũng như là kẻ gian, tùng tam tụ ngũ mà lập phe đảng chống cự với luật nước, hầu kiếm lợi riêng mà thôi, chớ nào có ý lành chi đâu ?

ĐOẠN THỨ MƯỜI HAI

Lập đạo Thiên Chúa

Nghĩ lại đạo Thiên Chúa lập ra một cách thật là lạ thường! Đạo nầy, hơn mười chín trăm năm nay, bị đồ khổ, bị bắt bớ đủ thứ cách dữ dằn, đến đỗi kẻ theo đạo ấy phải bị hành hà khảo lược và chịu chết vì đạo cả muôn triệu người, mà đạo cũng còn vững bền.

Nghĩ lại cho cặn kẽ thì thấy rõ ràng đạo nầy phải có thật một Đấng phép tắc vô cùng vô tận, là Đức Chúa Trời, mới có thế mà lập cho được vững bền thể ấy, vì theo lý thường con người, thì đạo nầy không lẽ nào mà lập ra được, chẳng nói chi đến được lâu dài bao lâm.

Vậy đạo thiên Chúa dạy sự gì?

Dạy phải thờ phượng một Chúa mà thôi. Mà Chúa đó lấy hình lấy xác loài người ta, đặt tên là Giêsu, ra đời

nghèo nàn hèn hạ rách rưới, dạy đạo mình trong vòng ba năm, kế bị xử tử, phải chịu chết treo trên một cây thập giá trần truồng, như một đứa trộm cướp sát nhơn.

Đạo nầy lại buộc nhiều đều khó giữ, là đừng thờ bụt thần, hay là người nào khác, gọi là phật cùng là tiên tri ; chỉ đừng mê theo dâm dục tội lỗi ; đừng chơi bời theo tính xác thịt ; và phải tha thứ ; yêu người ; đừng kiêu căng ; phải làm lành lánh dữ. Những đều đó là nghịch tánh ý dân sự đời xưa lắm, cũng như đời nay nữa, mà đạo Thiên Chúa cả gan dạy cùng các xứ, từ Đông chí Tây, từ Nam chí Bắc, cùng các đường các nẻo, trong thành, ngoài đồng, chán chường giữa mặt nhơn dân, dạy kẻ giàu như kẻ nghèo, kẻ thông thái như đứa dốt nát, người lớn như con nít, đờn ông như đờn bà ! Ấy thật là một sự lạ lùng !

Mà ai dám gánh vác mà dạy một sự cả thể can hệ như vậy ?

Có mười hai người thợ lưới nơi biển hồ Galilêa mà thôi ! Mười hai người dốt nát, nhát gan, quê mùa, chẳng được một người văn chương chữ nghĩa chức quyền chi.

Có mười hai người môn đệ như vậy mà đi dạy ai được việc gì ? Lại ông Giêsu là Thầy các môn đệ ấy, biểu họ đi giảng đạo và dạy sự gì ? Dạy có bấy nhiêu đây mà thôi : « Các con đừng lo góp nhóp bạc tiền làm chi... Ra đi đường thì đừng lo sắm giày dép, quần áo gậy hèo chi... Đừng lo sẽ giảng làm sao... Cha sai các con đi như thả chiên vô giữa đoàn chó sói... Dân sự sẽ đánh đập các con... Các con sẽ chịu hành hà khảo lược và chịu chết vì Cha... Con hãy cứ vậy mà đi giảng đạo cho cả và thế gian, cho các dân thiên hạ. »

Việc thì là cả thể, mà dùng cách thức hết sức đê tiện. Chẳng phải đó là ý mầu nhiệm Đức Chúa Trời sao ? cho ta biết Người là phép tắc diệu dụng, không cần sức lực mưu kế thế gian ! Bởi có nên *đạo Thiên Chúa* lập ra như không không, cũng như trời đất muôn vật Đức Chúa Trời cũng dựng nên như không không vậy. Người phán một lời tức thì liền có trời đất muôn vật !

Nay là được hơn mười chín trăm năm rồi, từ ngày các Tông đồ Đức Chúa Giêsu khỉ sự ra giảng đạo. Nay đạo Thiên Chúa hãy còn vững bền chắc chắn, dầu Chúa khiến để cho bị bắt bớ đủ thứ cách. Nay đi đâu xứ nào, thì cũng đều đạo Thiên Chúa gặp giống nhau hết, ... trong các đều phải tin, trong luật dạy phải làm hay là phải lánh đều gì. Và đâu đó, bất kỳ dân nước nào, cũng đều phục tùng một Đấng làm đầu thay quyền cho Đức Chúa Giêsu mà cai trị

Hội Thánh, gọi là Đức Thánh Phapha, là Đức Giáo Tông.

Cũng vì ý mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, nên Chúa mới khiến để cho loài người thong thả chọn lựa đàng đi, hầu ngày sau mới có công nghiệp riêng mỗi người. Nếu Đức Chúa Trời muốn, thì cả và thế gian đều trở lại *đạo Thiên Chúa* hết, cũng như Đức Chúa Trời hồi ban sơ nói một lời thì liền có trời đất muôn loài muôn vật.

Song *Đức Chúa Trời*, là công bình vô cùng, không ép lòng ai, không buộc ai. Chúa để vậy đặng cho có kẻ được công nghiệp chịu khó đi giảng đạo Chúa, ấy là dấu mến thương Chúa thật.

Chúa để vậy cho ai nấy có công nghiệp đi tìm kiếm đạo Chúa mà giữ, cũng như cha mẹ để cho con thong thả, đền ơn báo đáp cách nào tự ý, chớ nếu buộc ràng con cái phải đi lễ vật gì, thì nào con cái có thật lòng với cha mẹ đâu ?

Chúa để vậy, là để cho đạo Người hãy còn có nhiều kẻ chưa chịu theo, hay là nhiều kẻ bắt bớ, là cho đặng ai nấy rõ, cách *Đức Chúa Trời* dùng mà làm việc Người, thì là khác lạ hơn cách thế gian, vì Đức Chúa Trời là *phép tắc vô cùng*, và hằng có *đời đời*, nên Đức Chúa Trời không gấp rúc gì như người phàm; Đức Chúa Trời còn có thì giờ *đời đời kiếp kiếp* mà thưởng phạt loài người, nên *Đức Chúa Trời* làm như nhắm mắt, bịt tai, ngậm miệng, mà chờ đợi, để coi con cái Người làm sao, chớ không dùng phép tắc Người mà ép uổng ai.

Ta hãy suy đó mà sợ phép công thẳng của Đức Chúa Trời, sự thạnh nộ oai nghi của Đức Chúa Trời, và hình phạt của Đức Chúa Trời.

Ta chớ nên trì huỡn trong sự ăn năn trở lại cùng *Đức Chúa Trời*, vì nếu Đức Chúa Trời hết sức nhịn ta, thì là khốn nạn cho ta vô cùng.

Ta hãy nhớ coi Đức Chúa Trời, khi ban sơ, đã phạt sự kiêu ngạo cứng cỏi ngỗ nghịch của tổ tông ta và các thiên thần là thể nào!

Ta hãy xét đó mà sợ cho lắm, mà lo trở lại cùng Chúa cho kíp, vì không khi nào Đức Chúa Trời là cao cả vô cùng mà chịu để cho kẻ cứng cỏi kiêu ngạo nghịch mạng với Người cho tới cùng. Sao sao, một ngày kia Người cũng phạt một cách gớm ghiếc, thình lình, như sấm sét vậy, không ai ngờ trước được.

ĐOẠN THỨ MƯỜI BA

Cuộc lập đạo Thiên Chúa đơn sơ mà ra vững bền.

Nghĩ lại thì sự cũng là lạ, ai ai cũng phải phục, mà tin rằng, phải có Đấng phép tắc vô cùng phụ trợ, nên đạo Người mới bền đỗ được.

Hơn mười chín trăm năm nay, Đức Chúa Trời có ý mầu nhiệm, để cho ai

nấy thong thả chọn lựa đạo, tìm tỏi đạo Người mà theo ; nên cũng để cho ai nấy thong thả mà mến hay là ghét đạo Người lập.

Bởi đó nên ma quỉ xúi giục kẻ dữ kiếm thế phá hại cho tan nát đạo Thiên Chúa. Đời nào, xứ nào cũng có bắt bớ hành hà những người giữ đạo ấy. Nhiều nước làm giặc đánh nhau cũng vì đạo ấy. Kẻ nghịch đạo ấy ngăm đe, làm dữ cho dân sự bỏ đạo, giết kẻ giữ đạo vô ngần vô số, tưởng đạo ấy sẽ điêu tàn, té ra máu Tử đạo đổ ra chừng nào, thì bổn đạo càng ra nhiều chừng nấy, càng sốt sắng chừng nấy.

Vua chúa, đền đài của cải, của nước kia đều có suy sụt, đều phải tàn mạt, mà đạo Thiên Chúa hãy còn mạnh mẽ thịnh vượng luôn. Các Đấng Giáo Tông thay phiên nhau, nối quờn nhau, mà cai trị Hội thánh hơn mười chín trăm năm nay, không dứt. Bổn đạo khắp cả và thế gian, khác nước, khác tánh, dầu

cho có giặc giã đánh nhau mà tranh giành quyền lợi, thì việc giữ đạo Thiên Chúa cũng giống nhau, cũng tùng phục một Đấng Giáo Tông, thay mặt Đức Chúa Trời ; dầu Giáo Tông ấy là người nước nào, ai nấy cũng kính, cũng mến như cha chung, nên mới gọi là *Đức Thánh Cha*.

Lại cách giữ luật đạo, và những sự phải tin, các luật phép luân lý, thì đâu đó, xứ nào, đời nào, cũng y như nhau.

Xét đó coi không phải là sự lạ lùng, có một Đức Chúa Trời xui khiến mới được mà thôi sao ?

Một dấu nữa chỉ đạo Thiên Chúa là Đạo Chánh, của Đấng Tạo Hóa, của Đức Chúa Trời lập ra, là Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng, nên sự gì, dầu khó bao nhiêu thì Người cũng coi là dễ hết sức. Đến đỗi sự Người *muốn* hay là sự Người *làm* ra, thì cũng là dễ bằng nhau.

Bởi không không mà Đức Chúa Trời nói một lời, tức thì có trời đất muôn vật. Vì một lẽ ấy, nên khi Đức Chúa Trời lấy xác và linh hồn người ta mà xuống thế đặng lập đạo Người, thì Người chẳng dùng phương thế chi cả thể.

Ở đời, hễ ai muốn bày hội chi, thì kiếm nhiều người danh vọng giỏi giắn, kiếm tiền của nhiều, nhờ cậy người có thế thần và một ý với mình.

Còn Đức Chúa Trời lập đạo, là lập một sự cả thể hơn hết dưới thế gian nầy, thì Người làm sao ?

Người chọn có mười hai môn đệ mà thôi. Môn đệ ấy là người hàng thứ dân, là người chài lưới, là người nghèo nàn, dốt nát, quê mùa, trừ ra một hai người khá hơn một chút, chữ nghĩa vừa đủ, và có của chút đỉnh.

Xét theo lẽ thường, theo sức người phàm, thì đáng lý việc lập đạo Thiên Chúa không thế bền đỗ chắc chắn

được ; nên nếu mà đạo nầy càng ngày càng tấn tới luôn, từ mười chín trăm năm nay, thì phải thật có Đấng Tạo Hóa phép tắc vô cùng lo bao bọc gìn giữ phụ trợ luôn mà chớ.

Nghĩ lại coi : Môn đệ Đức Chúa Trời đi ra giảng đạo, song phải gặp sự ngăn trở cam go là dường nào !

Trước hết, giảng biểu dân sự thờ lạy ai ? Thờ ông Giêsu là người mới bị án tử, chết trên cây thập giá, là hình phạt nặng nề nhuốc hổ hơn hết theo luật nước, để trừng trị quân ăn cướp sát nhơn mà thôi !

Lại dân sự, quan quyền, ai nấy nghe giảng đạo Kirixitô, nghe nói Giêsu Kirixitô là Đấng Cứu Thế, nên hết thảy đều tưởng lầm rằng : Đấng Cứu Thế, thì phải là một vua một tướng lớn, quờn phép nhiều đủ mà giựt nước lại khỏi tay hoàng đế Roma, và đủ sức mà làm cho nhơn dân nước Palestina trở ra sung sướng.

Không ai ngờ Đức Chúa Giêsu là Đấng Cứu Thế thiêng liêng, nghĩa là cứu linh hồn loài người ta cho được sự sống đời đời ngày sau.

Bởi vậy nên khi dân sự thấy Đức Chúa Giêsu ra giảng đạo trong ba năm mà thôi, rồi chết mà để lại cho môn đệ Người giảng tiếp theo, và nó những mong ước ngóng trông sự tấn phát danh lợi phần đời mà thôi, mà không thấy gì hết ; lại thấy ai theo đạo Giêsu thì bị bắt bớ, nên nó ngẩn ngơ ngã lòng.

Đức Chúa Trời khiến như vậy, và lại để cho đạo lần lần tấn phát theo phần thiêng liêng cho ta hiểu phép tắc Người là mầu nhiệm đường nào !

Môn đệ là kẻ dốt nát hèn mạt mà ra giảng cho ai nghe ? Cho quan quyền sang trọng, nhà giàu và kẻ thông thái. Trong xứ môn đệ là tại Palestina, thì giảng nghịch ý các Thầy đạc đức giữ *đạo cũ*, vì biểu họ phải giữ *đạo mới*. — Qua nước lạ, như Roma, thì lại giảng

cho vua chúa quan quyền, là thầy là chủ đã cướp nước Palestina mà cai trị cách oai nghi hẳn hòi lắm. Trong xứ Roma, quan dân ai nấy cũng đều thờ bụt thần một cách khâm sùng sốt sắng lắm, vì đạo bụt thần là đạo cả và nước đều giữ. Vậy mà môn đệ Đức Chúa Giêsu dám cả gan đến đó, biểu người ta theo đạo Giêsu và phải đập bỏ bụt thần, nên môn đệ phải bị bắt bớ, tù rạc, xử tử, bỏ thây cho hùm thú ăn. Kẻ theo đạo thì cũng bị xử cách khốn nạn dữ tợn như vậy trót ba trăm năm.

Môn đệ đi giảng đạo mà dạy sự gì nữa ? Dạy phải làm lành lánh dữ, bỏ thói cũ xưa, là đừng hà hiếp kẻ nghèo nàn yếu đuối mà coi kẻ ấy như là loài vật, coi mạng sống nó như không ; dạy bỏ thói ăn chơi luông tuồng, bỏ sự trái phép công bình ; dạy phải thương yêu người như mình vậy, và coi ai nấy cũng như anh em với mình trong Đức Chúa Giêsu, vì ai nấy cũng là con Đức Chúa

Trời. Nói tắt một lời, môn đệ dạy những đều trái tai sái ý dân sự đang còn ở trong vực tối tăm đắm mê tội lỗi, nên theo lẽ thường, thì dân ấy không thèm nghe theo.

Môn đệ tra tay ra làm một việc cả thể, mà lại còn yếu sức mọi bề ; không khí giái chi, không tiền của chi, không khoa ngôn ngữ chút nào. Nhưng vậy mà làm ra được chuyện, thì cũng là lạ lùng, nên phải có một mình Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng mới xui khiến lòng con người theo đạo Thiên Chúa tới ngày nay.

Còn một sự khó nữa cho Tông đồ, là không còn Thầy mình ở với mình nữa, đặng mà chỉ biểu khuyên lơn. Quạnh hiu một mình với sự dốt nát mình mà thôi, nên thật nếu không có ơn riêng Chúa soi sáng, thì không lẽ nào mà làm nên việc được.

Một sự cam go nữa cho Tông đồ trong sự giảng đạo, là giảng cho đủ

thứ người nghe, cho được ghi vào lòng, mà rập nhau tin và thờ Đức Chúa Trời một cách.

Những người ấy là khác xứ, khác đạo, khác phong tục, lại nhiều khi nghịch với nhau, không hạp tánh nhau, và cũng là người tôn ti khác nhau, giàu nghèo, lớn bé, thông minh, dốt nát. Hết thảy đều cãi cọ nhau, tranh giành nhau, mà xưng rằng đạo mình trúng và chánh hơn hết, rằng phong tục mình tốt hơn hết.

Kẻ có chức phận phần đời hay là phần đạo thì gọi mình là thông thái, không chịu nghe chịu hỏi, hầu hiểu cho rõ đạo Kirixitô là làm sao.

Kẻ ăn chơi lăng loàn, kẻ giàu có, thì không chịu cho rằng phải ăn năn hối cải, phải thương kẻ nghèo nàn yếu đuối.

Phần nhiều lại không chịu tùng phục một Đấng làm đầu mà thôi, đặng cai trị Hội Thánh, không chịu vâng theo lời dạy dỗ của các thầy giảng đạo.

Nhiều lẽ nói sơ trên đây, chỉ đủ việc giảng đạo Kirixitô cam go khúc mắt là dường nào. Theo lẽ thế thường, sự giảng đạo ấy phải hư bại hồi ban đầu rồi. Mà nay đã hơn mười chín trăm năm, đạo Kirixitô càng ngày càng thạnh trong cả và thế gian. không nơi nào mà không có kẻ thờ phượng Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời thật.

Đâu đó bổn đạo Kirixitô cũng đều tin đều giữ một luật, tóm lại trong « kinh *Tin Kính* » trong « *Mười điều răn Đức Chúa Trời* » và «*sáu luật điều Hội Thánh.* »

Hội Thánh nầy thì có một Đấng làm đầu mà thôi, gọi là Đức Giáo Tông, là Đức Thánh Cha, là Đức Thánh Phapha, ở tại thành Rôma bên nước Italia.

Ta xét coi có hội nào, nước nào, đạo nào, mà được cả và thế gian đều có người ta tùng phục như đạo Thiên Chúa chăng. Trong lúc giặc Âu Châu, hay là lúc nào, các nước cãi lẫy tranh

giành chuyện chi, thì cũng xin Đức Giáo Tông bàn tính và xử giùm, vì hết thảy ai nấy cũng chịu cho rằng có một mình Đấng làm đầu Hội Thánh gọi là Đức Thánh Cha cả và thế gian, là lấy sự công bình và yêu thương con cái cả và thế gian mà giải hòa mà thôi, chớ không lo ích lợi riêng chi.

ĐOẠN THỨ MƯỜI BỐN

Ai theo đạo Kirixitô

Người theo đạo Kirixitô đều có ở đủ khắp xứ, giàu nghèo, sang trọng, thấp hèn, lớn bé, đờn ông, đờn bà, mạnh khỏe, bịnh hoạn, cũng đều có đủ hết. Vua chúa, và người thông minh thượng trí, ấy là kẻ ai nấy cũng kính nhường khâm phục, mà kẻ ấy cũng cúi đầu xuống, quì gối xuống mà thờ lạy cung kính Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời thật.

Xin kể tắt ra đây một ít tên danh vọng cả và thế gian đều biết, vì là người trí huệ cao cả trong đời :

Các thánh sư như là ông Amrôxiô, Ghêgoriô Nazianzênô, Hiêronymô, Gioan Kim Khẩu, Augutinô, Lêô Cả, Ghêgoriô Cả, Bênađô, Tôma Aquinô, Phanxicô Salêsiô, vân vân ..

Các đấng thông thái như là : ông Tertulianô, Origênê, le Dante, Jean Bacon, Pic de la Mirandole, Copernic, Suarez, Pascal, Bossuet, Mallebranche, Fénelon, Joseph de Maistre, Châteaubriand, Louis Veuillot, Ozanam, Auguste Nicolas, Victor de Laprade, Berryer, Montalembert, Lacordaire, Cardinal Pie, Monseigneur Dupanloup, de Blainville, Le Verrier, Ampère, Pasteur, vân vân.

Các đấng lo lắng cho kẻ bần cùng bịnh hoạn, như là thánh Phaolồ, Máttinho, Louis (vua nước Langsa) Vincent de Paul, Dom Bosco, P. Damien, vân vân...

Còn tên các đấng làm đầu cai trị các nước cũng không thiếu chi, kể ra không xiết.

Những tên hài sơ trên đây thì cũng đủ chỉ rõ người trí huệ cao sâu, hay suy xét cặn kẻ nên thờ lạy Đức Chúa Giêsu hết tình.

Nhiều đấng thông minh có chép sách bày tỏ tại đâu mình tin đạo Chúa Kiritô vững vàng.

Ví dụ, ông Gladstone nói rằng : « Những lời tôi viết, những sự tôi tưởng, những sự tôi trông cậy, thì cũng là thuộc về sự tôi tin chắc chắn Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời thật, là căn nguơn mọi sự tròng cậy của loài người hèn mạt yếu đuối. »

Ông Bismarck, là đại thần nước Alêmăng chính là một vị nghịch đạo, kiếm đủ cách mà xô đồ Hội Thánh, cũng phải xưng ngay rằng : « Nếu tôi không có giữ đạo, thì chắc tôi không có ở thêm một giờ nữa chỗ tôi cầm quyền cai trị đây. »

Ông Cauchy nói : « Tôi có đạo Thiên Chúa theo như mấy ông trí huệ mấy thế kỷ trước. »

Vậy nếu mấy đấng trí huệ ấy giữ đạo Thiên Chúa, mà ta đây là dốt nát, hiểu không thấu sự cao sâu mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, song theo các đấng ấy mà giữ đạo Thiên Chúa, thì chắc là ta cũng không lầm lạc đàng ngay nẻo chánh đâu !

Có nhiều người khác ít thông thái hơn, mà ta còn nghe lời được trong việc khác, huống chi là những đấng danh vọng mới kể ra trên đây !

Còn có kẻ khác cũng thông thái danh tiếng, tuy là không giữ đạo Thiên Chúa, vì hoặc mắc lo việc thế gian, hoặc mắc chìu theo đàng tội lỗi, ra mê muội, song cũng có nói, có viết nhiều lời mà chịu rằng : Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời, và đạo của người là đạo chánh.

Ông Bayle có viết sách mà rằng: « Môn đệ ông Giêsu là quê mùa, không ăn học, không khoa ngôn ngữ và bị hành hà, song chẳng bao lâu mà lập đạo thánh người ra được, thì ấy chỉ rõ ràng việc giảng đạo Thiên Chúa là có tay Đức Chúa Trời dìu dắc. »

Ông Voltaire, là người mạn đạo, chê ghét phỉ báng Đức Chúa Giêsu, mà còn chịu rằng « ông Giêsu không phải là người tầm thường đâu, Người là hiền lành nhơn từ, công bình chánh trực, đức hạnh. Người là Đức Chúa Trời đã xuống thế dạy sự hiền lành nhịn nhục, và bị kẻ dữ giết. Người là Đức Chúa Trời xuống thế đặng dạy gương khiêm nhượng nghèo nàn. Đạo Kirixitô là đạo thật, là đạo thánh, là đạo Đức Chúa Trời, là đạo tốt hơn hết, là đạo cần kíp hơn hết, có một mình đạo nầy có chứng cớ thật rõ ràng và là của Đức Chúa Trời tỏ ra. »

Ông J. J. Rousseau cũng là một tay vô đạo kỳ khôi lắm, mà còn viết như vầy : « Ông Giêsu giảng đạo người là sự thật một cách tự nhiên và dễ lắm, vì chính mình Người là cội rễ sự Thật.. Sử ký đạo Kirixitô lúc ban đầu thì làm chứng nhiều sự lạ lùng cả thể, là bổn đạo đua nhau mà chịu tử đạo, lại các thứ dân đều rập ràng nài nỉ cho được chịu phép rửa tội mà giữ đạo Kirixitô.»

Hàn lâm-sĩ Pierre Loti viết rằng : « Ôi ! dầu người đời nói nói làm làm cho tới bực nào đi nữa, thì Kirixitô cũng thật là đấng mầu nhiệm lạ lùng và có một trên đời ! Hễ thấy thánh giá Người, nghe hô tên Người, thì mọi sự đều dời đổi ra khiêm nhã : những sự oán thù biến tan và thấy từ bỏ những sự dơ dáy mà ra thanh sạch. Trước ảnh chuộc tội nhỏ hèn, những lòng kiêu căng cứng cỏi hóa nên khiêm nhượng đạo đức. Người là Thầy sự an ủi khi ngã lòng và là Vua sự khoan dong tha thứ vô cùng. »

Ông V. Hugo, dầu bởi kiêu ngạo quá đỗi, nên bỏ đạo Thiên Chúa, mà còn ngợi khen chúc tụng Đức Chúa Giêsu rằng : « Mấy kẻ thông thái như là Pythagore, Epicure, Socrate, Platon, thì là sáng như cây đèn, song ông Giêsu thì là mặt trời sáng ban ngày. »

Hoàng đế nước Langsa, là Napoléon 1er, là người không chịu phục ai trong đời, lại làm nghịch với Đức Giáo Tông, đến đỗi bỏ tù Đức Giáo Tông, vì người không chịu cho hoàng đế cãi luật Hội Thánh mà cưới vợ bé, mà khi gần chết cũng trở lại và viết câu nầy đầu tờ chúc ngôn : « Tôi chết trong đạo Thiên Chúa. »

Còn biết bao nhiêu đấng danh vọng nữa, tuy không sốt sắng hay là không giữ đạo Thiên Chúa, mà cũng cho đạo ấy là đạo thật, là đạo của đấng Tạo Hóa, như ông Leconte de Lisle, ông Jouffroy, ông Victor Cousin, ông Maxime du Camp, ông Alfred de Musset,

ông La Harpe, ông Lacretelle, ông Nodier, ông Gaston Droz, ông Alexandre Dumas, ông Béranger, ông Augustin Thierry, ông Mézeray, vân vân...

Trong số mấy ông đó, có nhiều ông gần chết, thì tỉnh trí và hồi tâm tủy lại, mà trở vào đạo Thiên Chúa một cách sốt sắng và khiêm nhượng hết sức. Trong nước nào và đời nào cũng có muôn hộ đấng danh vọng trí huệ, ban đầu lạt lẽo hay là nghịch, mà đến sau, suy xét lại tường tận trong lúc tỉnh mỉnh thanh vắng, xa cuộc bay nhảy với đời, thì khâm phục nhìn Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời mà theo đạo Người.

Còn những người đã có đạo Thiên Chúa rồi mà bỏ đạo, mà thù oán đạo, xét lại cho kỷ, thì rõ lại những người đó bởi cứng cỏi, kiêu ngạo quá đỗi, và muốn giữ đạo theo ý riêng mình, cầm mình hơn kẻ khác, không chịu phục Đức Giáo Tông, vì không chế chẩm

cho họ trong phép luật Hội Thánh, không để cho họ đặng thong thả, nhứt là về sự vợ chồng nhứt phu nhứt phụ, nên họ nghịch mạn với Hội Thánh đến đỗi có khi tách ra mà lập phe đảng, lập đạo khác, như vua Hồng Mao Henri VIII, hay là Luther và Calvin, vân vân.

Mấy tên các đấng mới kể trên đây là một mớ mà thôi, không lẽ nào kể ra cho hết đặng. Ai có coi sách vở, nhựt trình, thì rõ biết số kẻ sang cả, thông thái trí huệ, phục tùng đạo Thiên Chúa là nhiều dường nào. Mấy kẻ đó không phải là dại dột gì đâu, song là người hẳn hòi, biết suy xét, chớ không phải đụng đâu tin đó.

Vậy chẳng kể các lẽ chính đính và chắc chắn ta đã thấy rồi, nếu ta kể chí ý của các kẻ ta tùng phục khen ngợi, mà bắt chước giữ đạo Thiên Chúa như kẻ ấy, thì ta cũng chắc được rằng ta không lầm lạc đâu.

ĐOẠN THỨ MƯỜI LĂM

Chịu tử vì đạo.

Từ đầu sách nầy cho tới đây, thì ta đà thấy nhiều lẽ làm chứng chắc chắn rằng : Đạo Kirixitô, là đạo chánh, là đạo của Đấng Tạo Hóa xuống thế mà chỉ dạy cho ta biết, hầu do theo đạo ấy mà thờ phượng Người.

Nay ta nhắc lại một lẽ khác nữa chán chường trong các sử ký, ai ai cũng dò được, là Truyện các kẻ chịu tử vì đạo.

Một tiên sanh kia tên là Pascal, nói lời nầy : « Tôi tin vững vàng đạo nào mà có người đành lòng chịu chết vì đạo ấy. »

Vậy số kẻ chịu chết vì đạo Kirixitô, có bằng chứng chắc chắn, ít nữa là hơn một triệu người, không kể đặng những kẻ cũng chết vì đạo mà không ai biết, hay là không có chứng cớ hẳn hòi.

Trong vòng ba trăm năm đầu, khi mới giảng đạo Kirixitô, thì các hoàng đế Rôma bắt đạo hơn mười lần, mỗi lần thì giết kẻ giữ đạo vô ngằn vô số. Ông Tacite và nhiều vị khác viết sử ký nước Rôma có vi bằng sự ấy.

Hiện thời ngày nay đây, cũng còn bắt đạo, như bên nước Tàu, nước Nga La Tư, cùng là nước Mexica, nước Iphanho, nước Đức, vân vân...

Còn nhắc tới sử ký Annam ta, thì cũng có bắt đạo nhiều lắm.

Trọn một trăm năm trong đời trước, thì hơn một trăm rưỡi Thầy linh mục tây, hơn năm trăm Thầy linh mục annam, và muôn ngàn bổn đạo cũng chịu tử vì đạo.

Bắt đạo lung hơn hết là trong đời Minh Mạng, từ năm 1833 tới 1839. Đời Tự Đức, thì giết hơn hai chục Thầy linh mục tây, một trăm hai chục linh mục annam, bốn muôn bổn đạo, và đốt tám chục nhà nữ tu.

Năm 1885, hơn năm muôn bổn đạo cũng bị giết nữa.

Trong số chịu tử vì đạo có nhiều Đấng đến sau thì nhờ ơn Chúa nên làm nhiều phép lạ có bằng cớ. Hội Thánh, vì muốn tặng chung các vì Tử đạo, nên trong năm 1900, tại thành Rôma, có phong chức « *Á Thánh* » cho gần sáu mươi vì Tử đạo chịu chết từ năm 1815 tới 1856, trong nước Nam ta.

Gần xứ mình đây, là bên Tàu, bên Nhựt Bổn, bên Chà Và, cũng là phương Đông như mình, là xứ thờ thần phật nhiều, mà kẻ giữ đạo Thiên Chúa cũng vô ngằn vô số, cũng bị bắt đạo luôn luôn, nên các vì Tử đạo cũng kể không xiết. Mà mấy nơi đó, bắt đạo chừng nào, thì lại có người vào đạo đông hơn chừng nấy.

Xứ nào, đời nào cũng có bắt đạo luôn luôn, không nhiều thì ít.

Tại cớ sao vậy ? Cớ ấy cũng là một cớ làm cho ta tin Đức Chúa Giêsu là

Đức Chúa Trời thật, vì những lời Người đã phán tiên tri trước, đến sau thì đều có y như vậy.

Trước Đức Chúa Giêsu có phán lời nầy : « Vì Tao mà nhơn dân sẽ cãi cọ nhau hoài. » Đó nghĩa là có một mình đạo Thiên Chúa sẽ bị bắt bớ luôn, và sẽ có người ta cãi cọ vì đạo ấy luôn.

Xét lại thì quả như vậy ! Có đạo nào mà bị người ta hành hà cho bằng đạo Thiên Chúa đâu. Có đạo nào, mà người ta cứ cãi hoài, bằng đạo Thiên Chúa đâu.

Mà người ta làm gì thì làm, đạo Thiên Chúa cũng cứ vững bền luôn, và càng ngày càng thêm đông luôn, từ mười chín trăm năm nay. Cũng như một núi đá lớn ở giữa biển, dầu dông tố sóng gió dường nào, thì núi đá ấy cũng đứng ngay một chỗ, lại mọc cây lá thêm sum sê nữa.

Đạo Thiên Chúa cũng sánh như một biển lớn. Dông tố bão bùng làm cho biển phải xao động, phải dậy nước,

nổi sóng lên; song hễ luồng gió qua rồi, thì biển cũng trở lại như cũ, cũng êm thấm như thường. Lại biển ấy cũng chứa nước mặn lâu lâu phải dậy lên thể ấy, nên nước biển cũng còn trong tốt luôn, và không khi nào ra hôi thúi, chớ nếu biển chứa nước ngọt và bình tịnh luôn, không gió máy động tới, thì lâu ngày phải hư thúi, như nước ngọt trong ao trong vũng.

Biển ấy là hình đạo Thiên Chúa. Một ví dụ khác nữa. Lấy một tấm kiến soi mặt mà đập bể nát ra từ miếng nhỏ. Nếu ai ngó trong mỗi một miếng nhỏ ấy thì cũng đều thấy đủ trọn cái mặt, cũng như ngó trong tấm kiến lớn, hồi còn nguyên vậy. Đó cũng là hình đạo Thiên Chúa nữa. Dầu kẻ nghịch đạo muốn phá hại, bắt đạo Thiên Chúa phải trốn lánh ẩn mình tản lạc đi đâu, thì dầu ở nơi nào, có bổn đạo, nhiều hay ít, cũng cứ giữ một nề nếp giống nhau luôn lnôn, không sái một

nét nhỏ mọn chi, cũng vững bền, chẳng hề sai chậy chút nào.

Ấy là một dấu tỏ tường Đức Chúa Trời khiến để cho đạo Người chịu nhiều đàng hiểm trở éo le, nhiều nỗi gian nan khốn khổ, hầu cho đặng còn quí trọng luôn, và làm chứng rằng, dầu đạo Chúa phải bị bắt bớ cách nào, cũng hằng có Chúa phép tắc che chở, nên không ai phá hư nổi.

Sau nữa, Chúa để cho đạo Chúa bị bắt bớ, đặng cho ai thấy vậy mà cũng còn bền lòng mà theo luôn, mới có công nghiệp. Chớ nếu Chúa cho đạo Chúa vinh vang an nhàn luôn, thì giữ đạo Chúa có công trọng cho bằng đâu?

Sau hết, Chúa cũng có ý để cho mọi người thong thả chọn lựa, ai muốn theo Chúa thì theo; bằng không thì thôi, đến ngày sau Chúa sẽ hay. Như vậy ai có lòng với Chúa mới được thưởng; ai muốn chê bỏ Chúa, sẽ bị phạt. Vì lẽ ấy nên Chúa có dạy rằng,

Chúa sẵn lòng ban đủ mọi ơn phần rỗi linh hồn cho ai gắng công cầu khẩn xin Người, song Người không đem ai vào nơi cõi thọ đời sau, nếu kẻ ấy không chịu lo phần rỗi mình, vì Chúa để cho mọi người thong thả, không ép ai. Ấy là bởi Đức Chúa Trời là công bình vô cùng, muốn thưởng kẻ trung tín và phạt kẻ vô ơn bạc ngãi.

Đức Chúa Giêsu xưa đã phán nhiều lời tiên tri nữa, và mọi đều đã xảy ra ứng nghiệm hết, đặng làm chứng đạo Người là *đạo thật* :

« Tao về trời rồi, thì chẳng bao lâu, thành Giêrusalem sẽ tan nát, không còn một viên đá nằm trên viên đá khác. » Thật, hơn ba mươi năm sau, là năm 70, thì thành Giêrusalem phải bị quân nghịch đến phá hại và đuổi dân Giudêu tản lạc đến đời nay cũng chưa hiệp nhau lại được.

Đức Chúa Giêsu có phán tiên tri về sự giảng đạo Người mà rằng: « Đạo

Tao sẽ giảng cùng thế gian, cho các dân các nước... Dân sự ở Đông Tây Nam Bắc sẽ đến mà nghỉ ngơi trong nước Đức Chúa Trời... Kẻ theo Tao, sẽ phải dẫn trước quan tòa và các vua mà làm chứng *sự thật*, sẽ phải bị hành hà khảo lược, bị các dân các nước ghen ghét hềm thù, bị chết vì Tao... Sẽ có người giết kẻ giữ đạo Tao mà tưởng là làm cho Đức Chúa Trời bằng lòng.. Song Tao sẽ cho môn đệ Tao được ơn giảng dạy, và nhiều đức hạnh làm cho kẻ nghịch phải chịu thua... Bay hãy đi giảng đạo Tao khắp cả và thế gian. Tao sẽ ở cùng bay cho đến tận thế... Ớ môn đệ Phêrô, mầy là hoàn đá, Tao sẽ lập Hội Thánh Tao trên hoàn đá nầy, hỏa ngục cũng chẳng làm hại nó được.»

Những đều ấy về sự giảng đạo Thiên Chúa, thì đâu đó cũng đều thấy ứng nghiệm tợ mặt đời nầy qua đời kia.

Đức Chúa Giêsu cũng phán lời nầy nữa : « Tao không phải xuống thế cho đặng xử phạt ai, song là cho đặng làm lành, cứu chữa loài người. »

Xét lại thì quả là đạo Thiên Chúa làm lành cho thiên hạ luôn. Ta đã thấy đều nầy rồi, là nhờ đạo Thiên Chúa mà con người biết thương con người ; kẻ quyền phép không còn hà hiếp kẻ yếu đuối ; kẻ lớn binh vực kẻ nhỏ, kẻ giàu nuôi kẻ nghèo, kẻ mạnh giỏi điều dưỡng kẻ đau ốm.

Ví dụ một sự mà thôi, có đạo nào mà thấy có nhiều người tu trì, không cưới vợ lấy chồng, hầu rảnh rang mà thí của thí công, đặng lặn lội xứ nầy qua xứ kia, mà đi nuôi dưỡng kẻ già, con nít mồ côi, bịnh hoạn phung cùi lỡ lói dịch khí, vân vân, không lo kiếm lợi riêng cho mình, mà lại còn đành lòng chịu lây bịnh truyền nhiễm hay là chịu bắt bớ gia hình nữa ?

Mà *chịu tử vì đạo* là làm sao ?

Là đành lòng chịu bắt bớ, chịu khảo lược, đánh đòn, chịu banh da xẽ thịt, chịu tù rạc, chịu gươm dao đâm chém, chịu lửa đốt, chịu phỏng nước sôi, chịu cho hùm dữ xé thây, nói tắt một lời, chịu đổ máu ra và chịu chết nhiều cách khốn nạn đau thương lắm mà làm chứng rằng đạo Đức Chúa Trời là chơn thật vô cùng, là đạo Đấng Tạo Hóa loài người phải tin chắc chắn, mình bền lòng nắm giữ cho đặng sống đời đời, chớ đời nầy là đời tạm mà thôi.

Theo Sử Hội Thánh Đức Chúa Trời, thì chắc chắn từ thuở nay, đếm ít nữa là hơn *một triệu* người chịu tử vì đạo, mà có chứng cớ rõ ràng. Còn biết bao nhiêu kẻ khác chịu tử vì đạo nữa, mà không ai kể tích lại! Coi có đạo nào mà có nhiều kẻ liều mình chết vì đạo ấy như vậy không?

Hình khổ các đấng chịu tử vì đạo Thiên Chúa kể ra không xiết, không lưỡi nào nói cho cùng. Đó là nhờ có

ơn riêng thiêng liêng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời cho, nên các đấng Tử đạo ấy mới có sức bền chí chịu hình khổ cho đến chết.

Mà chịu tử đạo vậy, chẳng phải là điên đạo, thành ra người khùng kia, nên không biết sợ chi, ra như người mất trí khôn mà nhào đại vô sự nguy hiểm. Không đâu!

Những đấng ấy cũng không phải hềm thù hay là hăm hở, như phe đảng kia, mà kiếm nơi đông đảo đặng phô trương ra và dâng mình chịu chết đặng lợi lộc gì dưới thế nầy, hay đặng lấy danh anh hùng hào kiệt như bọn nào kia! Không đâu!

Các đấng Tử đạo, hết thảy đều là kẻ khiêm nhượng hiền từ đức hạnh, chỉ lo việc kính Chúa yêu người, ăn chay hãm mình, có ước ao một đều mà thôi, là cho sống được ngày nào thì làm tôi Chúa ngày nấy cho trọn! Cũng không nạp mình cho kẻ bắt đạo đặng chịu tử

đạo, hầu được tiêu rỗi và được phần thưởng đời sau, vì hiểu rằng không nên cãi ý Chúa mà ngưng sự sống mình. Nghe bắt đạo đâu thì chạy trốn, song cứ lo làm việc Chúa luôn. Rủi ngày nào bị bắt, thì mới dâng mình chịu chết vì Chúa mà thôi. Đó là có ý hễ Chúa cho sống tới đâu, thì phải lo thờ phượng Chúa tới đó và lo làm việc cho sáng danh Chúa, chớ không được lo riêng phận mình, là kiếm dịp mà tử đạo đặng tiêu rỗi riêng một mình, còn ai ở lại thế gian thì mặc ai. Tính như thế thì sái luật Chúa. Ví dụ có thầy chùa, huề thượng, tự ý mình mà thiêu đốt mình cho chết, thì nào có phải lẽ đâu! vì làm sự như vậy, là tránh sự cực khổ lâu dài đời nầy và tránh bổn phận mà lo sự lợi riêng mà thôi. không khác gì người tự tử kia.

Các đấng tử đạo, khi bị bắt rồi thì cũng bình tịnh như thường, không khoe khoang kiêu ngạo, gọi mình là

nhơn đức gan dạ chịu bắt đạo. Cũng không giận hờn kẻ bắt mình, một hiền lành nhịn nhục, dầu phải chịu đau đớn dường nào, cũng dùng dịp mà khuyên lơn an ủi kẻ bắt đạo trở lại đạo Chúa, giục bảo bà con anh em phải vững bền.

Các đấng ấy lại xưng mình là tội lỗi yếu đuối, nên xin ai nấy cầu nguyện cho mình có ơn Chúa đủ mà chịu đau đớn cho đến cùng. Đó là khiêm nhượng hiền từ, chớ nào có ra vĩ anh hùng chi đâu, có muốn cho nổi danh nổi tiếng chi đâu ?

Các đấng ấy cũng không ai bó buộc phải ra thân mà chịu tử đạo, như phe đảng kia phái một người ra liều mình sát nhơn, giết vua chúa quan quyền, đặng dấy loạn trong nước. Không đâu ! Các đấng Tử đạo thong thả mọi bề. Tự mình nhứt định mà thôi ! Không ai bó buộc phải chịu tử đạo.

Kẻ bị bắt tự ý nói một tiếng mà chối đạo, mà xưng rằng mình không theo

đạo Thiên Chúa nữa, thì được tha, và có khi được thưởng nữa. Mà các đấng Tử đạo cứ bền lòng, dầu phải khảo lược hành hà bao nhiêu, dầu phải chịu xử tử cách ghê gớm dường nào, cũng cứ xưng mình là người giữ đạo Thiên Chúa !

Lạ thay một đều nữa ! Là trong số tử đạo, thì có đủ thứ người nhỏ lớn, đờn ông đờn bà, cha mẹ con cái, vợ chồng, anh em, giàu nghèo, thông thái, dốt nát, sang hèn, vua chúa, dân sự, mạnh giỏi, bịnh hoạn, tôi tớ, thầy chủ, thảy đều có tử đạo hết, ai nấy đều ra như con cái một nhà, một đạo.

Đó là phải có ơn riêng của Đức Chúa Trời cho, nên ai nấy, dầu yếu đuối, dầu bịnh hoạn, dầu lớn nhỏ, cũng có sức mà chịu hình khổ dữ tợn kể ra không xiết, như là chịu lửa đốt lần lần cháy hết thịt cho tới bày xương ra, chịu kềm xẻ từ miếng thịt ra ! Đau đớn biết là dường nào, mà cũng bằng

lòng chịu cho tới chết, không rên siếc, mà lại còn có sức giục bảo kẻ khác vào đạo, còn có sức mà ca hát ngợi khen Chúa!

Đó thật là quá trí loài người hiểu được. Có một mình Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng mới cho con người, là xác thịt mỏng giòn, có đủ sức lực, đủ chí ý bền vững trong sự *làm chứng* rằng có một đạo Đức Chúa Trời là đạo chánh, là đạo Đấng Tạo Hóa cả và thế gian phải theo mà thôi.

Xét lại mới rõ ý Đức Chúa Trời là mầu nhiệm cao sâu, trí mọn ta hiểu không thấu!

Đức Chúa Trời là Vua cả và nhơn dân thiên hạ, là phép tắc vô cùng, muốn gì cũng được hết, cho sấm sét bão bùng đâu cũng như không không. Đáng lý thì Đức Chúa Trời dùng phép, dùng quyền Chúa mà buộc mọi người phải giữ đạo Chúa; ai không giữ thì phải chịu chết cách khốn nạn nào đó! Mà không đâu!

Đức Chúa Trời nhẫn nhịn luôn, từ tạo thiên lập địa cho đến bây giờ, để cho loài người thong thả, ai muốn giữ đạo Chúa thì giữ, ai muốn kính Chúa hay là ghét Chúa mặc ý, muốn làm lành làm dữ mặc ý! Chúa để cho mọi người thong thả chọn lựa đàng lành, đàng dữ, đàng chánh, đàng tà. Chúa cứ khiến cho người đi giảng dạy đạo Chúa. Chúa cứ ban ơn phần rỗi đời sau cho ai biết xin ơn ấy và rán mà giữ đạo Chúa.

Như vậy thì ngày sau sự công bình thưởng phạt của Chúa mới tỏ rõ chói lòa rực rỡ.

Ta hãy xét đó mà run sợ, sợ nếu ta cứ cứng cỏi không chịu tùng phục Chúa, không chịu trở lại cùng Chúa thì chắc ngày sau ta sẽ khốn nạn đời đời kiếp kiếp.

ĐOẠN THỨ MƯỜI SÁU

Các lẽ chữa mình cho khỏi theo đạo Thiên Chúa.

A—Có kẻ nghe cắt nghĩa đạo Thiên Chúa rồi, thì lại nói như vầy : « Đạo nào cũng như đạo nấy, đạo nào cũng dạy làm lành lánh dữ, lánh tội lập công. »

Không phải vậy đâu ! Vì nếu lập công như vậy, mà ngày sau chẳng những không được thưởng, lại còn bị phạt nữa, thì chẳng phải là uổng công tình ăn chay hãm mình sao ?

Ví dụ : 1 — Ta giữ đạo cũng như là người đi làm công hay là người lính đi đánh giặc. Ta đi làm công, đi đào, đi cuốc trong một cái vườn kia ; ta hao công khó nhọc cho vườn đó trổ bông sanh trái, đến ngày lãnh tiền thưởng, thì ta chưng hửng, vì rõ lại là ta đã lầm mà làm vườn cho kẻ khác, chớ không phải làm vườn, cho chủ đã

mượn ta. Té ra ta đã mất công, mà lãnh phần thưởng chẳng đặng.

2· — Cũng như người lính kia, khi có giặc nhiều xứ đang đánh nhau, thì người lính đó vừa thấy binh ra trận, liền chạy theo mà đi đánh giặc, chịu đạn, bị thương tích. Khi giặc rồi, thì xin vua mình thưởng. Hỏi lại thì người lính đó đã lầm mà theo binh nước khác, chớ không phải binh của mẫu quấc nó.... Té ra nó cũng có công nghiệp ra trận, cũng chịu đủ mọi sự cực khổ, mà lọt lại không có phò tá vua nó chút nào, nên không được thưởng. Chẳng những không được thưởng, mà lại còn sợ có khi bị phạt nữa chăng, vì bị tội bỏ nước nó, mà đi đánh giặc cho nước khác, và lại có khi đánh nghịch cùng nước nó nữa, vì hễ ai không phò tá nước mình thì là như nghịch với nước mình.

Đó là hình những kẻ tu nhơn tích đức, ăn chay nằm đất, mà giữ đạo nầy

đạo kia, cũng gọi là đạo, vì là dạy làm lành lánh dữ. Song rủi thay một đều, là các đạo nầy không phải là đạo chánh, vì trong cả và thế gian có *một* đạo mà thôi, là đạo của *Đấng Tạo Hóa* trời đất muôn vật lập ra, nên loài người phải theo đạo ấy mà thôi, gọi là Đạo Thiên Chúa.

3· — Một ví dụ khác : Như ai muốn đi ghe nơi nào, thì không lẽ nhắm mắt mà chèo chống, dầu ngược gió, ngược nước cũng chịu, mà không tính trước phải đi hướng nào, sông nào. Cứ gầm đầu xuống mà chèo tới hoài, và chắc mình không lầm, vì nói rằng mình cũng đi ghe như người ta, mình cũng đi sông suối như người ta. Không ngờ mình đi như vậy là sái đường, nên cứ đi mãi, mà không tới nơi tới chốn, té ra luống công vô ích.

4. — Cũng như bộ hành muốn đi đâu, thì cũng chẳng phải đụng xe nào, tàu nào mà đi đại. Cũng hỏi đi hỏi lại trước cho kỹ, coi xe nào, tàu nào đi đâu.

5. — Cũng như người bịnh, trước khi uống thuốc, thì cũng lựa thầy thuốc mà uống cho nhằm thuốc ; chớ nếu đụng ai nghe nấy, mà uống bậy thuốc, thì phải chết khốn nạn. — Mà mình thấy ai phạm thuốc, lầm thuốc mà chết, thì có lẽ nào mình còn dám dùng thuốc đó nữa, kẻo cũng phải chết theo.

6. — Thường nghe có bạc đồng giả ; nên muốn khỏi lầm với bạc đồng thiệt thì ta làm sao ? Ta giằn nó, nghe tiếng coi có như tiếng đồng bạc thiệt chăng. Ta coi hình và chữ in giống trong đồng bạc thiệt chăng. Ta đi hỏi kho bạc, coi bạc giả hay thiệt. Chớ dầu cho bao nhiêu người nói rằng là đồng bạc thiệt, dầu cho bạc đồng ấy nhiều cho bao nhiêu, dầu cho nó cũng tiếng thanh thao, cũng sáng sủa nặng cân bằng bạc đồng thiệt, thì hễ nó giả thì còn giả hoài, chớ không phải mấy lẽ đó đủ mà làm cho nó ra bạc đồng thiệt.

Đạo chánh cũng vậy ! Dầu cho có bao nhiêu *đạo trái*, coi theo bề ngoài thì giống *đạo chánh*, dầu cho ai theo *đạo trái* đó đông đảo là dường nào đi nữa, thì đạo trái đó cũng còn là đạo trái hoài, và *đạo chánh* cũng là đạo chánh luôn, không đổi dời chút gì, *sự thật* không khi nào đổi dời chút nào, còn sự mị mộng giả trá, lầm lạc, thì sao sao lần hồi cũng đổi dời và ngược ngạo đổi cãi lại luôn.

Đạo Thiên Chúa, gọi là đạo Kirixitô thì chẳng hề thay đổi, cứ còn nguyên hiện y nguy luôn, từ ban sơ cho đến tận thế không thêm, không bớt, không sửa đổi chút gì ; lại cũng cứ vâng phục một Bề trên thay mặt cho Đức Chúa Giêsu Kirixitô đã lập đạo ra. Đấng bề trên đó là Đức Giáo Tông, cũng gọi là Đức Thánh Phapha : đấng nầy khoản, có đấng khác lên ngôi kế vị nối quyền hơn 1900 năm nay.

Chớ còn các đạo khác thì làm sao ? Là đạo của người phàm thế đặt ra, nên hay đổi dời, không ai làm bề trên cho được chắc chắn, lại còn thêm nỗi dành quyền, lập thêm phe đảng, nên ai muốn giữ đạo sao thì giữ tự ý riêng mình.

7. — Khi ta được một bức thơ của ai, nếu ta muốn biết có phải thật là thơ của người ấy không, thì ta coi tuồng chữ, coi chữ ký tên, coi con dấu nhà thơ ở đâu gởi lại, coi việc nói trong thơ có ăn thua chi với mình không. Nói tắt một lời, cũng xét nét từ chút coi phải thơ thiệt hay là thơ mạo tên. Ấy giữ đạo cũng một thể ! Giữ đạo cho trúng gốc trúng rễ, hầu đi tới nơi tới chốn, nghĩa là tới cõi thọ đời sau, thì cũng phải xét đi xét lại cho kỷ, coi đạo nào là chơn thật.

Bởi vậy nên ai ai cũng phải tìm kiếm cho gặp được đạo chánh mà theo. Phải hỏi thăm hỏi lom, phải đi *học đạo*, chớ không phải cứ *cãi đạo*, đặng ra vỉ mình thông thái mà thôi.

Mình kiếm đàng ngay lẽ chánh, kiếm thuốc linh nghiệm, đi tìm của báu cho ngày sau, hầu lo sự can hệ hơn hết trong đời mình ; chớ không phải tranh đua việc chi lợi lộc ở đời nầy mà chính mích nhau trong cuộc chuyện vãn về việc đạo. Phải lấy lòng chơn thật, ngay thẳng, dịu dàng, mà bàn luận với nhau về đạo lý, hầu dìu dắc nhau vào *đàng thật.*

Ví dụ, mình tìm tỏi hỏi han phương thế làm ăn cho tấn phát, hỏi thăm thầy thuốc cùng là thuốc hay cho đặng lành bịnh, thì mình có rầy rà với ai chăng, hay là chuyện vãn êm thấm.

Vậy khi mình rõ lại mình đã lầm, thì phải qua đàng chơn thật cho kíp, kẻo trễ thì giờ, kẻo mất dịp ; cũng như mình đi đường mà thấy mình lạc đường, thì phải mau mau lo kiếm đàng trúng mà đi cho kíp.

B. — Có người lại rằng : ông bà cha mẹ chưa giữ đạo Thiên Chúa, nên

không lẽ mình là con là cháu mà dám vào đạo ấy trước, vì như vậy thì ra như không theo ông bà còn sống nhãn tiền, ra như từ cách ăn thói ở của ông bà, ra như không muốn chung cùng chi với ông bà vậy.

Thế thì khi gái lìa cha mẹ mà về bên chồng, hoặc khi ai đi ăn học, đi làm ăn, đi làm việc nước, mà phải lìa cha mẹ, thì có phải là dứt dây thương yêu với cha mẹ sao ? Chẳng những vậy, mà lại mình tìm được đàng ngay nẽo chánh, thì nên theo tức tốc, hầu đặng lần lần mà giải nghĩa ra cho ông bà nghe theo với mình, hầu cho cả và gia thất được phước thật cho đủ mặt hết. Đó mới là một đều hiếu thảo rất trúng, mới là ngay chánh.

Cũng như mình tìm được một mỏ vàng, thì mình mau mau lo đào vàng lên, và cho cha mẹ hay mà hưởng luôn với, chớ nếu mình huỡn đãi, rủi

mình chết, thì mình và cha mẹ mình đều hụt của hết, chẳng phải là uổng lắm sao?

Vậy mình cũng chẳng nên trì huỡn, vì biết sự sống chết là làm sao? Rủi mình chết thình lình, trở lại *đạo Thiên Chúa* không kịp, thì phải mất phần rỗi ngày sau cho mình và cho ông bà nữa.

C. — Có người nói rằng: vô đạo Thiên Chúa thì không cúng quải cho ông bà được.

Cúng quải là làm sao? Là dâng cho ông bà đồ ăn như hồi còn sống! Song ông bà chết rồi, làm sao mà hưởng món ăn được? Mình gọi là dâng bánh, thịt, cơm, nước, cho ông bà, chớ quả thiệt là mình dâng cho mình.

Còn đèn nhang thì dầu cho thắp mỗi ngày đi nữa, thì cũng thắp đó, rồi để đó cho nó cháy lụn hết rồi thôi, chớ có cầu khẩn kêu xin chi đâu? Mà là kêu xin với ai?

Chớ còn người giữ đạo Thiên Chúa, thì có bỏ sự cầu khẩn kêu xin cho ông bà đã qua đời đâu ? Mà lại kêu xin trúng chỗ, là xin cùng Đấng *Tạo Hóa*. Bổn đạo muốn xin Thầy linh mục làm lễ bao nhiêu cũng được, và thắp đèn cầu nguyện cho ông bà chừng nào cũng được, hằng ngày, từ giờ từ phút, theo kẻ sốt sắng cùng không. Ấy người giữ đạo Thiên Chúa có thất hiếu với ông bà chi đâu ? những dâng cho *Đấng Tạo Hóa* nào lễ, nào kinh, nào công ăn chay hãm mình, nào việc làm phước, mà xin cho ông bà được rỗi cho mau.

D. — Có người nói giữ đạo nào cũng được, miễn là ăn ở tử tế, đừng gian ngược thì thôi ; cứ làm lành lánh dữ thì đủ rồi, thì cũng là đúng *phận làm người !* — Không đủ đâu ! Ai dầu cho tử tế cách nào, mà không giữ *đạo chánh*, thì chưa đủ, chưa đúng *phận làm người*, vì công nghiệp, sự tử tế đó phải mất uổng cho đời sau. Đó là cũng như ví

dụ ta đã thấy rồi, là người kia đi cày cấy trong ruộng không phải là của chủ mướn mình. Đến cuối năm, dầu cho có công lao lực bao nhiêu, thì chẳng những không được thưởng, không được góp lúa, mà lại bị chủ phạt nữa, vì bỏ hoang ruộng của chủ.

E. — Người khác thì chê rằng : có kẻ giữ đạo Thiên Chúa mà cũng gian ngược. ăn trộm ăn cướp, chơi bời tội lỗi, hoang đàng, nên đạo Thiên Chúa cũng không ra gì.

Ta xin trả lời và hỏi thử rằng : như cây xoài là cây tốt, sinh trái ngon ; song có một ít trái thúi ; thì có phải vì mấy trái hư ấy mà ta chê cây xoài là cây xấu không ra gì chăng ? Đừng lộn đạo với người : đạo tốt luôn ; trong bổn đạo có người không tốt : lấy cớ mấy người ấy mà chê đạo Thiên Chúa, thì sái lẽ. Đạo dạy đàng ngay nẻo chánh : bổn đạo có người không tuân ; thì trong đạo bắt tội nó, cũng như đứa con thất

hiếu, cũng như tên dân loạn thần. Người ta thì cũng còn là người ta hoài, nghĩa là cũng còn tính xác thịt chìu về đàng trái. Đấng Tạo Hóa ban cho ai nấy đặng quyền thong thả *tự do*, nói theo đời văn minh nầy. Vậy ai dùng sái sự tự do ấy, ai đi quá mực tự do ấy mà làm quấy thì chịu lấy ; chớ đạo vô can, chẳng những vô can, lại còn chê trách đoán phạt nữa. Cũng như luật nước : trong con dân được thong thả tự quyền, tự do, muốn giữ hay không mặc thửa ; nhưng đứa nào cả lòng phạm luật, thì phải chịu hình phạt trừng trị, chớ nước nhà công chúng không liên can vô đó chút nào...

Đức Chúa Giêsu khi lập đạo, thì biết trước trong kẻ giữ đạo Chúa sẽ có kẻ tốt kẻ xấu, ấy là để thử lòng người tử tế, dầu thấy kẻ khác hư từ, mà cũng cứ một bề trung tín cùng Chúa luôn. Đức Chúa Giêsu có mười hai tông đồ, mà trong số ấy đã có tên Giudà nộp Người

cho quân dữ đem đi giết trên cây thập giá. — Bởi vậy Đức Chúa Giêsu đã nói rằng, xuống thế cho đặng cứu kẻ có tội, nên Người mới lập phép Giải tội mà cứu loài người ta. — Vì chưng trong đạo Thiên Chúa, thì có kẻ dạn dĩ, đành lòng chết mà chịu tử vì đạo; còn có kẻ lại chối đạo một cách nhát gan xấu hổ. Đạo Thiên Chúa giúp người ta nên trọn lành, nên thánh, mà ai dùng ơn trọng ấy không nên, có ra xấu xa khốn nạn, là tại nơi mỗi người. Cũng như thuốc hay cho bịnh, mà nếu bịnh uống thuốc không kiêng cử, hay là uống thuốc bơ thờ, bữa có bữa không, nếu bịnh trở hay là lậm thêm, thì là tại mình, chớ không phải tại thuốc tại thầy.

Ta hãy lấy ví dụ mà xét :

1° — Ta hãy ngó một cái sông lớn kia, nước ngọt và trong sạch lắm. Dầu mấy trăm mấy ngàn mấy muôn người đổ xuống sông lớn ấy bao nhiêu muối và đồ dơ dáy chi, thì cũng không thắm

vô đâu, nước sông ấy cũng còn ngọt và trong sạch luôn.

2° — Một cây tốt thì cũng có trổ trái tốt và trái xấu, trái lành lẽ, trái nứt nở, đèo đẹt, song cây đó cũng là còn cây tốt luôn.

3° — Yếng sáng mặt trời là tốt đẹp, không sự sáng nào bằng, đến đỗi ban ngày có mặt trời, thì đèn nào cho mạnh và tỏ rõ dường nào cũng ra như không có.

Vậy nếu ai lấy tấm kiến trắng mà che mặt trời, thì thấy chói ra trắng, nếu che tấm kiến đen, thì thấy chói ra đen, song yếng sáng mặt trời cũng còn tốt lành như thường.

4. — Mặt trời soi sáng trái đất, thì của quí hay không cũng đều soi tới hết, nên hột ngọc thủy xoàng thì ra chói lòa rực rỡ, còn cục đất bùn thì cũng còn đen điêu dơ dáy, song mặt trời cũng không có đổi chút nào.

5° — Hột thủy xoàng hay là món chi quí, dầu đựng trong một cái hộp xấu hay tốt, thì cũng còn là của vô giá ; dầu liệng dưới bùn hay là chỗ dơ dáy, thì cũng còn quí báu ; dầu người lịch sự hay xấu xa đeo, thì cũng còn sáng ngời chói lói luôn.

6° — Một tấm kiến soi mặt cũng còn tốt hoài, dầu người lịch sự hay là xấu xa soi kiến đó, dầu quan hay dân soi kiến đó.

7° — Thiếu chi người được nhà nước và vua thưởng mề đay và bằng cấp đủ thứ, song ăn ở không đúng bực mình ; đáng lý có người thấy vậy thì chê, không chịu lãnh mề đay, mà sao cũng có kẻ nài nĩ, bợ đỡ, cho được mề đay nữa.

8° — Con cái trong một nhà cũng có đứa nên đứa hư, gia đạo nào cho khỏi. Có nên lấy đó mà cho rằng : gia đạo nào cũng không nên thân chăng ?

9° — Nước nào cũng có người hiền từ đức hạnh và cũng có kẻ gian hùng, ăn trộm ăn cướp. Vậy ví dụ có Annam ăn cướp sát nhơn, mà ai gọi rằng Annam là đồ ăn cướp sát nhơn, thì đồng ban ta có bằng lòng không? Và có phải là vì một bọn xấu, mà cả và nước cũng là xấu hết sao?

10° — Thuốc uống linh nghiệm đã tật, hay là đồ ăn chi mĩ vị, thì dầu kẻ đứng bán là sang hèn, tử tế, vui vẻ cùng không, thì đồ ăn cũng còn ngon luôn, và thuốc cũng còn hay mãi.

11° — Những nghề hay, như là vẽ vời, đờn ca xướng hát, trau giồi, dầu cho có thợ dỡ vụng về, thì những nghề đó cũng còn là khéo léo luôn, và nghề đó bởi đâu mà ra, ở xứ nào, thì ai nấy cũng đến mà học nghề, hầu đem về nước nhà mình, chớ chẳng chê rằng, ở xứ khác nên không thèm bắt chước. *Đạo chánh* cũng vậy, dầu xứ khác đem lại dạy ta, ta suy xét rõ lại được là đạo

Đấng Tạo Hóa lập ra, là đạo ta phải giữ, vì là phần rỗi ta ngày sau, thì ta cứ giữ, chớ lo gì mà gọi là đạo nước lạ đem tới ?

F. — Mà đạo Thiên Chúa có phải là đạo riêng của xứ nào đâu ? Ấy là đạo của *Đấng Tạo Hóa* lập ra, nên là đạo đáng lý cả và loài người trong trái đất nầy phải lo mà giữ mới phải.

Đạo Thiên Chúa cũng chẳng phải là đạo của người Tây, người Iphanho hay là người Búttughê mà thôi đâu.

Người Annam tưởng lầm vậy, là vì có thầy cả Tây, hay là Iphanho hay là Búttughê qua nước An Nam trước hết mà giảng đạo Thiên Chúa. Chớ quả thật, đạo Thiên Chúa là đạo xứ nào cũng có giữ hết.

Xét thêm nữa, thì đáng lý phải cho đạo Thiên Chúa, nghĩa là đạo Kirixitô, thì cội rễ là bởi phương Đông ta mà ra, vì Đức Chúa Giêsu Kirixitô, là Đức Chúa Trời, đã lấy xác lấy linh hồn như

người ta mà xuống thế gian nầy, tại thành Bêlem, trong xứ Palestina, thuộc về Phương Đông, như nước An Nam cũng thuộc về Phương Đông vậy.

Ấy rõ lại thì đạo Kirixitô cội rễ là Phương Đông, chớ không phải Phương Tây.

Mấy lời ví dụ trên đây, chỉ rõ ràng ta chớ nên lương lẹo kiếm lẽ nầy lẽ kia mà nhắm mắt bịt tai, không chịu tìm *đàng thật* mà đi cho tới nơi cõi thọ, là nơi ngày sau ta trông cậy sẽ ở được luôn luôn đời đời kiếp kiếp.

Ta hãy lấy lòng ngay thật mà tìm đường, mà hỏi thăm *sự thật*, chớ nên cãi cọ rầy rà trong việc vô ích nhỏ mọn mà trễ ngày giờ, mà không lo đến sự can hệ hơn hết trong đời ta, là phần rỗi của ta ngày sau.

G. — Sau nữa, cũng có người chịu cho đạo Thiên Chúa là chơn thật, là đáng kính, đáng phục, song xưng rằng lỡ rồi, theo đạo ông bà thuở nay đã

lưu truyền lại, nếu đổi đạo khác thì ra thất hiếu.

Nói vậy sao ai nấy bây giờ cũng ham theo đời văn minh mà ăn mặc theo Tây, đờn ca xướng hát theo tây, sắm sửa trong nhà theo tây, xe cộ theo tây, thuốc men, rượu chè theo tây, tóc tai chãi gỡ trau giồi theo tây, tang chế theo tây, cưới hỏi theo tây, mà không sợ rằng đó là thất hiếu, vì không giữ theo phong tục ông bà ? Mà theo văn minh như vậy thì có ai cho là không nên chăng ? vì sự gì tốt mà bắt chước, mà theo, thì nào là có lỗi chi đâu ?

Huống chi là theo đạo chơn thật, là đạo chánh, là đạo của Đấng Tạo Hóa, ta nhìn biết được, ta tìm được, thì ta theo. Như vậy có phải là thất hiếu với ông bà đâu ? Ông bà ta khi xưa, chưa biết đạo Thiên Chúa, vì chưa nghe chưa thấy, nên ta trông cậy Chúa cũng rộng lòng lân mẫn thứ tha châm chế. Ngày nay ông bà ta không còn ở thế

nầy, thì ắt là có con mắt thiêng liêng mà thấy rõ đạo Thiên Chúa là chơn thật, nên có lẽ cũng ước ao cho ta giữ đạo ấy, chớ không phiền muộn ta chi đâu.

Vã lại hễ ta chắc chắn được rằng: ông bà ta đã lạc đường, mà ta còn theo đường đó nữa, thì là hiếu thảo đó sao? Đã vô lối cho ông bà, mà lại còn hại thêm cho ta mà thôi. Cũng như bị chìm ghe, rủi ông bà ta chết trôi, thì ta cũng phải lo cứu mạng ta; chớ nếu ta nhận ta xuống nước mà chết theo ông bà nữa, thì nào có ra ích gì đâu? thà sống mà lo nối dòng kế hậu, chẳng phải hơn sao?

H. — Có người khác nói rằng: phải *thờ* ông bà, mới đúng bổn phận làm con!

Ở đời nầy, không ai được phép để cho ai *thờ* mình, và không ai được phép *thờ* người nào ở dưới thế nầy hết, vì sự *thờ* phượng thì một mình Đấng Tạo Hóa được hưởng mà thôi. Còn trong

loài người, ai nấy cũng là bởi Đấng Tạo Hóa sanh ra, dầu vua dầu dân cũng vậy, đều gọi là con cái của Đấng Tạo Hóa, nên có một mình Đấng ấy được quờn phép cho ai nấy *thờ* Người mà thôi. Xin nhắc ví dụ ta đã có nói rồi, là như trong một xứ kia, dân sự không tùng phục vua, mà tùng phục con của vua, hay là quan quyền của vua, thì sao cho phải được ? Vì chẳng những là không được thưởng, mà lại bị vua phạt nữa mà chớ.

Ấy sự giữ đạo cũng vậy ! Ta không thờ Đấng Tạo Hóa, mà thờ ông bà ta, là con cái của Đấng Tạo Hóa, hay là thờ các danh vị tu nhơn tích đức nào gọi là nhơn hiền, cùng là đấng nầy đấng kia, cũng là con cái của Đấng Tạo Hóa sanh thành, thì làm sao cho phải lẽ ?

Ông bà sanh thành ta ra, thì là bởi phép Đấng Tạo Hóa cho. Các hiền nhơn, dầu khôn ngoan công trận cách nào, dầu có đức thể nào, cũng là loài người,

có cha mẹ bởi phép Đấng Tạo Hóa sanh ra.

Nói tắt một lời, ai ai dưới thế nầy cũng là loài thọ sanh, có sinh có tử, cũng là loài người ta bởi Đấng Tạo Hóa dựng nên, và cũng bằng nhau trước mặt Đấng Tạo Hóa hết, không ai hơn ai, nên không ai *thờ* ai được, mà cũng không ai nên biểu ai *thờ* mình.

Xét lại coi ! Các hiền nhơn mà người ta gọi là Phật, là Thần, thì chỉ lo ăn chay hãm mình và khuyên lơn người đời tu nhơn tích đức, hầu khi chết rồi, đặng hưởng phước thanh nhàn trên nơi cõi thọ kia, cho khỏi hình phạt ngày sau mà thôi, chớ có ai mà dám xưng mình là Đấng Tạo Hóa chí tôn, và dám biểu ai *thờ* mình đâu ? Mà sao mình lại *thờ* những kẻ ấy ?

Trong đạo Thiên Chúa có thiếu chi muôn muôn vàn vàn đấng thánh hiền, mà nào bổn đạo có *thờ* các đấng ấy đâu ? Chỉ kính và đọc kinh xin các

đấng ấy cầu khẩn giùm cho mình trước mặt Đức Chúa Trời, như là xin quan quyền tâu bẩm lại với vua mà thôi.

Theo việc thế gian thì các nước thường cũng hay dựng hình mấy người có công nghiệp với bổn xứ, là có ý cho ai nấy noi theo gương lành và nhớ gương ấy mà ngợi khen, chớ nào có ai *thờ* ai đâu ?

Vậy nếu ta phục và ngợi khen tài trí, hay là công đức của hiền nhơn nào, mà lại còn tôn lên bằng Đấng Tạo Hóa mà *thờ* lạy, thì là sái lắm.

Ấy vậy, bây giờ ta rõ ràng : loài người ta phải *thờ* một mình Đấng Tạo Hóa, là Đấng dựng nên Trời đất muôn vật mà thôi, là *Đức Chúa Trời*, chớ không nên thờ ai khác, hay là vật chi nữa, như là trời, đất, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, sông biển, cùng là cây cối hay là loài vật, cùng là quỉ thần chi nữa, hết thảy các nhơn vật ấy đều là của Đấng Tạo Hóa dựng nên mà chớ.

Cũng chẳng nên thờ vị nào một bực với *Đức Chúa Trời*, vì có ý tính lận rằng: thờ nhiều người cho đặng chắc ngày sau cũng có nhiều người che chở! Tưởng như vậy thì là lầm lắm, và lại hại lắm, ví dụ nước nào cũng có một vua làm chủ, mà nếu dân sự làm tôi vua đó một lược với ai khác trong nước, thì có lẽ nào vua đó chịu như vậy được, mà không phạt sao?

I. — Có người lại nói rằng: trong đạo họ cũng thờ Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời, song thờ theo ý mình tưởng, chớ không cần gì thờ *Đức Chúa Trời* theo luật phép của đạo Thiên Chúa dạy, vì thờ Chúa trong lòng cũng đủ rồi.

Nói thể ấy thì cũng là sái nữa. Ví dụ ai làm tôi vua trong nước mà dám nói rằng: «Tôi phò tá vua, song tôi giữ theo ý tôi, không cần chi theo cách vua dạy. Tôi ở nhà tôi, tôi cũng lo công việc đủ cho vua thì thôi; tôi

chẳng cần gì phải đi hầu hạ vua tại đền vua. Còn giấy tờ phải nạp cho vua, thì tôi không cần gì theo kiểu của vua biểu; tôi làm sao thì làm, dùng giấy tờ gì mặc ý, miễn là cũng đủ mọi việc trọn niềm cho vua thì thôi. »

Quan dân nào mà nói và làm như vậy, thì vua thưởng hay là phạt ? Xin ai nấy xét lấy.

Giữ đạo thánh Đức Chúa Trời, là đạo Thiên Chúa cũng vậy. Phải giữ theo luật Chúa dạy, chớ không được theo ý riêng mình.

Đức Chúa Giêsu đã lập đạo nầy hơn 1900 năm nay, có đặt để đấng cầm quyền thay mặt Người, là quyền Đức Chúa Trời, gọi là Đức Giáo Tông và nối quyền nhau cho đến đời nay, mà cai trị Hội Thánh đạo Thiên Chúa cả và thế gian. Đâu đâu, đời nào, người giữ đạo Thiên Chúa cũng phải vưng giữ luật điều và lễ nhạc, kinh kệ giống nhau, không được sái một nét.

Bất kỳ xứ nào, cũng đều giữ đạo Thiên Chúa một cách như nhau hết, dùng một tiếng như nhau hết, là tiếng latinh, không ai dám dời đổi chi hết, và đều tùng phục Đức Giáo Tông, là Đấng thay mặt Đức Chúa Trời, dầu Giáo Tông ấy là người xứ nào, thì ai nấy cũng phải vâng lời như là vâng lời Đức Chúa Trời vậy.

Thể ấy mới thật là giữ đạo Đức Chúa Trời chính đính, chớ có ai dám tự quyền mà giữ đạo theo ý riêng mình đâu ?

ĐOẠN THỨ MƯỜI BẢY

Ngõ cùng các đấng có ăn học

Trong mười sáu đoạn trước tới đây, thì tôi phân trần về Đạo Lý với đồng bang một cách đơn sơ thiệt tình, trông cậy kẻ lớn người nhỏ đều vui lòng mà thẩm nghĩ những lời tôi đã góp lại cho gọn ghẻ, hầu cho ai nấy dễ suy xét.

Nay tôi xin phép ngỗ riêng cùng các đấng có ăn học, văn minh trí huệ thông thái hơn tôi bội phần, có đi nhiều xứ phương Tây, có thấy nhiều nơi, có gặp nhiều người, có truyện vãn với kẻ thông thái, có đọc nhiều sách, có so sánh được mọi đều.

Chắc các đấng, theo trong một đoạn đầu sách nầy, thì cũng không dễ gì cho ai dỗ dành chi đâu, vì các đấng lấy trí huệ thông minh các đấng mà cân lường.

Vậy tôi dám chắc chắn : chớ chi các đấng chịu lấy lòng ngay dạ thẳng mà bàn luận với lương tâm, chịu hồi tâm tủy lại, chịu để riêng ra việc đời và các cuộc ăn thua với đời, chịu từ bỏ ý riêng kiêu căng nhơn loại hằng chứa trong mình : nói tắt một lời, chớ chi các đấng chịu lấy lòng lấy trí thiêng liêng mà dòm ngó trong sự thiêng liêng là sự *đời sau*, là sự trọng vọng hơn hết con người phải lo, thì có lẽ các đấng cũng sẽ theo *đạo Thiên Chúa*, là sự quí báu *đời nay*

và *đời sau*, là *Đàng Phước Thật* đời đời kiếp kiếp, cũng như các đấng đã tự do mà theo sự ăn học chữ nghĩa văn minh vậy, vì các đấng thấy đó là một sự nên theo.

Đạo Thiên Chúa không phải là đạo người phàm nào bày đặt ra, song là đạo của chính mình Đấng Tạo Hóa dạy ra, chỉ ra cho loài người *phải giữ*. Xin hãy do theo mấy đoạn trước. Vậy *đạo Thiên Chúa* không phải là đạo dốt nát tầm phều tầm để cho kẻ dốt nát quê mùa, cho đờn bà con nít giữ đâu. *Đạo Thiên Chúa* cũng chẳng lo ai cãi cọ, cũng chẳng sợ ai thông thái bắt lẽ nầy lẽ kia ; vì không khi nào trí loài người ăn qua trí Đấng Tạo Hóa được đâu. Sự thông thái ở đời nầy thì cũng bởi một tay Đấng Tạo Hóa, gọi là *Đức Chúa Trời* ban cho mà thôi. Ngày nào Đức Chúa Trời cất ơn thông thái đó, thì ai trí huệ bao nhiêu đi nữa, cũng ra điên cuồng mà chớ. Con người, đến tuổi già thì cũng bị lẫn lộ, có ai khỏi không ?

Ta xét sơ một chút thì thấy rõ ràng, con người mỏng giòn lắm, dầu thông minh, dầu giàu sang bao nhiêu, dầu quyền phép chừng nào, thì cũng ở trong tay Đức Chúa Trời như một hột tro bụi kia. Đức Chúa Trời gởi một sự tai hại tới, thì đâu đó cũng run sợ : bịnh hoạn dịch khí, rủi ro, dông tố, nước lụt, lửa củi, vân vân, trong một nháy mắt thì mọi sự đều ra không không.

Một chiếc tàu lớn cả thể ra biển bị một luồng dông tố, thì đủ mà chìm ngấm dưới đáy biển ; rồi thì mặt biển cũng lặng như thường. Ai thấy biển bình tịnh như vậy mà ngờ rằng : nó mới nhận mới nuốt một chiếc tàu cả và thế gian đều khen ngợi ?

Nghĩ vậy, mới giựt mình, mới thấy Đức Chúa Trời là phép tắc vô cùng, giờ phút nào Đức Chúa Trời muốn làm cho ta ra tro bụi, thì cũng dễ hơn là ta thở ra thở vô.

Nghĩ vậy, ta mới thấy ta là hèn mạt dường nào ! Đức Chúa Trời còn cho ta được sống, thì ta quơ tay quơ chơn, khua mỏ, ra hình như ta có đủ tài đủ sức mà làm mọi việc được hết. Đức Chúa Trời cho ta một cơn bịnh mà thôi, thì ta nằm đó mà rên siếc, hết còn làm gì, muốn gì nữa được.

Nghĩ vậy, mà ta lại còn cượng lý với Đức Chúa Trời, không chịu tùng phục Đức Chúa Trời, không chịu tin có *một* Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa đã dựng nên trời đất muôn loài muôn vật, vì ta dám cả gan mà nói rằng : *trí của ta* hiểu không đặng, tin không đặng, nên ta không theo Đức Chúa Trời.

Tội nghiệp cho ta quá, vì ta kiêu ngạo quá đỗi, nên mới cuồng trí, không nhớ rằng, sự thông thái của ta sánh với sự thông minh của Đức Chúa Trời, thì là không bằng một chút hơi nước sôi sánh với nước trên mây và dưới biển, trong sông, trong suối ; không bằng một cái hình vẽ với sự thiệt.

Nói tắt một lời, vì ta là phàm hèn tội lỗi, lòng dạ đầy sự kiêu ngạo hư từ, nên không có trong sạch cho đủ mà thấy một sự dễ thấy, nếu ta có lòng ngay thẳng, thật thà chơn chất, khiêm nhượng hiền từ đức hạnh, âu là ta chẳng dám sánh ta với Đức Chúa Trời giây phút nào hết, song một cứ khâm phục cúi đầu xuống mà thờ lạy Đức Chúa Trời là Đấng chí tôn vô đối.

Vậy ta hãy do theo sử ký mà coi đạo Thiên Chúa có gạt lường ai không, có bị sự ăn học thông thái cho rằng giả trá được không, và có kẻ trí huệ theo không, hay là người dốt nát mà thôi.

Ban đầu hết, khi Đức Chúa Giêsu đi giảng đạo, thì dùng những người dốt nát quê mùa, là thợ chài thợ lưới, mà làm Tông đồ Người, là có ý chỉ Người là Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng, nên làm việc cả thể trong đời, mà không thèm dùng mọi phương thường lề người phàm hay dùng, là kiếm

người có tài trí quyền thế. Đức Chúa Giêsu dùng người yếu đuối hèn hạ mà làm nên việc cả thể trọng vọng hơn hết.

Bỡi đó nên đến sau thì có người có tiếng, người sang trọng, người danh vọng cũng theo đạo của Đức Chúa Giêsu giảng, như là Nicođêmô, là một tấn sĩ trong bọn Pharisêu, ông Zachêu là quan lại, cai việc thâu thuế cho nhà nước Rôma, ông Giuse Arimathia, là một người danh giá, ông Ladarô và hai người chị là Martha và Maria, cũng là nhà phú quí trong xứ.

Khi Đức Chúa Giêsu chết rồi, thì ông Phaolồ là một vị thông minh, tài lực, lại là người bổn xã Roma, các đầu mục thầy cả sai đi bắt đạo Thiên Chúa, mà sau lại cũng theo đạo nầy và nên một Tông đồ lớn, vì là thông thái bội phần, đi giảng đạo một cách mạnh mẽ trong nhiều xứ, cho đến khi chịu tử vì đạo

Chúa Kirixitô, làm cho nhiều kẻ sang trọng chức quyền khác cũng theo đạo Kirixitô nữa.

Thầy phó tế Philípphê cũng giảng cho nhiều quan quyền trở lại đạo Thiên Chúa, như quan hầu cận của bà hoàng hậu nước Ethiopia.

Còn thiếu chi người ăn học đời đó giữ đạo hay là giảng đạo, cùng chịu tử vì đạo, như ông thánh Luca, là thầy thuốc, thợ vẽ và văn chương có danh, như Đức Giáo Tông Clêmentê, như thánh Ignatiô, thánh Polycarpô, vân vân, là đấng viết nhiều sách đời nay hãy còn quí báu.

Qua năm 42, nhờ lời giảng dạy của ông Phêrô, là tông đồ cả, thì nhà sang trọng quan quyền tại Rôma, là kinh đô hoàng đế ngự, cũng có vô đạo nhiều lắm, dầu có lịnh cấm nhặt.

Qua năm 57, thì tông đồ Phaolồ bị giam tại Rôma, mà người giảng giải lẽ đạo Thiên Chúa đành rành, đến đỗi

trong đền hoàng đế cũng có kẻ vô đạo nữa.

Ta hãy kể tắt mấy tên có danh vọng vào đạo, đời nầy qua đời kia, hầu rõ thấy không phải kẻ dốt nát theo đạo Thiên Chúa mà thôi đâu.

Mấy đấng kể ra sau nầy, đời nay cũng hãy còn danh tiếng cả và thế gian, chớ không phải là người hàng thứ dân dễ cho ai lường gạt đâu. Qua thế kỷ thứ hai, có ông thánh Justinô, ông Tertulianô là một người thông thái lắm, vân vân.

Qua thế kỷ thứ ba, có ông Clêmentê Alexandria, ông Origênê, ông Eusêbiô, ông Arnobiô, vân vân.

Qua thế kỷ thứ tư, ông thánh Cyprianô, Cyrillô Alexandria, Basiliô, Athanasiô, Grêgoriô Nazianzênô, Gioan Kim Khẩu, Hiêronimô, Ambrosiô, Augustinô, Hilariô, Grêgôriô Magnô, v.v.

Qua mấy thế kỷ sau, ông thánh Bênêđictô, Vinhcentê Lêrinô, Gioan

Scott, Albertô Magnô, Thoma Aquinô, Bonaventura, Anselmô, v. v.

Không thế nào mà kể ra cho đủ tên các đấng giàu có sang trọng thông thái giữ đạo Thiên Chúa. Mấy tên trên đây và mấy tên tôi có hài ra trong một đoạn trước rồi, thì ai có ăn học cũng đều biết danh hết.

Còn trong đời ta đây thì thiếu gì đấng danh vọng cả và thế gian cũng giữ đạo Thiên Chúa, kể tên ra không xiết. Nhiều đấng thông thái chừng nào, học thấu ngôi sao trên trời và loài vật cây cối dưới đất chừng nào, thì lại càng tin có Đức Chúa Trời chừng nấy, mà thờ lạy Đấng Tạo Hóa chí tôn vô đối hết lòng hết trí.

Đạo Thiên Chúa là việc trọng vọng hơn hết các việc ở đời nầy, là việc của Đấng Tạo Hóa, nên không cần phải phô trương ra nhiều dân sự, nhiều kẻ danh vọng, mà làm chứng rằng : là sự nên theo nên giữ.

Không đâu, Đức Chúa Trời là phép tắc vô cùng, không cần ai giúp việc Người, ta thấy nhiều phen rồi trong mấy đoạn trước. Song ta trưng ra những tên và những lý lẽ cho đặng giục lòng hèn mọn ta phải lo sự can hệ hơn hết cho ta mà thôi, nếu ta không lo thì ngày sau hại một mình ta, chớ không sao cho Đức Chúa Trời hết, vì hễ ta không thờ Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phạt ta cách nặng nề chẳng sai.

Có nhiều đấng nghịch đạo Thiên Chúa, hay là giữ đạo khác, như là Hội Tin Lành, vân vân, nhờ ơn Chúa soi sáng, hồi tâm tủy lại mà theo đạo Thiên Chúa cách mạnh mẽ lắm.

Vẫn biết cũng có kẻ thông thái không theo đạo Thiên Chúa, mà lại bắt bớ gièm siểm nữa, song ta có rõ tâm tình của họ làm sao không? Cũng như ông J. J. Rousseau là nghịch đạo, mà nhiều khi nói và viết lý lẽ về đạo,

thì coi dường như là thầy dạy đạo Thiên Chúa vậy.

Cũng như ông Voltaire là người ghét đạo và hềm thù quái gở lắm, mà ta có biết rằng, nếu khi lúc ông ấy gần chết, đừng ai cản trở, thì có khi trở lại đạo chăng? Vì có một lần, ông đi tàu bị dông tố gần chìm tàu, ai nấy đi kiếm ông, thì dòm lên thấy ông đang quì gối trong một kẹt kia, tay cầm chuỗi lần mà đọc kinh!

Vậy kẻ giữ đạo Thiên Chúa không phải là bởi tại dốt nát, đụng đâu nghe đó. Kẻ biết suy xét cân lường chừng nào, nếu lòng ngay dạ thẳng, lại còn ám hạp đạo Kirixitô hơn nữa. — Còn kẻ nào khác không vào đạo, là vì chưa có ơn Chúa ban « đức tin », hay là có sự chi ngăn trở trong lòng, trong lương tâm, ai hầu rõ được?

Đạo Thiên Chúa không phải là đạo lường gạt ai, không phải là đạo khinh thị ai, kiếm kẻ giàu sang mà bỏ kẻ

nghèo hèn, song là đạo của Đức Chúa Trời, nghĩa là đạo của cả và loài người ta là con chung của Chúa hết, ai không muốn theo mà vưng giữ, thì ngày sau sẽ trả lẽ lấy, sẽ chịu phạt lấy, vì đạo nầy dạy rằng:

« Có một đàng lên Thiên đàng mà thôi, là đàng rất chính rất thật là đạo Thánh Đức Chúa Trời. »

ĐOẠN THỨ MƯỜI TÁM

Lời kết luận.

Tôi sẵn lòng mà cúi lạy đồng bang, xin nghĩ giùm cho tôi, hầu rõ nhơn sao tôi ra công mà viết sách mọn nầy, dầu tôi không phải là thầy dạy đạo.

Tôi là một người bổn đạo Thiên Chúa, như mọi người đồng đạo cùng tôi mà thôi. — Tôi cũng ở đời giữa thế gian như mọi người, cũng lận đận lao đao, cũng gian nan tân khổ như ai nấy.

Nhiều khi cũng ngước mặt lên trời, mà tìm kiếm coi sự thanh nhàn ở đâu, vì khao khát sự thảnh thơi, sự an lòng an trí, như người đi đàng ở giữa rừng cát khát nước vậy.

Tôi dòm lại được, thì thấy sự thanh nhàn chẳng phải ở nơi mắt thấy mà thôi, nghĩa là chẳng phải ở trong sự giàu có sang trọng phú quí hay là đám vui chơi sung sướng theo phần đời xác thịt. Những sự đó là chóng qua. Lại khi hưởng nó rồi, thì còn lại sự đắng cay, ăn năn hối hận, nhàm lờn, cũng như qua một buổi tiệc rượu chè sắc dục, qua sáng ngày thì ai nấy đều bề nghề. mệt nhọc, bủn rủn, chán ngán, vì trí thì ra tối tăm mê muội; xác thì rũ liệt; miệng đã ăn của mĩ vị thì nay chua chát đắng cay.

Quả thật, sự người ta ở đời gọi là « *phước* » thì là sự giả dối phỉnh phờ mà thôi, như đèn sáng, vừa tắt, vừa thấy tối đen; như tuồng hát bộ, vai tuồng

vô trong buồng rồi thì ai như nấy, hết còn vua chúa với ai nữa.

« Phước » giả trá đó là vui cười hớn hở bề ngoài với đời mà thôi ; ở ngoài ngọt ngào bao nhiêu, thì trong lòng chua xót bấy nhiêu.

« Phước » giả trá đó lại chóng qua như trời chớp, thấy sáng đó, liền có sấm sét bão bùng dông tố tiếp theo.

Rõ lại, có một *« phước thật »* mà thôi, là phước bởi trong lòng mà ra.

« Phước thật » nầy chẳng phải là được mọi sự như ý, muốn gì được nấy. Song nhờ *« phước thật, »* thì dầu sung sướng hay là khốn khổ, cũng là bằng lòng chịu nổi hết.

Hễ vui, thì vui thiệt tình, khoái lạc êm thấm lâu dài, không nhàm lờn.

Hễ gian nan, thì cũng bình tịnh như thường, bền vững luôn luôn.

« Phước thật, » có một mình *đạo Thiên Chúa* cho được mà thôi. Ai giữ đạo nầy chín chắn, thì chắc là được

« *phước thật* » đó chẳng sai, làm cho dưới đất nầy ra như Thiên đàng, vì sự gian nan trở ra sự vui mầng, sự cay đắng ra dịu ngọt, sự nặng nề ra nhẹ nhàng, sự tối tăm ra sáng sủa, sự ngã lòng ra sự an ủi.

Dầu cho ai cãi lại rằng: đạo khác cũng có sự phước như vậy, thì tôi cũng xin trả lời: « Có quả thật vậy không? »

Vì tôi ngó lại hạnh các Thánh trong đạo Thiên Chúa, tôi nhớ lại các thánh Tử đạo, các thánh Tu rừng hay là các kẻ tu trì nam nữ trong các Nhà Dòng, các kẻ bỏ cha mẹ quê hương mà trẩy qua nước xa xứ lạ mà giảng đạo, mà nuôi bịnh hoạn phung cùi lở lói, dịch khí, mà bồng ẵm ấp yêu con nít hài nhi kẻ khác bỏ trôi sông lạc chợ, mà dưỡng dục kẻ già yếu, mồ côi cô độc; dầu phải lây bịnh hay là chịu bắt bớ, thì cũng vui lòng luôn.

Khi tôi còn nhớ nhiều đều khác nữa nhãn tiền, ai ai ngoại đạo cũng đều

thấy tợ mặt, thì tôi cúi đầu mà chịu cho rằng: đạo Thiên Chúa là *đạo chánh*, là *đàng phước thật*, vì nếu đạo nầy không phải là đạo chánh, nghĩa là đạo của Đấng Tạo Hóa chí tôn truyền, thì không lẽ nào mấy kẻ giữ đạo chín chắn kể trên đây có đủ sức mạnh thiêng liêng mà bền đỗ, mà bằng lòng cho được thể ấy trong đàng gian nan của kẻ ấy đã chọn.

Nói chi đến các đấng rất thánh ấy đành lòng xa cha xa mẹ bà con cô bác và giữ sự đồng trinh, sự nghèo nàn cực khổ, còn một thân mình mà thôi, hầu rảnh rang tiện bề làm việc Chúa Trời, là kinh sách, là ăn chay hãm mình, là làm tôi mọi kẻ khác. Ai đi kiếm coi có đạo nào mà có nhiều kẻ tu trì thể ấy, cho đến đỗi sẵn lòng chịu chết vì đạo cách mạnh mẽ hớn hở êm thấm vậy chăng?

Nói sơ đến một ít đều người thường giữ đạo Thiên Chúa thì cũng là lạ lùng!

Trong đạo nầy dạy ai nấy cũng phải quì gối trước mặt thầy cả mà ăn năn và xưng các tội lỗi mình ra, chẳng sót tội nào, dầu phạm trong lòng hay là bề ngoài. Việc ấy đáng lý tự nhiên ai ai cũng phải cho là nhục lắm.

Nhơn sao bổn đạo nào cũng đều vưng giữ luật nầy ? dầu vua chúa giàu có, dầu Đức Giáo Tông hay là Giám mục. Thầy cả, cùng là bổn đạo thường, lớn nhỏ, sang hèn, cũng đều sấp mình xuống mà tỏ tội kín đáo mình ra cho thầy cả có quyền giải tội.

Thầy cả nầy lại chẳng hề khi nào, từ đời nào tới bây giờ, mà hả hơi ra một chút về sự kín trong tòa giải tội.

Coi đó có phải là một sự lạ lùng nữa chăng ? chắc phải có một mình Đức Chúa Trời khiến trong lòng người ta như vậy mà thôi.

Còn thầy cả mỗi ngày sớm mai đều làm lễ, bổn đạo mỗi ngày có nhiều người đi xem lễ và rước lễ, nghĩa là

rước Chúa, năm nầy qua năm kia, mà chẳng nhàm lờn, lại càng thêm sự khoái lạc trong lòng nữa.

Những sự « phước » thiêng liêng nầy, ai chưa nếm được thì chẳng tin được ; đến đỗi người có đạo mà không được ơn trên ban, thì cũng chẳng được hiểu sự thiêng liêng lạ lùng ấy. Song thật là sự khoái lạc thiêng liêng nầy chẳng phải là ai bày đặt bày đều nói cho lấy có.

Mà nghĩ lại : ai đi nói láo như vậy mà được ích gì ? cũng như kẻ giữ đạo sốt sắng, thì ước ao cho kẻ khác cũng giữ đạo nữa, chịu tốn của tốn công, lưu lạc xứ nầy qua xứ kia mà giảng đạo, thì nào có ý kiếm ích lợi gì đâu ? Vì đạo không có buộc bổn đạo phải trả tiền gì, góp tiền gì cho ai. Ai có lòng rộng rãi bố thí hầu làm việc lành phước đức lập công riêng cho mình, hay là ai nghèo nàn không dâng một đồng tiền nhỏ, thì cũng là y nhau, cũng vô nhà thờ, cũng xưng tội, rước lễ, giống nhau hết.

Các lẽ tôi mới hài sơ ra trên đây là lẽ bề trong làm chứng *đạo Thiên Chúa* là *đàng phước thật*, vì là *đạo chánh* của Đức Chúa Trời.

Tôi cũng chẳng cần thêm rằng : Đạo nầy trong cả và thế gian người ta đều giữ vô ngàn vô số, và có vua chúa quan quyền, thông thái, cũng giữ như hàng thứ dân, và đâu đó cũng có nhà thờ, trong thành thị hay là chốn thôn quê.

Không cần chi phải khoe khoang thể ấy cho đặng gọi rằng đạo Thiên Chúa được người ta hoan nghinh nhiều, vì đạo Thiên Chúa là « *sự thật* », theo lời tôi đã nói rồi trong một đoạn trước.

Vậy « *sự thật* », thì không ai bày vẽ ra được, và sao sao, trước sau, và ai tin nó cùng không, dầu cả và trời đất chối nó, thì « *sự thật* » cũng là « *sự thật* » luôn, vì nó là hằng có đời đời, và là sự cần kíp phải có, vì nó bởi Đức Chúa Trời hằng có đời đời mà ra.

Vậy « *sự thật* » là cần kíp can hệ cho loài người, vì nó chỉ đàng cho ta tìm được Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa dựng nên trời đất muôn loài muôn vật. Ai nấy cũng phải thờ lạy kính phục.

Ta đã thấy rồi trong mấy đoạn trước: người ta ở xứ nào, đời nào, cũng là bởi một tổ tông, là ông Adong và bà Evà mà ra. Đến sau trôi nổi tứ xứ, cũng bởi một gốc mà ra, nên giữ đạo tự nhiên của Chúa đặt để trong lòng mỗi người, và cũng có gốc giữ đạo Đức Chúa Trời trước khi tản lạc ra, nên khi trôi tới xứ xa, như bên nước Thiên Trước hay là bên Tàu, thì cũng cứ làm lành lánh dữ.

Mấy đấng hiền nhơn, tên là Thích Ca hay là Bù Đà, cùng là Khổng Tử, vân vân, thì cũng do theo đạo tự nhiên và đạo xưa ông bà còn nhớ lúc chưa tản lạc, mà dạy người ta theo đàng ngay lẽ chánh. Song bởi lâu năm lâu

đời, nên quên, phải mất gốc đạo Đức Chúa Trời, nên dạy phải thờ «*Ông trời*», chỉ nghĩa là Đấng Tạo Hóa.

Đang khi các Hiền nhơn bị lưu lạc mấy xứ xa, như Thiên Trước cùng là bên Tàu, vân vân, mà dạy dân sự phải thờ «*Ông Trời*», thì theo một đoạn trước sách nầy, bên Thánh Địa, các Hiền nhơn khác làm đầu dân Giudêu, như ông Abraham, Isaac, Jacob, Moysen, Josuê, vân vân, cũng dạy dân sự phải thờ *Jêhova* là «*Đức Chúa Trời*» là Đấng Tạo Hóa mà các Hiền nhơn lưu lạc quên tên, như ta mới nói trên đây.

Tại vậy nên nhiều người lầm mà rằng đạo Phật, đạo Khổng Tử, đạo Thích Ca, vân vân, ra trước đạo Giêsu Kirixitô. Các Hiền nhơn của dân Giudêu, là dân của Đức Chúa Trời, Jêhova, như ông Abraham, Isaac, Jacob, Moysen, Josuê, vân, vân, cũng đã dạy đạo Thiên Chúa trước Đức Chúa Giêsu vậy. Song đến sau, dân

Giudêu và các dân các nước khác cũng theo đạo Thiên Chúa theo cách thức của chính mình Đức Chúa Trời xuống thế mà dạy.

Ngày nay ta rõ lại các thứ đạo Phật, đạo Bù Đà, vân vân, cũng là bởi một gốc đạo Jêhova, là Đức Chúa Trời mà ra, là Đấng dựng nên cả và loài người ta, song vì trôi nổi ra các xứ xa lạ, và vì lâu đời quá, mất gốc mất rễ, nên có nhiều chỗ lầm chỗ sái không còn trúng theo ý Thiên Chúa nữa. Ngày nay ta rõ lại các Hiền Nhơn tên là Thích Ca, Khổng Tử vân vân, cũng là người phàm như mọi người, có sanh có tử, xác phải ra hư nát, cũng là bởi Đức Chúa Trời sinh ra, song vì có công tu nhơn đức, ăn chay hãm mình đánh tội, thì dân sự cho là Thánh Hiền, mà tôn kính quá bực đến đỗi *thờ* các đấng ấy. Như vậy thì là sái lắm, vì trước hết nhơn loài phải thờ một mình Đấng Tạo Hóa mà thôi, chớ không được thờ

ai khác, cũng như con cái phải thảo kính cha mẹ trên trước mọi người thảy thảy.

Hai là vì các nhơn hiền, bất kỳ xứ nào đời nào, cũng không ai cả gan mà biểu ai thờ mình.

Ai kiếm coi ông Thích Ca, ông Khổng Tử, vân vân, có ông nào biểu dân sự thờ mình chăng ; một cứ dạy phải thờ Đấng Tạo Hóa chí tôn mà thôi.

Mấy ông nhơn hiền trong đạo Chúa Jêhôva như ông Abraham, Isaac, Jacob, Moysen, vân vân làm đầu dân Giudêu cũng vậy. Có ông nào mà dám biểu dân sự thờ mình đâu. Lại đến sau thì nào có ai mà thờ mấy ông đâu !

Sao bên nước ta lại thờ mấy nhơn hiền Thích Ca, Khổng Tử, vân vân ?

Vậy nay chớ chi ai giữ đạo Phật mà rõ đã lầm thể ấy, mà về đàng chánh, mà giữ *đạo chánh*, thì trúng lý là dường nào !

Xin nhắc dón lại nữa, để ta nhớ cho tường tận : Đạo nào cũng dạy làm lành lánh dữ, vì cũng bởi một gốc mà ra, mà khác nhau trong các đều chi nữa là cũng vì mất gốc đó, nên đi lạc.

Cũng như con cháu một dòng tản lạc tứ xứ, tánh tình giống nhau, mà ăn ở khác nhau là tại lạc gốc. Mấy nhơn hiền đâu đó cũng rán tu nhơn tích đức, ăn chay hãm mình cho đặng dễ phần rỗi khi qua đời rồi. Vậy các nhơn hiền xứ Tàu hay là Thiên Trước, nào có ai biểu nhơn sự thờ mình đâu ? Song tại dân sự thấy các đấng ấy ăn ở ngay lành nhơn hậu trung chánh, những lo tu nhơn tích đức công lao nhiều, khác lạ người phàm, nên đặt tên là Phật, là Thần mà thờ các đấng ấy, quên mình phải thờ một *Đấng Tạo Hóa* mà thôi.

Xét tắt một lẽ nhỏ mọn nữa, thì hiểu rõ loài người cũng bởi một gốc, một đạo mà ra :

Xứ nào, đời nào, ai ai cũng lo cầu khẩn cho kẻ chết rồi đặng tiêu rồi nơi cõi thọ.

Vậy thì ta nên chắc chắn một đều, là còn một *đời sau* nữa, chớ đời nay là *đời tạm* mà thôi, vì *đời tạm* nầy mỗi người sống hết sức là quá trăm năm mà thôi, còn *đời sau*, khỉ sự từ ngày chết, thì là *đời đời kiếp kiếp*, nên dầu ông bà tổ tiên chết đà lâu năm lâu đời rồi, thì con cháu cũng hằng cứ cầu khẩn cho kẻ chết luôn.

Vậy chúng ta hết thảy, bất kỳ ai, cũng trông cậy *đời sau* sẽ được nghỉ ngơi vui vầy trên *nơi cõi thọ*, là nơi *Đấng Tạo Hóa* ngự mà thưởng *đời đời kiếp kiếp* kẻ đã thờ phượng Người, và phạt *đời đời kiếp kiếp* kẻ đã không chịu thờ phượng Người.

Ta hãy hồi tâm tủy lại mà lo tìm kiếm hết lòng hết sức sự « *phước đời đời chẳng cùng* » của ta, hơn là mọi sự gì khác đời chóng qua như nháy mắt nầy.

Ông tiên sanh danh tiếng *Pascal* có viết câu nầy :

« Mấy ông chớ nói như vầy : — Nếu tôi tin được đạo Thiên Chúa, thì tôi tức thì sẽ bỏ sự ăn chơi ! — Tôi xin trả lời : Nếu mấy ông bỏ sự ăn chơi, thì mấy ông sẽ có đức tin ấy chẳng sai. Vậy mấy ông hãy lo mà bớt các tánh tình tư dục của mấy ông hơn là lo đòi thêm chứng cớ lý lẽ mới chịu tin đạo Thiên Chúa ! »

Lời nầy chắc trúng tâm nhiều người bày chuyện mà chữa mình cho khỏi vào đàng ngay lẽ chánh, là đàng hẹp hòi mất sự thong thả chơi bời.

Sự ấy mặc ý mỗi người, song thương hại lắm, vì «*Phần rỗi*» ngày sau là trọng vọng hơn hết mọi sự của con người.

Nhớ lời ông Pascal mới trưng trên đó, thì chẳng cần gì cãi lẽ lâu dài nữa với kẻ nào có trí mà không muốn hiểu, có tai mà không muốn nghe, có mắt mà không muốn thấy, cứ lo chìu

theo tình tư dục, theo sự chơi bời, theo sự ham hố của cải danh vọng, là như bóng của mình, rượt nó chừng nào thì cũng không hề bắt được, cho mình đặng phỉ tình bao giờ.

Còn kẻ nào khác tưởng mình thông thái trí huệ cao sâu mà rằng : « Chừng tôi hiểu đặng sự « *mầu nhiệm* » trong đạo Thiên Chúa dạy, thì tôi mới tin », vậy tôi xin nhắc vài câu nầy của các đấng có danh :

Ông Georges Clémenceau, không giữ đạo Thiên Chúa, nói : « Người còn sống sau hết dưới đất nầy cũng sẽ chết trong sự « *mầu nhiệm* », ấy là đã xảy ra rồi cho người đã sanh ra đầu hết dưới đất nầy. » (La Mêlée sociale).

Ông Saleilles, là một tiên sinh ở Paris nói :

« Lần lần, trong đời văn minh nầy, người ta càng kính trọng sự đạo hạnh, và càng kính phục sự « mầu nhiệm » đời sau. »

Ông tiên sanh Lamartine nói :

« Có một mình Đức Chúa Trời biết sự « *mầu nhiệm* » của Đức Chúa Trời mà thôi. Đáng lý phải có bản treo cùng hết các nơi, các chỗ thông thái chữ nghĩa văn minh đề rằng : Bay hãy ngừng lại, vì đây là tới giếng sự « *mầu nhiệm* » thẳm sâu ! Bay hãy ngó, khen và thờ lạy. Chớ lo tìm kiếm nữa hầu cắt nghĩa đặng chi đâu, vì đó là tới sự « *mầu nhiệm* » cao sâu rồi. Không ai leo qua khỏi trí ý Đức Chúa Trời đặng ! »

Ông tiên sanh Veuillot nói :

« Người ta không hiểu sự sống, sự chết là làm sao. Người ta không hiểu người ta được. Mà người ta muốn hiểu sự « *mầu nhiệm* » của Đức Chúa Trời ! »

Hỡi đồng bang yêu dấu !

Xin đồng bang lấy lòng ngay thật mà suy xét cẩn thận thâm trầm về sự *lợi hại trọng vọng hơn hết đời đời* của

đồng bang mà « *Tìm đạo chánh*, là *đàng phước thật* » chẳng những *đời sau*, mà *đời nầy* nữa, vì hễ ta để ý dùng các sự gian nan đời nầy, các công lao khó nhọc đời nầy, đặng lập công hầu « *hưởng phước thanh nhàn đời đời trên nơi Cõi Thọ* », thì bao nhiêu sự cay đắng ở đời nầy cũng ra ngọt ngào, như người kia vui lòng chịu sự cực khổ làm ăn, vì trông cậy sẽ làm giàu được vậy.

Người có *đạo Thiên Chúa*, vì thương Chúa nhơn từ ở với loài người hơn là mẹ ở với con, nên ước ao hết lòng cho ai nấy trong loài người cũng đều làm con Chúa.

Bởi vậy nên cả và Địa phận Nam Kỳ, trong các nhà thờ lớn nhỏ và trong nhà riêng thì hằng có đọc kinh nầy :

« Xin Chúa cho các kẻ lầm lạc trở về cùng một Hội thánh, và đem các người ngoại giáo vào đạo thánh Đức Chúa Giêsu. Xin Chúa nghe cho chúng

tôi, vì công nghiệp vô cùng Đức Chúa Giêsu Kirixitô, là Đấng đã chịu nạn chịu chết trên cây thánh giá mà chuộc tội cho cả và loài người ta. »

Xin đồng bang hãy xét đó, mới rõ *đạo Thiên Chúa Kirixitô* là đạo gì :

Đạo Thiên Chúa Kirixitô là đạo của *Đức Chúa Trời*, của *Đấng Tạo Hóa* cả và trời đất muôn loài muôn vật lập ra cho loài người có hồn có xác phải giữ, hầu thờ phượng *Đấng chí tôn vô đối.*

Đạo Thiên Chúa Kirixitô là đạo loài người kính mến Đấng Tạo Hóa, như con cái kính thương cha mẹ vậy, và cũng là đạo Đấng Tạo Hóa mến yêu loài người như cha mẹ, hơn cha mẹ thương con cái nữa, đến đổi mặc lấy xác phàm con người mà xuống thế tợ mặt con người, mà dạy dỗ và đổ máu ra mà cứu chuộc con người khỏi chết khốn nạn vô cùng.

Vì vậy nên người nào biết giữ đạo, thì lo làm lành lánh dữ, chẳng phải trông được thưởng hay là khỏi bị phạt đời sau, chẳng phải vì sợ Đức Chúa Trời thạnh nộ trừng trị, song là vì lòng thương mến Đức Chúa Trời là Cha nhơn từ lòng lành quảng đại, nên rán ở sao cho Đức Chúa Trời được vui lòng mà thôi.

Đạo Thiên Chúa Kirixitô là đạo loài người thương yêu nhau hơn là anh em con một nhà, chẳng những dạy ai nấy phải thương yêu giúp đỡ nhau, mà lại buộc phải thứ tha nhau và làm lành cho kẻ làm khốn mình nữa.

Nói tắt một lời, *đạo Thiên Chúa Kirixitô*, là đạo *thương yêu.*

Người biết giữ *đạo Thiên Chúa* cho trúng cách, thì trong việc làm, không phải sợ Đức Chúa Trời phạt hay là làm hại, song *tin cậy mến yêu* Đức Chúa Trời, vì biết Đức Chúa Trời là lòng lành nhơn từ vô lượng vô biên,

nên nếu ở với Đức Chúa Trời thật lòng ngay dạ như một đứa con nít ở với mẹ nó, thì chắc chắn sẽ đặng Đức Chúa Trời ở lân mẫn đại độ chẳng sai. Mà nếu ở lương lẹo với Đức Chúa Trời, thì Người cũng là công bình chánh trực vô lượng vô biên, nên sẽ phạt cách nghiêm nhặt chẳng sai.

Lại vì Đức Chúa Trời có ra hai lề luật trọng vọng, tóm lại hết mười điều răn, là :

« Trước kính chuộng một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự, sau thì yêu người như mình vậy », nên ai muốn giữ đạo chắc chắn thì cũng ở với con người theo ý Đức Chúa Trời dạy vậy.

Bằng ai không giữ đạo trúng cách, thì ngày sau sẽ bị phạt!

Ấy coi *đạo Thiên Chúa Kirixitô* là đáng kính đáng phục dường nào, đáng yêu đáng mến bao nhiêu, đáng theo đáng giữ chính đính cách nào, ấy là bổn phận con người phải đối đãi với

Cha trọn tốt trọn lành là Đấng Tạo Hóa sanh thành dưỡng dục ta.

Tôi cúi đầu lạy đồng bang có đạo Thiên Chúa cùng không! Xin đồng bang nghĩ tình tôi là hèn mọn, song thương đồng bang theo ý Đức Chúa Trời dạy, là ước ao hết lòng hết trí, hết linh hồn, cầu khẩn sao sao đồng bang ta thảy thảy, một ngày kia nhìn biết Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa cả và trời đất muôn loài muôn vật mà *thờ lạy một mình Người* mà thôi, hầu ngày sau, khi ta lìa đời nầy là đời tạm, thì được hưởng phước đời đời trên Thiên Đàng là nơi cõi thọ.

Tôi xin đồng bang thảy thảy có đạo Thiên Chúa cùng không, một đều nầy sau hết trước khi tôi hạ bút:

Là dầu sao sao, dầu thông thái hay dốt nát, dầu giàu hay nghèo, dầu lớn hay nhỏ, dầu đau hay mạnh, dầu cực khổ hay sung sướng, dầu rầu buồn hay là vui vẻ, dầu khốn khổ hay là

thảnh thơi, thì hãy thử rán chịu khó mà cầu khẩn mỗi ngày ít nữa là một lời nầy :

« Lạy Chúa trời đất ! xin cho tôi đức tin ! ! hầu tôi biết Chúa mà thờ lạy ! »

Chúng ta làm như vậy, có ý gắn vó nài xin Đức Chúa Trời cho ta được ơn :

Tìm Đạo chánh là **Đàng phước thật** đời nầy và đời sau chẳng cùng !

CHUNG

MỤC LỤC